

Nguyễn Chu Nhạc

Trúc Nguyệt



Một sáng mùa thu, trời còn tinh mơ, sư tổ Huyền Quang sau những phút ngồi thiền, ông bước ra khỏi Am Dược. Bên ngoài, cây cỏ ướt sương đêm, tuy hơi đất, sương núi còn giăng mù nhưng đôi mắt còn tinh anh của ông vẫn đủ thấy vòm trời thu xanh non buổi sớm đang dần nhuốm hồng khi vàng nhạt chồi lên ngang đầu núi, chỉ cách ông trong tầm tay với. Ông khẽ giơ tay vươn người, và dường như giây phút này, ông quên mình là người tu hành, ngỡ đang là đáng anh hùng quân tử có trí nuốt núi ôm biển. Ông bước lên phía trước vài bước, chợt một loài cây thuốc đập vào mắt ông, làm ông bừng tỉnh thoát ra khỏi ánh hào quang, trở về với thực tại. Ông nghĩ, đây là loài thuốc quý, ta phải hái ngay, mà tại sao mọi ngày ta lại không thấy nó nhỉ, mặc dù nó ở cách Am Dược của ta vài chục bước chân?...

Khi hái thuốc, sư tổ Huyền Quang nghĩ về ca chữa bệnh cứu người đêm qua. Đã mấy ngày rồi, ông rời chùa Hoa Yên sang Am Dược, ông đang dồn tâm sức vào nghiên cứu, luyện một loại thuốc chữa chứng bệnh mà dân gian quen gọi là cảm nhập tâm. Sau nhiều năm làm thuốc, chữa bệnh cứu người, đi đây đi đó trong thiên hạ, ông hiểu đây là chứng bệnh cực kỳ nguy hiểm mà người nghèo lam lũ thường gặp phải. Không có gì lạ cả, người dân

lao động, nhất là nông dân nghèo khó, bất kể gì mưa nắng, gió bão, làm lưng quần quật quanh năm, ăn uống chỉ quanh quần rau dưa, tương cà, lại chẳng mấy chú tâm đến việc dưỡng sinh, gặp cơ địa bất lợi là đổ bệnh ngay. Mà bệnh đến như núi đổ, thuốc thang chẳng có tiền, sinh mạng người coi như thí cho trời đất, may rủi... Tối qua, ông đã chế xong thuốc, khi đang lật giở mấy cuốn sách y cổ xem lại đôi chỗ còn ngờ ngợ, thì chú tiểu hốt hải từ ngoài chạy vào am báo tin có con bệnh nguy cấp từ làng dưới chân núi chuyển lên. Ông còn chưa kịp hỏi chú tiểu thì ông lực điền khiêng võng, một người đàn bà nạ dòng và một cô gái trẻ đi theo, chừng là người nhà con bệnh đã vào đến nơi. Ông vừa nghe người đàn bà khóc mếu kể bệnh của con mình và cầu xin ông ra tay tế độ cứu mệnh, vừa xem bệnh. Cậu con trai chừng mười ba mười bốn, người lạnh toát, mắt nhắm nghiền, hơi thở thoi thóp, đứt đoạn. Ông vừa xem bệnh, bắt mạch vừa thăm chẩn đoán, đúng là ca bệnh mà mình có thể thử nghiệm loại thuốc vừa chế xong. Ông không dám chắc cậu bé có qua khỏi không, nhưng đã đến nước này thì một liều ba bảy cũng liều, may ra.... Quyết đoán, rồi ông làm luôn. Cô chị gái của con bệnh vừa khóc lay ông vừa luôn miệng một điều sư tổ, hai điều sư tổ rón tay làm phúc... Ông phải bảo họ đừng làm thế, mà hãy cố gắng bình tâm, đừng làm rối lên, để ông tập trung vào việc cứu chữa. Bảo họ vậy thôi chứ ông hiểu lòng họ làm sao bình tĩnh được. Chỉ có người tu hành coi sinh mệnh như mây khói mới có thể bình tâm trong lúc nước sôi lửa bỏng như thế này. Trời Phật phù hộ độ trì, may quá thuốc mới công hiệu, người cậu bé ấm dần lên, hơi thở điều hòa, qua được cơn nguy kịch. Cậu bé được đưa về Nhà Tổ chùa Hoa Yên tiếp tục thuốc thang. Ông định bụng, lát nữa sẽ rời Am Dược về Hoa Yên, mang theo ít thuốc đã làm xong...

Về đến Nhà Tổ, ông xem bệnh và bắt mạch lại cho cậu bé, lòng cảm

thấy yên tâm vì con bệnh đang hồi phục. Rồi ông kê đơn, điều chỉnh một vài vị đưa cho chú tiểu bốc thuốc và căn dặn người nhà. Bà mẹ bảo cô con gái cố ghi nhớ lời Lão tổ dặn, chứ bà đầu óc u mê chẳng thể nhớ nổi gì. Tối qua, vừa vội vàng, vả lại với bản tính của người tu hành, ông không để ý nhiều đến công việc ngoài đời, sáng nay, ngồi bình tâm, đối diện với hai mẹ con, ông mới nhận thấy, cô con gái khá sắc nước. Đôi mắt cô gái đen láy, sâu thẳm, ẩn chứa sự quyết liệt. Hình như chỉ một thoáng mắt ông và mắt cô gái rơi vào nhau, khiến ông cảm nhận thế. Ông sức mình, ngược cái nhìn lướt trên đầu cô gái. Cô gái quỳ nghe ông căn dặn như nuốt lấy từng lời. Xong việc, ông lặng lẽ trở lui, bỏ mặc hai mẹ con, còn nghe phía sau lưng tiếng hai người luôn miệng “Mô Phật”, “Bạch Tổ”. Chú tiểu đã pha sẵn ấm trà mộc, bung ra. Ông khoan thai rót một chén, đưa lên nhấp. Hương trà thanh khiết khiến đầu óc ông khoan khoái, minh mẫn. Ông rời mắt ra ngoài xa, bên dưới là đường tùng, những cây xích tùng, thủy tùng được trồng từ thời Điều ngự giác hoàng Trần Nhân Tông xanh tốt. Còn phía dưới nữa, xanh mờ xa xa là làng xóm. Chợt ông như cảm thấy mùi khói bếp thơm nồng, tai như thoáng nghe tiếng chó sủa, tiếng lợn đòi ăn. Những âm thanh, hương vị của đời sống trần tục vẫn lên trong lòng ông. Khác mọi lần, ông không kiềm chế, mắt mơ màng, thả hồn về chốn quê nhà...

Gần tám mươi năm về trước, có một cậu bé ra đời nơi hương Vạn Tải, châu Nam Sách, lộ Lạng Giang. Cậu bé Đạo Tái, thuộc dòng dõi quan lại, song đến thời cha cậu là Lý Quang Du, gia cảnh không còn bề thế nữa. Ngay từ khi mới sinh, Đạo Tái đã có tướng kỳ dị. Cha cậu nhìn tướng mạo con mình thì lấy làm mừng bởi ông thấy ở đó nét dị thường, báo hiệu sự xuất chúng khác thường sau này. Còn người mẹ, bà không phát hiện thấy điều gì may mắn ở sự kỳ dị của con, mà chỉ cảm thấy lo lắng cho việc dựng vợ, sinh

con để cái về sau. Cậu bé Đạo Tái càng lớn, sự kỳ dị trong tướng mạo không bớt, bù lại, cậu vô cùng thông minh đỉnh ngộ, có chí hướng học hành. Đạo Tái nổi tiếng khắp vùng về tài học rộng biết nhiều. Người cha thì chỉ muốn cho con học hành, thi cử đỗ đạt, khôi phục lại danh gia, tiếng tăm dòng dõi. Người mẹ lại chỉ nhắm nhắm dạm vợ cho con, vì bà luôn bị ám ảnh bởi tướng mạo kỳ dị của con. Dùng dằng mãi bởi chí cha, ý mẹ khác nhau, rồi đến năm mười lăm tuổi, gia đình cũng dạm vợ cho cậu. Nhưng ngay lần đầu, bên nhà gái đã từ chối khéo. Người ta không nói toạc ra, song cha mẹ và bản thân Đạo Tái cũng hiểu được ngụ ý bên trong, người ta chê cậu xấu trai, dị dạng. Cậu chỉ tự ái đôi chút và cho rằng, bên nhà gái tầm thường, không thấy được vẻ đẹp trí tuệ ẩn chứa trong cậu, không thấy được sự xuất chúng sẽ bộc lộ nay mai. Cậu tự an ủi, rồi sẽ có ngày ta sẽ gặp được người nhận biết, trân trọng và khâm phục tài năng của ta. Dân gian chẳng có câu " Gái tham tài , trai tham sắc " là gì. Bản hàn đến như thằng mỗ ở làng còn lấy được vợ, nữa là mình, dòng dõi quan lại, học rộng tài cao, chí trùm thiên hạ!

Sau đám ấy, cha mẹ cậu mấy lần định đánh tiếng đám này đám nọ, nhưng cậu đều nằng nặc không chịu. Gặng hỏi mãi, cậu mới chịu nói, cậu chỉ muốn được cưới cô Mơ, con gái một thầy đồ nho ở làng bên. Hồi nhỏ, khi mới ê a Tam Tự Kinh, cậu có theo học ông thầy này, chẳng bao lâu thì hết chữ thầy, đành phải theo thầy khác. Cậu để ý, cô Mơ hơn cậu hai tuổi, sắc nước, phong phao nõn nà, hơn đứt hẳn đám con gái trong vùng. Thêm nữa, cô có đôi mắt lá rằm đen láy, lúng liếng như hút hồn người ta, mỗi bước đi, mỗi cử chỉ, đôi trái đào tơ căng mẩy như quấy trong yếm thắm. Từ lâu rồi, cậu thầm yêu trộm nhớ cô Mơ. Cậu cha mẹ dạm hỏi cô Mơ, cậu thầm nghĩ, thế mới xứng đôi vừa lứa, trai anh hùng sánh gái thuyên quyên. Người đẹp như cô Mơ, gia đình như ông đồ nho kia mới thấy được tài cán của cậu.

Nhưng rồi sự thể diễn ra không như cậu nghĩ. Ông thầy đồ kia mừng lắm, đồng ý gả ngay, song cô Mơ lại quày quậy chối từ. Thoạt đầu, hai nhà và cả cậu đều nghĩ, cô Mơ chối từ chẳng qua chối vờ làm cao lấy giá. Thế nên, khi cô Mơ nhất nhất cự tuyệt, thì mọi người hết sức ngạc nhiên. Đám học trò trong làng chơi với cậu dò hỏi và báo cho cậu một tin, thật như sét đánh ngang tai, cô Mơ phải lòng một anh kép hát đẹp trai người trong vùng, đang lưu diễn nay đây mai đó. Ông bà đồ bảo cậu cứ yên tâm, sẽ thuyết phục cô Mơ bằng được. Cha mẹ cậu lấy làm bực bội, có ý cho rằng ông đồ là người có chữ mà không biết cách dạy con, và người như cô Mơ có bỏ đi cũng không tiếc. Cậu không nghĩ thế. Quả thật, lần bị cự tuyệt này, thoạt đầu cậu cảm thấy bị xúc phạm ghê gớm, nhưng là người trẻ tuổi, sớm đọc nhiều sách, hiểu chữ Thánh hiền nên sau cú choáng váng, cậu nhanh chóng vỡ vạc, tự nhủ mình nên tôn trọng tình cảm riêng tư, nên hiểu nỗi lòng cô ta. Ở đời, chuyện quả kiếp nhân duyên là vậy. Người đời chẳng dạy rằng Ép dầu ép mỡ, ai nỡ ép duyên là gì, và cũng chẳng phải vô cớ mà nhà Phật tự răn mình, răn đời Tu là cõi phúc, tình là dây oan! Có điều, cậu cảm thấy thương cô Mơ, bởi cậu linh cảm rằng, cô Mơ cứ nhất nhất lẩn lóc với môi tình ấy rồi cuộc đời cô cũng sẽ chẳng ra gì. Cậu lựa lời xin với cha mẹ thôi không hỏi cô Mơ làm vợ cho cậu nữa.

Quả nhiên, khi cậu cố quên hình bóng cô Mơ để sôi kinh nấu sữ chờ ngày ứng thí thì được tin cô đã trốn nhà theo chàng kép hát bảnh trai dẻo mồm đi đâu không biết. Cậu thở dài, ngửa mặt nhìn trời mà than. Với cô Mơ, thôi như thế là xong một kiếp người. Không báo hiếu cha mẹ, không nuôi chồng làm nên sự nghiệp, còn việc sinh đẻ, dạy dỗ con cái nên người hay không thì còn chưa rõ, chỉ được mỗi cái tình, nhưng ôi thôi, tình chỉ là cái tình tang!...

Dường như, ngay từ độ ấy, cậu đã ngộ ra được một điều gì đấy xem như chân lý ở đời, dẫn dắt cuộc sống sau này. Cậu chỉ dồn sức vào chuyệnùi mài sách vở. Khoa thi hội năm Bảo Phù thứ ba, triều Trần Thánh Tông (1275), Đạo Tái đỗ Trạng Nguyên. Thông thường, nếu là người có vợ, khi vinh quy bái tổ sẽ là cảnh võng anh đi trước võng nàng theo sau, còn như chưa có vợ thì sau đại đấng khoa cũng sẽ là tiểu đấng khoa, nhưng với Đạo Tái lại không tất. Lúc thong dong trên đường cái quan về làng, thoàng trong suy nghĩ, Đạo Tái mừng tượng, đi sau võng mình là võng của cô Mơ. Chỉ thế thôi, còn sau đó, tất cả là niềm vinh hạnh cho cha mẹ, dòng họ, làng xã choán ngập tâm hồn chàng. Những ngày ở quê với cha mẹ chờ ngày đi làm quan thiên hạ, niềm vinh hạnh vui đi thì nỗi cô đơn trong lòng chàng lại lớn dần lên. Chàng cứ tự hỏi, sao cô Mơ kia không biết nhìn người, cái bền vững của đời người thường tiềm ẩn nơi nội tại, đâu phải ở vẻ hào nhoáng bên ngoài. Thế nhưng, cái phù du thì bao giờ cũng hấp dẫn, nó như ngọn lửa cứ bùng lên, như rượu nồng tỏa trên miệng chén, như ánh lân tinh xanh lét ma quái trong đêm đen, làm con người ta mờ mắt, lú lẫn lý trí, xô dạt người ta vào với nhau, bất cần hậu quả và cái đó được người đời gọi là tình yêu.

Chàng có tình yêu hay không? Đã nhiều lần chàng tự vấn mình như vậy. Rõ là chàng có môi tình của mình. Hễ thấy mặt cô Mơ, hay chỉ là mơ tưởng về cô ta hay thôi, chàng đã thấy lòng mình bùng lên ngọn lửa, thấy môi miệng mình đượm vị rượu nồng, thấy đầu óc phiêu diêu không theo sự điều khiển của lý trí. Không là tình thì còn là chi nữa? Khi chưa học hành đỗ đạt thì chàng còn kìm nén được. Nay công thành danh toại, ước vọng ấy lại bùng phát, thiêu đốt, hành hạ chàng. Nhưng trời đất trở trêu thay, cho chàng sự hanh thông hơn người thì lại lấy đi của chàng vẻ bình thường của một con người. Tượng mạo kỳ dị của chàng che khuất sự hanh thông, mà không phải

người thường nào cũng phân biệt nổi, nhất là đàn bà. Nếu làm quan, chàng sẽ phải lập gia đình, lấy vợ sinh con như ngàn vạn đàn ông khác. Không thể không như thế! Song chàng không đủ can đảm, không dám hỏi vợ một lần nữa vì sợ bị từ chối, đã làm quan Trạng thì không thể bị từ chối như kẻ thư sinh bạch diện. Và chàng tự biết, nếu có lấy được vợ, rồi suốt đời, chàng cũng chỉ sống với hình bóng cô Mơ trong tâm tưởng. Và còn bởi, chàng không chiến thắng nổi hình hài của chính mình. Vậy thì chỉ còn cách sống một cuộc đời khác người thường, xa lánh bụi trần mà thôi?!...

“Bạch thầy” – chú tiểu khề thừa khiến ông bưng tỉnh – “Người nhà bệnh nhân muốn đưa bệnh nhân xuống núi về nhà... ý Thầy thế nào ạ?”. Ông khề xoa tay: “Bảo với họ... để ta theo dõi bệnh thêm vài ngày nữa... đề phòng bệnh biến chứng... Chuyện thuốc thang cứ làm như ta đã dặn”. Chú tiểu đi rồi, ông lại thân người ra, tự vấn, ta giữ họ lại thêm vài ba ngày nữa làm gì nhỉ, thực ra, bệnh cậu bé đã thuyên giảm nhiều, có thể cho về nhà tĩnh dưỡng được rồi? Phải chăng ta lưu luyến gì họ? Họ cũng như bao người bệnh khác mà ta từng cứu giúp?...

Huyền Quang nghĩ đến pháp danh của mình, nghĩ đến ngày mình quyết định từ bỏ chốn quan trường và cuộc đời trần tục, xuất gia đầu Phật. Khi ấy, nhân một lần theo Quan gia (vua Trần Nhân Tông), ông gặp Pháp Loa ở chùa Vĩnh Nghiêm. Tuy Pháp Loa trẻ tuổi hơn ông nhiều lắm, nhưng có lẽ sớm giác ngộ, nên ông đã nhận thấy ở vị cao tăng này sự siêu nhiên tịnh độ đến mức hút hết tâm trí ông. Và dường như ngay lập tức, ông linh cảm mình sẽ theo con đường của Pháp Loa thiền sư. Sau khi nghe Pháp Loa thuyết giảng, ông lĩnh hội được sự minh triết ở đó, và thấy rằng, lòng mình đã hướng về Đức Phật, hướng đến tư tưởng cao siêu từ bi hỉ xả của nhà Phật

rồi. Rồi quan trường về tu tại chùa chỉ còn là thời gian nữa mà thôi. Và chẳng đường tu luyện dài dằng dặc dần đi qua, không nhẹ tựa lông hồng như lúc đầu ông nghĩ. Để từ bỏ những ham muốn, thói quen trần tục, ông đã phải chiến đấu thực sự với bản ngã của mình, và để thắng được mới cực khổ làm sao! Các vị tiền Tổ thay sau khuất bóng. Hương Vân Đầu Đà Trúc Lâm Điều Ngự (Trần Nhân Tông) và Pháp Loa thiền sư nơi niết bàn có thể mỉm nụ cười nhà Phật mà hài lòng vì ông – vị tổ thứ ba của Thiền phái Trúc Lâm đã giác ngộ và truyền bá tư tưởng của dòng trong loại chúng sinh. Ở cái tuổi bảy sáu, trụ trì nơi Yên Tử, ông thấy đầu óc mình vẫn minh mẫn lắm, nhưng sương khói đã phủ ánh nhìn, cơ gân đã dãn, dòng máu trong huyết mạch không còn sôi sục như thuở nào nữa, tuy chưa nguôi, song ông đã có thể yên tâm, thư giãn, buông lỏng cơ gân không cần phải kiềm chế, mà chờ cái ngày Phật gọi theo hầu. Vậy mà, dạo này tự nhiên ông thấy lòng mình chộn rộn, cứ như đang chờ đợi một cái gì đấy, là lạ...

Một buổi sáng, sư tổ Huyền Quang thong thả bách bộ trong sân chùa Hoa Yên, rồi chợt thấy lòng mình phấn chấn, ông quá bộ đi dạo theo đường tùng xuống sâu dưới sườn núi, nơi mà lâu nay ông không đặt chân tới. Cây gậy trúc máu trong tay ông không rờ rẫm mà linh hoạt hẳn lên. Chợt ông nghe phía dưới một chút có tiếng gì như là tiếng người thở dốc vẻ nặng nhọc lắm. Dừng trên bậc đá, ông nhìn xuống, thấy một người đặt đôi thùng gánh nước trên quãng đất khá bằng phẳng. Người đó khẽ vắn người cho đỡ mỏi và nhìn dáng vẻ, cử chỉ của người đó, ông đoán là đàn bà, mà không chừng còn là một cô gái thanh tân. Người đó vuốt chiếc khăn màu thâm đất choàng kín đầu xuống vai, để lộ gương mặt đàn bà, rồi cởi tung khăn, lau mồ hôi trên mặt và cổ. Đúng là một thiếu nữ. Tất cả những cử chỉ đầy nữ tính ấy không qua được ánh mắt già nua sương khói của ông. Chợt cô gái ngược nhìn lên

và bắt gặp ông từ trên cao nhìn xuống, cô lúng túng choàng lại chiếc khăn lên đầu, nhắc đòn gánh lên vai thì thấy ông giơ tay làm cử chỉ hãy khoan, cứ nghỉ đi, nên cô gái lại thôi. Ông xuống theo từng bậc đá và cảm thấy bước chân mình không bình thường, tuy nhiên, ông cố gắng giữ vẻ khoan thai. Cô đứng, ngược mắt lên, chờ đợi và dường như ông cảm thấy cô nhấp nhòm định chạy phăng lên đỡ ông dìu xuống vì mấy lần ông vấp chân. Rồi cuối cùng, ông cũng xuống tới nơi cô gái đỡ gánh. Cô gái cúi đầu “Bạch sư cụ”. Ông nhìn cô gái, khuôn mặt bị chiếc khăn trùm thâm che khuất chỉ lộ đôi mắt to đen và chút vàng trán trắng mịn, thấy như quen quen, rồi lại nhìn gánh nước, đôi thùng đều mức già lung, phủ lên mặt một tàu sen úp, vừa che bụi đường vừa làm cho nước đỡ sóng, hỏi cô gái: “Nữ thí chủ từ đâu đến? Mang nước đi đâu?”. Cô gái cúi đầu e lệ: “Bạch sư cụ... Con tên là Bích... Đào Thị Bích ạ... Nhà con ở xóm Giếng, ngay dưới chân núi này... Chắc sư cụ chưa hạ sơn đến đây bao giờ nên không biết... Xóm con có một cái giếng nổi tiếng nước ngọt, pha trà thơm ngon nhất cả vùng... U con bảo, từ nay mỗi tháng đôi lần gánh lên núi hầu sư cụ và nhà chùa nước pha trà... Hình như sư cụ không nhận ra... sao ạ?”. Cô gái cởi chiếc khăn quàng đầu bảo: “Giờ hẳn sư cụ nhận ra!... Mới tháng trước, em trai con gặp bạo bệnh, u con và con cùng người nhà vờng lên núi phỉen sư cụ cứu giúp, gặp thầy gặp thuốc mà qua khỏi. Cả nhà con nguyện đời ơn tái sinh suốt đời không dám quên!”. Ông nhớ, khoát tay bảo: “Không phải như thế... Mà cũng không cần thế... Nhà chùa coi việc giúp người làm việc thiện, cứu nhân độ thế là bản tính của mình... Không ơn huệ chi đâu!...”. Cô gái cúi gằm, thưa: “Bạch. Không dám ạ!... Dẫu sư cụ và nhà chùa không xem làm trọng, nhưng mà... về phần bản thân gia đình con vẫn luôn đời ơn trời bể ạ!”. Ông khẽ cười: “Thôi được! tùy thí chủ... Dẫu sao ta cũng cảm ơn nhớ tới, mang cho nước ngon nấu trà... Nhưng lần này thôi nhé... Sau không phải vất vả thế...”

Đường núi hiểm trở khó đi, mà nữ thí chủ thì... yếu sức”. Ông định nói còn trẻ, song kịp nói chệch đi. Cô gái hồn nhiên: “Bạch sư cụ... Con khỏe lắm... U con thường bảo con là gái mười bảy bẽ gãy sừng bò mà!”. Ông suýt bật cười thành tiếng: “Ồ... vậy à! Thôi bây giờ nữ thí chủ hãy cất gành theo ta lên chùa”. Ông đi trước, cô gái gánh nước theo sau. Chỉ vài chục thước là lên đến sân chùa mà ông trèo đã run chân, thế mà cô gái gánh như không, lại vừa đi vừa ríu ran đủ thứ chuyện. Cô bảo cha cô trước là thầy đồ, nhưng yếu mệnh mất sớm, nếu không thì giờ cô cũng viết được chữ Nho, rằng tuy là phận gái nhưng cô ham thích học lắm. Ông nghe, chỉ âm ừ qua chuyện. Tự nhiên ông nghĩ, sao ngày xưa, cái cô Mơ kia cũng là con nhà tử tế có học hẳn hoi mà không được như cô gái này, lại không yêu người nhiều chữ, đi say mê anh kép hát dẻo mỏ? Âu cũng là quả kiếp nhân duyên mà nên cả thôi!... Ngần ngừng một lát, ông ướm hỏi: “Thế nhìn tướng mạo ta, nữ thí chủ không thấy... gì sao? Cô gái tròn mắt vẻ không hiểu: Sao cơ ạ... Con thấy như tiên ông giáng trần cứu thế... Con mạo muội nghĩ... lúc còn trai trẻ, hẳn sư cụ thông minh đỉnh ngộ lắm!.. Ông nghe mà chấn động trong lòng, và cảm thấy mặt mình nóng lên. Suốt một thời trai trẻ, ông chưa bao giờ được nghe một lời khen về diện mạo mình như thế, nên ông mang mặc cảm về tướng mạo kỳ dị của mình ngàn ấy năm trời đã thành quen, nay bỗng dung vậy, ông ngỡ như cậu bé mới lớn. Ông hít một hơi thật sâu, phẩy tay bảo: “Thôi nữ thí chủ làm đi”.

Đổ nước xong vào chum, cô gái còn lau chau kẻ đủ thứ chuyện ở xóm của cô, ông nghe câu được câu mất. Nhìn dáng vẻ trẻ trung, thanh tân, hồn nhiên của cô gái, ông hồi tưởng lại tuổi trẻ của mình ở quê nhà. Giá như ông không học hành đỗ đạt, không tình nguyện vào cửa thiền phụng sự Đức Phật, mà chỉ là một anh nông phu thuần phác, thì có lẽ bây giờ cũng con đàn

cháu đồng, có đũa áng tuổi như cô gái trẻ kia. Cô gái chào ông, vẻ như dùng
dằng xuống núi. Ông đứng ở sân chùa nhìn cô gái quẩy đôi thùng không
ngúng nguẩy men bậc đá xuống, cứ như làm dáng, làm duyên với ai ấy...
Ông mỉm cười một mình, nhìn trời đất, cây cối thấy xanh non đậm thắm lạ.
Ông cứ đi đi lại lại nơi sân chùa, không để tâm đến thời khắc trôi qua. Mặt
trời đằng sau lưng đã khuất núi tự khi nào chẳng rõ. Sương núi dâng lên tỏa
hơi lạnh lạnh. Ngay trước mặt, trăng thượng thuyền như con thuyền trôi
trành trên vòm trời làm vành trăng nhỏ cũng sóng sánh trong khuôn miệng
chum đầy nước. Tự nhiên tứ thơ nảy trong óc, rồi ý, rồi lời ào ạt đến. Ông
lắm nhẩm đọc thành tiếng:

“Vàng vạc trăng mai ánh nước/

Hiu hiu gió trúc ngâm sênh/

Người hòa tươi tốt cảnh hòa lạ/

Mâu Thích Ca mà thú hữu tình”.

Tối ấy, khác mọi ngày, ông không làm sao tập trung tư tưởng, ý nghĩ hướng
về Đức Phật khi tụng kinh.

Sư tổ Huyền Quang thấy mình đang vân du tới một miền non xanh
nước biếc, chim chóc líu lô. Đang bỡ ngỡ nhìn ngắm cảnh sắc và tự hỏi đây
là miền đất nào thì ông chợt thấy mấy khóm trúc gần nơi mình đứng khẽ
rung rinh và một người đàn bà hiện ra, ăn vận như một nữ sĩ, hỏi ông: "
Cảnh mới nhưng người xưa, Huyền Quang đại sư có nhận ra chăng? ".
Giọng nói quen quen, như ông đã từng nghe nhiều lần. Ông ngập ngừng:
“Nữ thí chủ...”. Người đàn bà như là đang cười nụ: “Thế là đủ biết đại sư
vẫn chưa nhận ra người cũ rồi. Vậy... thiệp xin mạn phép dùng tên tục...
Đạo Tái.... Chẳng nhẽ chàng vẫn chưa nhận được tiện thiệp là ai ư?”. Ông
tròn mắt, thốt lên: “Cô Mơ!... Thôi đúng là.... Người xưa... Có dễ đến dăm

mười năm rồi mới thấy đây... Nhưng mà... những tưởng kiếp truân chuyên đã giải, người khuất bóng lâu rồi?”. Người đàn bà e lệ: “VẬY là không uổng... Vì thiếp mà chàng ôm hận suốt đời... Có lẽ khi xuống tuyền đài cũng chưa tan?”. Ông chợt ý thức thân phận mình, nghiêm nghị: “Nữ thí chủ nhầm rồi... Bàn tăng đã rửa sạch bụi trần... Dốc lòng theo Đức Phật...”. Người đàn bà khẽ ngúc ngắc đầu: "Nhầm ư? ... Thiếp không nhầm đâu... Có phải vừa mới đây thôi, chàng vẫn nặng lòng với bụi trần?... Vằng vặc trăng mai ánh nước. Hiu hiu gió...”. Ông sững sốt ngắt lời: “Nữ thí chủ... biết bài thơ của ta ư? Ta cảm hứng mới nhảm trong óc, chưa viết ra và cũng chưa đọc cho một ai... VẬY mà...”. Người đàn bà khẽ cười: “Thế chàng quên rằng thiếp siêu hình, là người của cõi khác rồi ư?”. Ông sượng sùng, bẽn lẽn cứ như người làm điều gì xấu bị bắt quả tang: “Phải chăng, nàng... nàng nhập vào, xui khiến cô gái xóm Giếng đến thử lòng ta?”. Người đàn bà không trả lời, hỏi lại: “Chàng nghĩ như thế ư?... Thì cứ cho là vậy thì đã sao!...”. Ông thở dài nảo ruột: “Thôi... dầu sao ta cũng cảm ơn nàng... giúp ta hiểu rõ lòng mình... Già nửa đời người từ bỏ vinh hoa phú quý, những tưởng giữ sạch được bụi trần... ai ngờ đến lúc nghĩ mình đắc đạo... lại hóa ra vẫn thơ ngây, ham hố... Ôi kiếp trần gian, căn quả mới nặng nề làm sao! Chả trách... Đức Phật gọi ngàn vạn người theo nhưng tới bến không đầy nửa mông”. Người đàn bà cảm thông: “Xin người đừng tự dày vò mình như thế!... Ngay thiếp đây sớm đa đoan, chịu đủ mùi đắng cay mặn chát trần đời cũng không đến mức phải trách mình như vậy. Mình làm mình chịu. Thế mới là can đảm, thực lòng... Ngay cả những người đã từng trót bị vấy bẩn, Đức Phật cũng không xa lánh, bỏ rơi, chỉ cần có tâm phục thiện và gắng sức làm theo thì chẳng cần phải khổ hạnh, căn chay niệm Phật... Thiếp hiểu Phật tại tâm là vậy, thấu thế nào là thứ nhất tu tại gia, thứ nhì tu chợ... cũng là vậy!”. Ông thẫn thờ như tự nhủ mình: “Không ngờ... người ấu trĩ lại là ta...

Giữ chay tịnh nhưng tâm...”. Thấy ông bỏ dở chùng câu than, người đàn bà an ủi: “Được Đức Phật gọi theo ngài nhiều năm nay, bản thân ngộ thêm bao điều mà trước đây mù mờ sáng tối... Người như đại sư rồi thế nào cũng tới được bến thanh minh.. Chỉ có điều, với sự rối lòng vẩn trí như vừa rồi, đại sư sẽ mang tiếng với hậu thế đấy. Và cũng không dễ gì rửa được...!” Ông điềm tĩnh: “Đa tạ lời chỉ giáo. Giờ thì ta chẳng quản ngại gì, kể cả tai tiếng với người đời... Trời đất chắc thấu hiểu cái tâm của ta!”. Người đàn bà biểu lộ sự hài lòng: “Vậy là cuộc tái ngộ với người xưa không uổng. Thời khắc đã mãn... Hẹn gặp lại ở nước Phật!...”. Ông còn chưa kịp định thần để nói lời tiễn biệt thì chớp mắt người đàn bà đã mờ nhân ảnh không thấy đâu nữa. Ông tần ngần: “Kia... Sao lại vội vàng làm vậy!”.

Huyền Quang mở bừng mắt. Ông nhìn trân trân, ngộ mình. Sư bác thấy ông mở mắt, mừng quýnh: “Ôi... sư tỏ tỉnh rồi. Ban nãy thấy sư tỏ biên biệt, mạch trầm, những tướng sư tỏ... Rồi chợt lại thấy sư tỏ ... môi cứ mấp máy liên hồi thành tiếng nhưng không rõ lời, cứ như là đang nói chuyện với cõi người khác... chúng tăng nghĩ... cơ chừng... sư tỏ đang vân mộng về cõi Phật... mới bớt lo”. Huyền Quang khẽ ờ trong cổ và thâm nghĩ, thì ra mình vừa qua một giấc mộng. Bản thân hồi lâu, ông cố nhớ những gì xảy ra trong mộng. Ừ, bây giờ ông chẳng sợ gì nữa. Cái đáng sợ nhất là bản ngã, thì ông đã vượt qua rồi. Tiếng đề đời ư? Rồi một ngày kia người đời sẽ hiểu. Chân lý có con đường riêng của mình, dù rằng vòng vèo khuất lối. Ông phẩy tay ra hiệu bảo mọi người đỡ ngồi dậy. Thấy ông đứng lên định đi thì sư bác và mấy chú tiểu xúm ngay lại đỡ hai bên. Ông bảo mọi người cứ để ông tự mình, không cần phải giúp sức, bởi ông muốn ra bên ngoài một mình: “Chừng canh mấy rồi nhỉ?”. Sư bác thưa: “Bạch thầy... còn chưa tới canh một”. Ông đi chậm rãi, từng bước một ra sân chùa. Nhìn trời, trăng thượng

huyền đã xế khuất chân trời phía Tây, ánh sáng mờ mờ song vẫn còn đủ để ông thấy rõ những cây đại xung quanh và đường tùng dưới kia, cả những vạt trúc nhấp nhô miên man như vô tận...

Lòng thanh thản lạ thường, ông cảm nhận một trạng thái chưa từng thấy ở mình. Một vì sao đôi ngôi vạch sáng chéo vòm trời. Vậy là có thêm một sinh linh nơi phàm trần được Đức Phật gọi theo. Ông cứ muốn một mình, đứng mãi nơi sân chùa này với cảm giác hạnh ngộ như vậy!...”

nguyễn chu nhạc

Nhật thực cho một người



Xóm Ven Sông

Tranh sơn dầu Duy Bảo Việt

Lão Khái nằm bệt giường cả hơn năm nay rồi. Cơ thể teo tóp đi chỉ còn xương với da, song tinh thần thì còn sáng suốt lắm. Sự sáng suốt thể hiện ở đôi mắt vẫn ánh lên vẻ tinh nhanh, quyết đoán mỗi khi có ai đến thăm hỏi, hoặc khi nghe mấy đứa cháu nội kể cho những sự kiện lớn xảy ra trong làng xã, mặc dù đôi mắt ấy tụt sâu xuống hai hốc mắt và được che khuất bởi hàng lông mày rậm rịt.

Từ ngày thôi làm chủ tịch xã, nghỉ ở nhà, lão Khái hầu như không nói nữa. Thi thoảng trong nhà ai hỏi gì, hoặc lúc cần thiết lắm lão mới mở miệng. Thời còn đương nhiệm, lão không ít nói như thế, ngược lại còn hay nói cười. Việc nhỏ cũng cười, việc nghiêm trọng ngở long trời lở đất, cũng

cười. Người ta cho rằng người hay cười là tính dễ dãi hay xởi lởi. Dễ tính hay không thì còn phải bàn, nhưng với lão, cái cười hóa giải bao nhiêu là việc. Đứng đầu một xã lớn mấy nghìn dân, hằng ngày, việc lớn việc nhỏ đều dồn đến ông chủ tịch. Quả là mọi việc, không đến lão thì thôi, chứ đến tay lão, lão cười cười và sau đấy là yên tâm, ổn thỏa. Kẻ được thì hớn hờ, người không được thì dù có ầm ức mấy cũng không nói vào đâu được. Dân chúng trong xã thì thảo sau lưng lão: “Cha ấy, cứ cười thế thôi, chứ bên trong ghê lắm. Khôn có lỗi. Đúng là ngậm miệng ăn tiền”.

Lão không nói gì, bảo là ngậm miệng còn đúng, chứ đằng này suốt ngày đêm, miệng nói chân đi, điều hành hàng núi việc. Tự thân lão biết...

Nghỉ việc một thời gian là lão Khái sinh ốm. Hàng xã, ai cũng thắc mắc: “Quái... ông ấy khỏe là thế. Bệnh tật gì mà ốm cơ chứ?”. Không những ốm, lão còn suýt từ giã cõi đời...

Nằm bệt một thời gian, lão thấy người cứ nhược đi. Một hôm, buổi sáng, cô con dâu trưởng bung đến giường lão bát cháo, lão lắc đầu. Lão cảm thấy nuốt không trôi. Chẳng bì cho trước đó ít ngày, ai đến thăm cho quà gì lão cũng giữ bên người. Đứa cháu nào mon men đến gần mong rằng ông cho một miếng, lão cảnh giác mắng: “Quà người ta biếu tao chứ cho chúng mày à”. Cô con dâu thấy vậy bảo chồng: “Già đóc chúng. Xem chừng ông sắp gần đất xa trời rồi”. Anh con trai trưởng, mới nhậm chức chủ tịch xã trả lời: “Còn lâu... Năm ngoái ông chẳng mọc thêm cái răng khôn đấy à”. May mà những lời ấy, vợ chồng chúng giấu lão, chứ lão mà nghe thấy thì dù có ngậm miệng như cóc, lão cũng phải tề cho một trận nên thân.

Người lớn đi vắng. Mấy đứa cháu nội, đứa đi học, đứa bỏ chơi, để mình lão nằm nhà. Bát cháo để bên cạnh nguội tanh từ bao giờ và ruồi bu đen. Lão Khái im lìm dưới tấm chăn chiên mỏng đắp ngang bụng...

Lão Khái lò dò từng bước. Nhờ cây gậy chống mà lão tránh khỏi mấy lần vấp ngã, khi thì hòn đá, lúc cái rễ cây. Lão đi theo một con đường mòn nhỏ đầy dấu chân người. Con đường như tạo bởi một chất hồ sền sệt. Lão nhìn xuống mặt đường chi chít dấu chân. Dấu cũ, dấu mới, dấu nọ chồng lên dấu kia, nhưng mắt lão còn tinh, lão nhìn thấy rõ hết. Kia là dấu chân một bà lão già yếu và chắc phải cao tuổi lắm, bởi bàn chân không, bé nhỏ nhưng ngón cái lại choãi ra kiểu chân Giao chỉ; còn kia là chân của một gã thỏ mọc, hoặc bốc vác bởi nó to bè như bàn cuốc và có vẻ vững chãi lắm; đây là chân của quan chức, hoặc thương gia và chắc hay phải đi nước ngoài, bởi dấu giày của một ông cán bộ từng đưa đoàn chuyên gia nước ngoài về xã hội lão đương nhiệm; và kia nữa, đôi dấu chân thiếu nữ uyển chuyển thể hiện ở dấu cái gọi là nửa guốc nửa giày – mô – đen thời đại... Nhiều lắm, lão tự nhủ, mình người nhà quê mà cũng biết lắm thứ ra phết, thôi mệt người chẳng thèm phỏng đoán nữa. Con đường dẫn đến một cây cầu nữa rồi cầu nữa... Và lão Khái sa vào một cái hốc đen mờ. Lão cảm thấy quay cuồng và người lão như bị cuốn đi bởi một dòng chảy. Lão chẳng còn biết định hướng ra sao nữa. Lão lờ mờ nghĩ, thôi rồi, có lẽ ta sa vào một cái bẫy nào, chắc là chết... Nhưng rồi lão định thần được và thấy mình đang ngồi trên một bãi rộng. Lão nhìn quanh, toàn là những bụi cây lúp xúp, thân cành không lá mà toàn những chùm gai góm ghiếc. Lão nhắm đoán, chắc đây là sa mạc châu Phi. Chợt tai lãi nghe đâu đây tiếng nước chảy thật. Lão đứng dậy và cúi người xuống suýt ngã vì lão không biết rằng cây gậy chống đã bị vắng mất từ bao giờ. Lão tập tễnh tiến từng bước một về phía có nước chảy. Và trước mắt lão

hiện ra một dòng sông nước đen ngòm mà mặt sông thì mù mịt như là khói. Lão đứng tần ngần trên bờ, ước tính, để con sông này phải rộng gấp ba con sông làng mình, mà sao nước lại không đỏ phù sa nhỉ, cũng chẳng có bèo Nhật Bản và rau muống nước, chắc ở đây người ta không nuôi lợn. Rồi lão nghe có tiếng mái chèo khua nước, bèn khum tay che mắt gập cả người để nhìn. A có một ông lão, có vẻ già hơn mình đang chèo một chiếc thuyền con ở giữa dòng. Lão vội bắc loa tay gọi: “Đò ơi! Ông lão ơi, cho tôi sang với!...” Ông ta không trả lời và cứ khoan thai chèo vào gần bờ. Lão vừa chờ đợi vừa nghĩ, các cụ bảo: “qua sông phải lụy đò”, cấm sai chút nào, giá ở nhà, mình có cái thuyền nan buộc gốc với bờ đông, cần là chèo loáng một cái là xong.

Ông lão cặp mũi thuyền vào bờ, hỏi: “Đi đâu?”. Lão Khái nhìn ông lái đò, quái sao mặt lão ta lại dài thế nhỉ, giống hết cái diệp cày 51, trông kỹ thì không già lắm có lẽ chỉ tại cái chòm râu, và lão lắp bắp: “Cho tôi sang bờ bên kia... tôi đi...”. Gắt: “Biết rồi, nhưng mà có biết bờ bên kia là đâu không mà đòi sang?”. Lão Khái cúi: “Tôi cần sang thì ông cho tôi sang, sao ông cứ cản vắn mãi. Nói cho nhà ông biết, tôi đã từng là chủ tịch xã, và không bao giờ tôi hỏi hách dịch như thế với người dân đâu nhé. Ông là cái...”, lão định văng tục nhưng kịp kìm lại bởi lão sợ ông ta không cho qua đò. Ông lái đò nhìn lão lạnh lẽo: “Thôi được! Xuống đi và đừng hỏi tiếc nhé!”. Lão Khái lập cập xuống ngồi bệt vào lòng đò, con đò tròn trĩnh khiến lão phải bám chặt vào hai mạn. Lão thấy lạnh, lạnh thấu xương và lão tự trách, mình vội đi quên khoác theo áo trấn thủ, hoặc tốt nhất là khoác chiếc chăn chiên, tha hồ ấm, như trước đây mình mò đêm bắt rươi lậu. Lão so người. Con đò quay mũi sang ngang. Mấy lần lão định bắt chuyện với ông lái đò nhưng bắt gặp ánh mắt lạnh băng cả ông ta lão lại thôi. Ngồi im trong lòng đò và bây

giờ lão mới để ý sang bờ bên kia. Lão thấy bóng người đi lại có vẻ nhộn nhịp lắm; lại thấy có chỗ tối đen, có chỗ hồng lên như bếp lò rền của lão Béo ở quê; và kia, có những vết sáng ngũ sắc, chắc hẳn là cầu vồng, nhưng cầu vồng phải bảy sắc cơ mà; lại nữa, tai lão nghe rõ tiếng đào đất, xe cút-kít, tiếng chòong búa, rồi tiếng người hò hét, quát tháo và cả tiếng rên rì... Lão đánh bạo hỏi: “Này ông lão ơi, ở bên ấy có gì thế?”. “Sao lại hỏi ta” – ông lái đó trừng mắt – “Ta không biết. Mà này, đừng có đánh trống lảng. Tiền đâu đưa đây”. Lão ngạc nhiên: “Tiền nào?”. “Tiền đò chứ còn tiền nào. Thế người chưa đi đò bao giờ à?”. Lão cãi: “Đi nhiều thế nhưng người ta không bao giờ trả tiền đò à?”. Đến đây thì lão ớ người, quả là lão chưa hề mất tiền đò bao giờ, xã lão có con sông, một tuyến đường liên xã ngang qua, thế là để tận thu, lão lập ra một tổ đò ngang, mọi người qua đều phải mua vé, tiền thu vào ngân sách xã, riêng lão, là chủ tịch nên mỗi lần qua, mấy cậu lái đò đều xun xoe bê xe đạp cho lão và vài lần đầu, giữ thẻ diện lão móc túi trả tiền, chúng cười hề hề “Đáng bao nhiêu... Anh lo việc cho cả xã”. Lão đắm mình vào hội niệm thì giật mình bởi tiếng quát: “Tiền đâu. Nhanh lên chứ!”. Theo phản xạ, lão Khái đưa tay lục túi, nhưng lần sờ mãi chẳng có xu nào. Lão toát mồ hôi, lắp bắp xin: “Ông ơi, tôi quên tiền ở nhà rồi. Cho tôi qua đi, lần sau tôi trả gấp đôi”. Ông lái đò tức: “Lãng nhăng. Làm gì có lần sau mà trả gấp đôi. Ai qua đây cũng chỉ một lần thôi. Không tiền thì quay lại. Mất thì giờ!”. Và sau đó mặc cho lão năn nì, ông lái đò không thèm trả lời, quay đò lại, chèo loáng một cái đã vào bờ: “Lên đi. Lần sau có quay lại đây thì nhờ mang theo tiền!”. Vừa nói, ông ta vừa túm lấy cổ áo lão Khái lẳng lên bờ. Lão ngã rúi rụi, lúc bò được dậy, ngoảng lại, đã mất hút cả người và đò. Lão Khái tứ diên người, lấm bầm rửa: “Người đâu mà thô tục. Đúng là quỷ?”..... Lão nguôi giận, đứng dậy, bản thân: “Đây là đâu nhỉ? Mình đi đâu bây giờ?”. Chợt lão nhớ là hôm nay, người lớn đi vắng cả, có mỗi thằng cháu nội

bé nhất ở nhà với lão. Lão mãi đi chơi thế này, ngộ nhờ ở nhà nó tha thân ra bờ sông, sẩy chân thì khôn. Lão Khái hốt hoảng: “Chết thật! Phải về nhà ngay!...”

Lão he hé mắt, trong mắt nặng trĩu. Lão cảm thấy nhà sáng choang. Tai ong ong, rồi lão nghe thấy nhiều tiếng người nói, cười. Giọng một ai đó hỏi: “Thế ông cụ đã tỉnh hẳn chưa?”. Con trai đầu lão trả lời: “Cảm ơn ông, ông cụ nhà tôi chưa tỉnh hẳn nhưng hơi thở khá đều rồi. Gớm tưởng ông cụ đi, nhà đã chuẩn bị hết rồi, quan tài, khăn xô, gạo lợn. Mà lợn đã mổ rồi”. Một giọng khác: “Săn lợn đã mổ, ta ăn mừng ông cụ hồi lại. Sau đận này, có dễ ông cụ phải thọ tới trăm tuổi”. Con dâu lão tíu tít đáp lễ một đoàn khách, vừa kể lể: “Em đang làm đồng, thấy thằng cháu chạy ra gọi, bảo con đi học về, nàh chẳng thấy ai, lay hỏi ông thì ông đã cứng đờ rồi. Em vội về cho cháu gọi nhà em ở Ủy ban. Chao ơi, lúc cậy miệng ông cụ ra để cho đồng trình tiền dò vào mà không sao được. Hai hàm răng cụ cứ nghiền chặt vào nhau. Nhà em bảo không cho cũng được chỉ vẽ chuyện nhưng mà em nghĩ phép các cụ từ xưa thế thì cũng phải làm. Lúc liệm ông cụ lại thấy người ông cụ mềm và âm ấm. Nhà em bảo, hay là cụ hồi lại. Em sợ quá, nghĩ là quý nhập tràng bởi em quên không nhốt con mèo của nhà lại. Thành ra cụ hồi lại thật”. Ai đó oang oang: “Thế là phúc đức lắm”. Lát sau lão Khái nghe thấy tiếng cô con dâu đi ngang qua giường lão nằm, lẩm bẩm “Phúc đức chẳng thấy đâu, mất toi tạ lợn”. Đã mở mắt ra rồi, nghe được vậy, lão Khái nhắm nghiền lại. Lão nghĩ, thì ra là mình đã chết rồi lại hồi. Thôi đúng con đường sên sệt đầy dấu chân người ấy là đường xuống cõi âm, còn con sông, bến đò và người lái đò là cửa vào âm phủ. Vì lão không có tiền trả cho người lái đò nên lão phải quay lại dương gian. Ngẫm nghĩ, lão thấy tiếc, giá như lão cố nần nì hoặc lừa cha lái đò thì lão đâu phải quay lại. Giờ có sống, con cháu nó

nghĩ vậy thì sống mà làm gì, “đa thọ đa nhục”. Lão khẽ nghiêng đầu, quay mặt trở về phía trong, và từ đôi tròng mắt tưởng đã hết thần sắc của lão ứa ra hai giọt nước. Không một ai biết điều đó, bởi mọi người lại xôn xao bàn tán chuyện sắp tới có Nhật thực. Đầu lão Khái chợt lóe lên một ý nghĩ và lão nói trong suy nghĩ: “Được rồi ta sẽ có cách”....

Mặt trăng hắt bóng đen của mình xuống trái đất, nhưng thời gian mặt trăng che ánh sáng mặt trời chỉ là chốc lát, còn với lão Khái, cái bóng của lão đã trùm bao cả xã Đông Tân hàng mấy chục năm.

Lão Khái tham gia du kích xã từ khi còn rất trẻ. Trong một trận trống càn, lão bị đạn vào cánh tay, sau đấy, vết thương lành nhưng cánh tay đó bị tật khoèo. Hòa bình lập lại, Khái tham gia công tác ở làng, rồi lên xã. Vốn trẻ trung, tháo vát và tính mềm mỏng, qua mấy khóa bầu, Khái trúng vào hội đồng nhân dân xã. Thoạt đầu làm thường trực Ủy ban nhân dân xã, sau lên phó chủ tịch, rồi chủ tịch. Khái đông con, ba trai, hai gái, vợ Khái quanh năm suốt tháng hết chữa đẽ, lại ốm đau không mấy khi ra đồng. Là chủ tịch xã, Khái biết tường tận cái kiểu làm ăn xã viên nghe keng, tập trung ra đồng làm quấy quá cho hết ngày để lấy công điểm đó chẳng mang lại hiệu quả gì, song vợ mình không làm thì lại mang tiếng. Khái nghĩ cách, mỗi thôn lập ra một nhà trẻ, đưa vợ mình ra trông trẻ của làng, nhưng mọi nhà quen cái nếp bà giữ cháu, chị giữ em ở nhà nên cả mấy gian đình được Khái biến thành nhà trẻ thơ mấy đứa bé nheo nhóc, chủ yếu là lũ con Khái. Thế nhưng, vợ Khái lại được chia rất nhiều công điểm. Nhà toàn ăn công gián tiếp nhưng vụ nào thóc cũng đầy cót, đầy bịch.

Dân trong xã nói chung là thuần, duy chỉ có làng Đoan là bướng bỉnh.

Làng Đoan đông dân, đường ngõ quanh có, lát gạch nghiêng tím xịm. Làng này nổi tiếng có của ăn của để từ xưa bởi cả làng đều có nghề nấu rượu. Rượu Đoan ngon nổi tiếng khắp vùng. Thứ rượu trong suốt, cảm tằm, nặng nhưng không sốc của làng Đoan được đựng trong những chiếc bong bóng trâu thuộc to tướng luân chuyển đi các nơi. Thời Tây, cả xã khỏ lầy với làng Đoan bởi những cuộc khám xét trong “chiến tranh rượu” của Pháp ở thuộc địa. Ở vào thời ấy, chính Khái đã giấu rượu lậu hộ bà con họ hàng người làng Đoan, nên bây giờ, Khái hiểu đủ thủ đoạn, mưu mẹo lậu rượu của làng Đoan. Khái lờ đi cho thì được, chứ khi nào Khái tổ chức khám bắt thì đó có nhà nào qua mặt được. Có điều khó nhất cho Khái là phải đối mặt với bà con, họ hàng. Là chủ tịch xã, đáng ra Khái không phải tham gia trực tiếp vào các viện như thế, song vắng mặt Khái, anh em dân quân không dám làm, bởi họ sợ bà con la lối, thế là Khái đành phải chường mặt ra. Ai nói gì, Khái cũng cười cười bảo: “Rượu Đoan ngon thế, đến như tôi ngửi thấy mùi cũng ứa nước miếng, huống hồ... Giỗ Tết có rượu Đoan mà uống thì thù biết bao. Rượu nơi khác chán chết, nhất là cái thứ rượu mùi. Nhưng mà, nấu rượu là vị phạm chính sách lương thực của Nhà nước. Ngoài tiền tuyến con em mình đang cần có gạo ăn kia kìa. Thiếu gạo họ phải ăn rau tàu bay với chuối rừng thay cơm, thế mà bà con mình lại cứ rượu tì tù thì còn ra thế thống làm sao!... Một chén rượu bằng ba bát cơm đấy...”. Nghe ra có lý thật. Có lần Khái chạm trán với ông chú vợ. Ỗ vai trên lại cao tuổi, ông chú vợ làm già: “Thế tao muốn có vài ba lít để ngâm thuốc không được à?”. Khái lại cười: “Được chứ ạ! Chú có trong nhà đến dăm chục lít, đủ ngâm thuốc uống đến ngoài trăm tuổi ấy chứ!”. Ông ta tức quá gầm lên: “Đâu, đâu!... Mà đi điều toan như đàn bà ấy”. Rồi ông ta nhổ toẹt vào mặt Khái. Khái giận tím người nhưng vẫn trấn tĩnh được, cười nhạt” “Ông làm ơn cho con mượn cái khăn, con quên không mang theo khăn... Con sợ, ngộ nhờ ra ngoài đường người ta

thấy lại bảo ông không biết dạy con cháu. Là con lo xấu mặt ông”. Đại loại những chuyện như thế nhiều lắm...

Thời chiến tranh, hàng năm công tác trọng điểm của xã, còn quan trọng hơn cả việc sản xuất là hai đợt tuyển quân. Phần đông, mọi gia đình và cả đám trai tráng đều hiểu đó là nghĩa vụ thiêng liêng, nhưng không hiếm nhà “con độc, cháu đích tôn”, lại có nhà cố tìm cách lẩn trốn. Hàng xã nhìn vào nhà Khái, nhất cử nhất động, mà theo. Đưa con trai lớn, vừa tốt nghiệp cấp hai, còn thiếu tuổi, Khái “vay tuổi” cho nhập ngũ, làm gương. Thế nhưng sau khóa huấn luyện, thằng con Khái được giữ lại làm giảng viên huấn luyện. Khái bí mật gọi con về làng, đánh tiếng là về phép để đi B, rồi sau đó Khái cấm con không được bén mảng về nhà, ở li trường huấn luyện, lâu lâu Khái lên thăm, tiếp tế cho ít tiền. Đưa con trai thứ hai, có đợt lấy người đi công nhân kỹ thuật ở nước ngoài, Khái cho đi. Làng xã ai hỏi gì, Khái cười bảo: “Nhà tôi phải toàn diện, đưa đánh giặc, đưa xây dựng đất nước. Đi hai chân như vậy mới vững vàng chứ”. Khái đã hàng trăm lần cầm trên tay giấy báo tử đi báo cho gia đình và cũng từng ấy lần Khái chủ trì buổi lễ truy điệu. Khác với bình thường, bao giờ Khái cũng rất kiệm lời và trước khi kết thúc Khái trầm giọng, thống thiết: “Con người là vốn quý nhất. Mất của thì còn làm ra được, chứ mất người sao lấy được. Nhưng cái chúng ta còn thì bao trùm tất cả - đó là đất nước. Hôm nay, tôi nói với bà con thế này, biết đâu ngày mai. Vâng, chỉ ngày mai thôi, tôi phải cầm trên tay mảnh giấy báo tử con tôi...!”. Đến đó cũng phải chảy nước mắt.

Mấy đứa con gái của Khái học kém, đáng lý trượt lên trượt xuống, nhưng cứ gần cuối năm học, Khái lại cho mời thầy hiệu trưởng nhà trường lên xã, trích ngân sách xã cho nhà trường một khoản tiền, hoặc ít phi lao, xà

cừ chặt ở đường liên thôn để nhà trường sửa chữa cơ sở vật chất. Thế là thầy hiệu trưởng bèn lệnh cho các thầy cô chủ nhiệm lớp con Khái học “cấy” điểm cho con Khái đủ lên lớp. Bây giờ, ở xã, con cái nhà nào vào được cấp ba là danh giá lắm, học lên đại học thì danh giá nữa và như thế nghiêm nhiên thành viên chức Nhà nước rồi. Thâm tâm, Khái chuẩn bị cho chiến dịch “viên chức hóa” con cái. Học hành kha khá ở xã phần nhiều là đám con cái các nhà địa chủ, lí dịch, hoặc viên chức có dính dáng với Tây thời cũ. Khái nhận ra rằng, đám ấy muốn thoát ra khỏi địa phương để đi thoát ly đều phải qua tay Khái ký lí lịch, nên họ thường cầu thân với Khái. Khái bảo lũ con mình chơi với đám đó, nhờ chúng kèm cặp văn hóa. Làm như thế, Khái lại được tiếng là công minh, không trù úm, đố kỵ. Song đèn thi cử thì chịu. Tay Khái không đủ dài để vươn lên trên, mà đám con nhà “có vấn đề” cũng không thể thi hộ con Khái. Khái tức lắm, bèn dặn đám văn thư xã: “Hễ thấy giấy báo gọi ai đi đại học, trung cấp thì đưa tôi xem. Ở trên có mật lệnh là phải xem xét kỹ lí lịch, gạt bỏ khỏi bộ máy Nhà nước những phần tử xấu, cơ hội đang leo cao, chui sâu...”. Và thế là, hết thấy các giấy gọi đi học đều qua tay Khái. Khái im đi hàng loạt. Thời ấy, việc học hành còn tù mù lắm, chẳng ai biết mà kiện, mà có biết cũng chẳng dám kiện, bởi người ta nghĩ, tương lai con cái họ vẫn nằm trong tay Khái. Còn Khái nghĩ bụng, ta làm thế chẳng tội tình gì, xã hội tiến thoái đâu phải vì một vài cá nhân đó, ta làm vậy là thực hiện công bằng xã hội, đám con cái nhà giàu học hành nhiều đời rồi, nay phải nhường chỗ cho con cái của bà con nông dân, của người lao động. Rồi đâu cũng vào đó, bằng mọi cách, Khái nhồi được hết lũ con còn lại đi học chuyên nghiệp. Đưa con cả ở quân đội – người từng đi “B dài” và bị bố đe biến thành liệt sĩ hàng trăm lần, phục viên về địa phương. Từng qua quân ngũ, lại thành phần trong sạch và được bố “quy hoạch”, cậu ta nhanh chóng trở thành bí thư xã Đoàn, vào thường vụ xã, quan lộ mở ra trước mắt. Lẽ dĩ

nhiên, được việc nhà, Khái được cả việc công. Chẳng thế mà, từng ấy năm làm chủ tịch, trải qua biết bao khóa bầu, Khái vẫn trúng cử. Người ta bảo, đó là cái khéo của Khái, cái mà người ta gọi là “ngậm miệng ăn tiền” chẳng?

Sau lần chết đi, sống lại, lão Khái được chăm sóc chu đáo hơn trước. Máy đưa con gái thoát li lấy chồng xa kéo về đông đủ. Người nào cũng khá giả, nên quà biếu bó đầy nhà. Khốn nỗi, lão có ăn được mấy đâu. Và lại, lão đã có chủ ý của lão. Được dăm bữa nửa tháng, dù có thương bó đâu thì mấy cô con gái cũng đành chào bố trở về nhà mình với biết bao công việc đang chờ, để lại câu dặn với anh trưởng: “Bác ráng chăm sóc ông cụ cho chu đáo, cần gì cứ phôn cho chúng em một tiếng, nếu không về được, chúng em sẽ gửi tiền về cho bác”. Riêng cậu con trai thứ hai từ ngày đi nước ngoài không về nữa, và đã lâu cũng bật vô âm tín nên không biết gì chuyện ở quê nhà. Lão Khái cũng ước được thấy mặt con mình, vì thế lão nán ná chưa quyết hẳn. Lão nghĩ bụng: “Nó thế là bạc, nhưng nghĩ cho cùng nó cũng đáng thương. Giàu sang phú quý chẳng thấy đâu song lại mang tiếng tha phương cầu thực. Mình là cha nó, mình tha thứ cho nó thôi”.

Khi đám con cháu láo nháo đi cả rồi, một hôm, đứa dâu trưởng bảo lão Khái: “Con dọn dẹp nhà ngang, ông xuống dưới ấy nằm nghỉ cho yên tĩnh. Ở nhà trên này, nhà con làm chủ tịch, suốt ngày khách khứa nên ồn ào lắm”. Nghe vậy, lão Khái nhảm bụng “À ra nó đuôi khéo mình đây”. Song lão vẫn chờ xem con trai có nói gì không. Mãi không thấy gì, lão hiểu rằng vợ nó chỉ là người nói ra hộ nó điều ấy thôi.

Kể từ hôm dọn xuống nhà ngang, lão Khái dứt khoát hẳn, âm thầm thực hiện ý đồ của mình. Cơm cháo do con dâu và mấy đứa cháu đưa xuống,

lão chỉ nhám nháp qua quýt, đợi lúc mọi người vắng nhà, gọi đám chó đốm cho chúng ăn hết. Vốn đã yếu, lão ngày càng yếu hơn. Lão biết cái ngày lão ra đi không còn bao xa nữa. Ngày nhật thực tới gần, lão chạy đua với trời đất. Có một điều lão luôn ghi nhớ là khoản tiền đò. Lão sẽ không lỡ chuyến đò cuối nữa. Lão thầm cảm ơn cái sự sai lầm trước, để từ đó, lão có thời gian ngẫm nghĩ, điểm lại cuộc đời mình và hiểu thâm nhân tình thế thái. Một lần, lão gọi đứa cháu nội vào hỏi nó: “Cháu có tiền không?”. Thằng bé tưởng lão cần tiền, nó móc từ đáy cặp sách mấy trăm đồng tiền giấy nhàu nát, cẩu bần, nhét vào tay ông: “Tiền đây, ông cần mua gì bảo cháu, cháu sẽ mua cho ông”. Lão xoa đầu thằng bé: “Cháu thảo lắm. Ngoan lắm. Yêu cháu lắm. Ông không cần tiền đâu mà chỉ hỏi thế thôi”. Cái lão Khái cần là đồng tiền trinh, tiền xu cơ. Lão không muốn hỏi xin con trai hoặc con dâu bởi sợ chúng căn vặn. Đang băn khoăn thì lão thấy ở dưới đất một mảnh sắt, lão nhào người nhặt lên, đưa lên mắt ngắm nghía: “Đây rồi! Tiền đây chứ đâu!”. Lão sẽ mài những góc nhọn cho nó tròn. Chỉ cần tròn tròn, hao hao giống đồng trinh là được. Lão sẽ đợi đúng lúc nhật thực để qua đò. Người ta bảo, lúc nhật thực, nhập nhoạng, láo nháo âm dương, lão lái đò sẽ không biết gì đâu. Lão sẽ ấn miếng sắt vào tay người lái đò, nhất định là lừa được. “Phải rồi, tròn tròn, giống đồng trinh” – lão Khái ngọp đi trong niềm hân hoan.

Những ngày sau, lão miệt mài với việc làm cho miếng sắt tròn. Miệt mài như thời sung sức gom góp xây dựng gia nghiệp. Tỉnh thoảng anh con trai trưởng xuống hỏi thăm, lão đều bảo: “Anh yên tâm, thầy khá hơn lên. Thầy còn thọ đến trăm tuổi kia mà”. Anh con trai ráo hoảnh: “Vâng! Thầy phải thọ để hưởng lộc chứ. Con cháu nhờ thầy gây dựng. Cả xã nhờ công thầy mới được như ngày hôm nay. Từng ấy năm thầy chèo lái...”. Lão Khái

phều phào: “Thôi thôi... Tôi không dám...!”

Ngày nhật thực đang đến gần. Miếng sắt đã tròn. Chợt lão nhớ đến lời cô con dâu hôm nào “cậy mãi không được miệng để cho đồng trinh tiền đò”, lão há miệng thử: Được rồi. Lão Khái từ từ đưa đồng sắt lên miệng, ngậm vào dần. Lão thở mạnh. Rồi nhắm mắt lại, thêm thiếp... Chờ đợi con đường sền sệt đầy dấu chân người. Ở cuối con đường ấy có một bến đò...!

Những ngày giáp Nhật thực 1995

nguyễn chu nhạc

Buôn Chiêu Quân

Thiên tải tì bà tác hồ ngữ

Phân minh oán hận khúc trung luân

(Đỗ Phủ)

Sau khi Thái giám đến cung Vĩnh Xuân triệu cung phi Hằng Nga đi để Mao Diên Thọ vẽ tranh dâng lên Hán Nguyên Đế, Chiêu Quân ngồi tư lự mãi bên cửa sổ. Nàng ngẩng nhìn hàng dương liễu rũ mượt mà rồi đưa bàn tay ngà ngọc khẽ vuốt lên làm tóc mây của mình và thở dài. Nàng vào cung đã hơn năm nay, đêm nào cũng lạnh lẽo, để rồi sớm mai lại bắt đầu trang điểm đón

một ngày mới chờ được quan Thái giám gọi đi. Được ngồi để Mao Diên Thọ vẽ là may mắn lắm rồi. Như vậy, mới mong có ngày được Hoàng thượng lâm hạnh, còn được sủng ái ư, chẳng cung phi nào dám màng. Với riêng nàng, Chiêu Quân chưa bao giờ mong mỏi được nhà Vua lâm hạnh, song nàng lại nghĩ, chẳng lẽ mình cứ mòn mỏi đến chết già nơi thâm cung lạnh lẽo này ư? Tên cung là mùa xuân vĩnh viễn, nhưng với nàng, nó chỉ là nơi giam hãm tuổi xuân. Với nàng, mùa xuân là cỏ nội, đồng quê nơi thôn dã êm đềm nép bên dòng Trường Giang cuộn chảy ở quê nàng. Nơi có cha mẹ và các em nàng, nơi có chàng nông phu vạm vỡ, thỉnh thoảng dừng tay cày nhìn trộm nàng một cách tình tứ mỗi khi nàng mang cơm ra đồng cho cha... Ước gì nàng được chạy chân trần trên thảm cỏ dẫm sương, được thơ thẩn ngắt hoa dại ven sông mỗi khi nàng đi giặt! Mùa xuân là như thế, chứ đâu phải cái cung như một cỗ quan tài khổng lồ được sơn son thiếp vàng này.

Nàng trở lại ngồi trước gương. Nàng ngắm nhìn mình và tự bằng lòng với từng đường nét, từng chi tiết trên khuôn mặt, mái đầu và thân hình của mình. Nàng tự biết, trong năm trăm cung tần ở đây nàng là người đẹp nhất. Thế mà, hàng đêm, các cung phi theo nhau được nhà Vua lâm hạnh, riêng nàng thì không. Nàng nghe các cung phi đồn nhau rằng, phải có tiền lót tay cho Thái giám, khi ấy họ mới cho gọi để được đưa đến Mao Diên Thọ vẽ hình, rồi sau đó lại phải lót tiền vào tay Mai Diên Thọ để hắn ta vẽ hình mình thật đẹp và quyến rũ, lúc ấy nhà vua xem hình thấy ưng, mới cho triệu tời long sàng. Chao ơi, để được chút ơn mưa móc của nhà vua sao mà cay đắng thế. Cả đám phi tần biết thế nhưng chẳng ai dám kêu ca, chỉ âm thầm nén chịu, hi vọng một ngày nào đó sẽ sinh ra hoàng tử. Chiêu quân không như họ. Nàng không được sống cùng với cha mẹ, không được tự do yêu chàng nông phu nơi thôn dã quê nàng, thì bây giờ ở trong cung điện vàng

son để chờ một ngày nào đó được nhà vua lâm hạnh, chẳng khác gì bị tù hãm. Đòi nàng xem như là bỏ đi. Song nàng vẫn có cái tự kiêu ngầm của riêng nàng, bởi bị bỏ rơi, cũng đồng nghĩa với việc nàng bị coi là nhan sắc tầm thường. Bản năng đàn bà trong nàng trỗi dậy, chẳng lẽ một trang sắc nước hương trời như nàng lại bị xem là thứ tầm thường bỏ đi sao! Với bọn Thái giám thì nàng biết là đám người tham lam, độc ác, nàng sẽ lót tay cho chúng, còn với Mao Diên Thọ thì nàng không tin là người như vậy, bởi chàng ta là nghệ sĩ. Nàng không coi nghệ sĩ là người tốt, song nói chung họ tầm phào và chẳng tâm địa ghê gớm gì, bụng dạ họ có thể tin được, mặc dù họ yếu đuối và nửa vời tới mức chẳng giúp được ai...

Và thế rồi, nàng cũng làm được mọi chuyện. Một buổi sáng, nàng vừa trang điểm xong thì Thái giám đến, đọc to tên nàng. Trước mặt các cung tần, nàng ngạc nhiên lắm. Nàng liếc nhìn gã Thái giám thì bắt gặp cái nhìn đắc thắng của gã – “mi tướng mi đẹp là đủ à, cuối cùng thì cũng phải nhờ đến tay ta”. Nàng muốn hét thật to vào bộ mặt đều cáng của gã, nhưng làm như thế sẽ hỏng việc. Nàng được gã Thái giám đưa đến một căn phòng rộng, ở đó chỉ kê một bàn sách và có một chiếc ghế để cung phi ngồi. Ngồi trước bàn sách là một chàng thư sinh. Nàng hiểu ngay người đó là Mai Diên Thọ. Chàng ta rũ người về chán nản. Thái giám đánh tiếng làm chàng ta giật mình, nhưng rồi vẫn như không để ý gì đến, Mao Diên Thọ hỏi Thái giám: “Ngài đã đưa người đến rồi đấy hả?”. Rồi phẩy tay về phía nàng: “Ngồi đi! Ngồi đi! Chịu khó chờ ta pha màu chốc lát”, và sau đó cắm mặt xuống bàn mài việc pha màu. Chiêu quân khẽ ngồi xuống ghế, quan sát bộ dạng họa sư Mao Diên Thọ. Vì có chủ động rồi nên nàng không ngần ngại. Nàng thấy Mao Diên Thọ không có vẻ của con người tham lam như đám cung phi đôn. Và dường như, chàng ta chẳng thiết gì cái công việc mỗi ngày phải châu trực

ở trong cung để họa hình một mỹ nữ dâng lên nhà Vua. Cứ nhìn thái độ, nhìn cử chỉ chàng mài mực, pha màu là thấy được điều đó. Nghĩ thế nhưng Chiêu quân vẫn băn khoăn, không biết mình có cần phải lót tiền cho Diên Thọ để được bức hình đẹp làm mê mẩn Hán Nguyên Đế hay không?

Diên Thọ ngẩng lên nhìn vào nàng và bảo: “Nào ta bắt đầu. Xin cô nương chĩnh lại xiêm y”. Và chính vào thời khắc ấy, mắt hai người dọi vào nhau. Nàng nhận thấy rất nhanh vẻ chán chường trên khuôn mặt và cái nhìn của Diên Thọ chuyển biến từ ngạc nhiên đến chân tình, âu yếm. Nàng xón xang cả người. Nàng đẹp là thế nhưng ngoài cái nhìn của chàng nông phu quê mùa và Diên Thọ ra là chân tình, còn lại nàng chỉ bắt gặp những cái nhìn ganh tị và ghẻ lạnh, hoặc cao đạo của người khác. Diên Thọ lắp bắp: “Cô nương ... xin cô nương hãy nương nhẹ tấm thân ngà ngọc, để Diên Thọ này được vinh hạnh chiêm ngưỡng mà họa bức hình tuyệt nhất trong cuộc đời làm họa sư của mình, và nàng cũng hiểu nếu mình chỉ khẽ lộ ra việc đút lót là Diên Thọ sẽ không còn nhìn nàng ngưỡng mộ như thế nữa. Nàng trở lại vẻ u buồn vốn có của mình, nhưng trong lòng, một cảm giác lâng lâng dễ chịu lan tỏa. Nàng có thiện cảm với Mao Diên Thọ. Nàng cũng hiểu là tại sao Diên Thọ lại khó tính với các cung phi khác, bởi có lẽ chàng phải lọc ra từ cái sự uốn éo, yếu điệu thái quá đến kịch cỡm của họ để mà họa thành hình miển sao cho Hán Nguyên Đế vừa mắt. Chàng không được phép sơ suất, vì sự sơ suất sẽ biến thành tội khi quân phạm thượng. Diên Thọ làm việc miệt mài, mồ hôi đọng thành giọt trên trán, trên má chàng. Một nỗi thương cảm dâng lên và nàng thấy Diên Thọ thật xứng là một trang tài hoa, anh tuấn. Ở quê, Chiêu quân chỉ được tiếp xúc với các chàng nông phu chất phác, cục mịch. Vào cung, ngoài bọn Thái giám tham lam nửa người nửa ngợm và tụi lính ngu ngốc, hợm hĩnh, hầu như nàng không được tiếp xúc với

một người đàn ông nào khác. Còn Hán Nguyên Đề thì xa với như ở mãi trên chín tầng trời, nàng chỉ được nghe đám cung phi kể lại và chắc là thêu dệt nhiều lắm. Nàng không ham, không mong đợi ơn mưa móc của đấng cao sang tối thượng, vì nàng nghĩ, chút trinh nguyên của nàng chẳng là gì khi đấng thiên tử kia cả đời đắm chìm trong bể tình ái, hoan lạc. Tự nhiên, nàng nghĩ, giá như mình được dâng hiến tấm thân ngọc ngà của mình cho chàng họa sư tài hoa phong nhã kia. Ý nghĩ ấy đến chớp nhoáng, làm nàng đỏ mặt. Mãi nghĩ ngợi, lúc này Chiêu quân mới để ý đến Diên Thọ và nàng thấy hình như họa sư đã hoàn thành bức họa hình, chàng ngồi thừ, hết nhìn bức họa, lại nhìn nàng, thậm so sánh giữa người bằng xương bằng thịt và bức họa hình – ai đẹp hơn ai! Nàng định cất lời thì nhận thấy khuôn mặt Diên Thọ sầm lại. Rồi chẳng nói chẳng rằng, chàng vợ bức họa vò nhàu trong đôi tay, và làm li bắt đầu họa lại. Chiêu quân phỏng đoán rằng bức họa không được và nàng ngậm kiêu hãnh: “Vẻ đẹp của ta, dễ gì lột tả được!”.

Nàng đã mấy lần thay đổi tư thế ngồi mà Diên Thọ vẫn chưa xong. Dường như chàng lưỡng lự điều gì, băn khoăn lắm mà mày chau, môi bậm? Có lẽ trời đã tròn bóng. Chiêu quân đoán vậy bởi nơi thâm cung âm u này làm gì thấy được mặt trời. Thái giám cũng đã vài lần ló đầu vào nhưng thấy Diên Thọ chưa họa xong nên lại thôi. Chiêu quân linh cảm thấy một điều gì đấy ong nàng không tài nào định hình được. Lòng ngực àng phập phồng khác thường dưới lớp xiêm y, bởi trái tim nàng loạn xạ. Nàng cố dùng hơi thở nén sự khác lạ cứ trôi lên trong lòng mình!...

Diên Thọ buông bút vẽ xuống bàn, ngả người ra phía sau, mắt hướng lên cao. Sau hồi lâu như vậy, Diên Thọ nhìn nàng bằng cái nhìn không còn thần sắc: “Diên Thọ này vô duyên, bất tài nên không tài nào truyền nổi vẻ

đẹp nghiêng nước nghiêng thành của cô nương ra mặt lụa, nên đành quấy quá cho xong. Lỡ sau này, cô nương không được Hoàng thượng sủng ái thì lỗi là ở kẻ bắt tài này cả... nhan sắc của Chiêu cô nương thật chim sa cá lặn mà Diên Thọ này không lưới trong tay... Có mấy lời gọi là để tạ lỗi trước với cô nương!...”. Nói rồi Diên Thọ rời bàn sách, vái Chiêu quân một vái và cúi đầu. Chiêu quân bất ngờ, lúng túng không biết xử trí thế nào. Nàng vội vàng đứng dậy, thì chẳng may xiêm y của nàng bị móc phải một họa tiết trên tay gai của ghế, làm rách vải.

Thái giám vào, lấy bức họa và đưa Chiêu quân về cung Vĩnh Xuân. Vì xiêm y bị rách, nên nàng đi đứng khép nép khác thường. Trước khi rời khỏi thư phòng, nàng khẽ liếc nhìn Diên Thọ và nàng bắt gặp cái nhìn thiếu nã của chàng. Dọc đường về cung Vĩnh Xuân nàng cứ bị ám ảnh bởi cái nhìn lúc chia tay của Diên Thọ. Trong sắc thái thiếu nã của gương mặt, của ánh mắt chàng, nàng nhận thấy vẻ đăm đuôi tình ái...

Chiêu quân linh cảm rằng, nàng sẽ chẳng bao giờ được nhà Vua vời đến. Nàng cũng không nghi ngờ gì việc Diên Thọ không có tiền hồi lộ mà về nàng xấu đi. Nàng không thấy tiếc vì không được biết mặt Ròng, song nàng cũng thấy tự ái. Sau mấy tháng được họa hình dâng vua mà không được gọi, đám cung phi ở cung Vĩnh Xuân bắt đầu bóng gió, cay độc nàng, xem như từ trước đến nay, nàng là người huyền hoặc, cứ tự mãn về một nhan sắc ảo tưởng của mình. Những lúc bị cạnh khốe như vậy, lòng nàng sôi lên và nàng thấy giận Diên Thọ lắm. Lúc bình tĩnh, hồi tâm lại, nàng thấy nhớ và mong được gặp lại con người tài hoa ấy. Diên Thọ đã chẳng tạ lỗi với nàng trước là gì. Có một điều làm nàng băn khoăn, thắc thỏm là bức họa đầu tiên mà Diên Thọ vẽ đi. Chàng ta vẽ gì, và nếu vẽ nàng thì đẹp hay xấu? Những đêm

thao thức không ngủ được, nàng thường nghĩ về điều đó. Phải chăng Diên Thọ mê nàng? Chàng ta đã giữ bức họa ấy cho riêng mình? Dễ lắm chứ! Người đẹp như nàng thì đến Hán Nguyên Đế dù đã hàng ngàn mỹ nữ qua tay, có nhìn thấy cũng phải mê, nữa là chàng. Bằng chứng là vẻ không bình thường và cái nhìn đắm đuối của Diên Thọ. Mà sao nàng lại không nghĩ về nhà Vua mà chỉ nghĩ về chàng họa sư tài danh? Nàng cũng yêu thầm con người ấy rồi sao?

Và một ngày đầu hè, những cây lựu trong vườn cung Vĩnh Xuân đâm bông lập lòe, cung phi Lưu Yên được gọi đi họa hình, khi trở về, nhân lúc thanh vắng đã gọi Chiêu quân ra một nơi, dúm vào tay nàng một mảnh lụa bạch, bảo là Diên Thọ nhờ chuyển cho nàng. Nàng thất sắc, vội vàng mở xem thì ra đó là một bài thơ Diên Thọ viết tặng nàng. Nàng kinh hoàng, bở như vậy, cả Diên Thọ và nàng đều đã phạm vào tội khi quân phạm thượng, đáng xử trảm cả ba họ nếu như bị bại lộ. Nàng hốt hoảng đốt ngay mảnh lụa đó, để phi tang. Lưu Yên kể với nàng rằng, khi cô ta định đưa tiền hối lộ để Diên Thọ vẽ cô ta đẹp hơn thì chàng kiên quyết từ chối và chỉ nhờ cô ta đưa bào thơ này đến tận tay Chiêu quân và thề với trời đất rằng không bao giờ tiết lộ chuyện đó.

Sau sự việc ấy, cứ đêm đêm là nàng mất ngủ vì lo chuyện bại lộ. Nàng không sợ chết, nhưng nàng lo liên lụy đến họ hàng gia tộc mình. Tuy nhiên, từng lời, từng chữ bài thơ của Diên Thọ âm vang và ngân nga trong đầu nàng, dịu ngọt, ru nàng vào giấc điệp sau những giờ khắc lo âu:

*Người đâu từ cung Quảng xuống trần
Mặt ngọc, được một lần chiêm ngưỡng*

*Mỹ nhân đã thuộc về đấng quân vương
Đành ôm mộng tình xuống tuyền đài*

Chiêu quân vừa sung sướng, vừa lo sợ trước mối tình nồng nhiệt của Diên Thọ. Việc lén gửi thơ cho nàng qua người khác, điều đó chứng tỏ chàng biết trước và chấp nhận cái chết nếu sự việc bại lộ. Điều đó khiến nàng xúc động đến tận tâm can và trong lòng xúc động ấy nàng nghĩ, giá có phải chết thì mình cũng cam lòng vì được một con người tai hoa nổi danh yêu thương.

Rồi một chuyện chấn động cả cung đình, lan vào cung Vĩnh Xuân, làm đám cung phi không ngớt bàn tán, đó là việc chúa Hung Nô ở phía Bắc sau nhiều năm quấy rối biên cương, đánh xuống Trung Nguyên, nay giảng hòa, cử sứ thần vào châu Hán Nguyên Đế, xin được ban thưởng mỹ nữ Trung Nguyên về làm vợ. Vua Hán đã hứa ban cho chúa Hung Nô năm cung nữ trong hậu cung của ngài. Các cung phi trong cung Vĩnh Xuân đều lấy làm lo sợ việc ai sẽ là người bị ban gả cho chúa Hung Nô. Mọi người đồn nhau xú đó con người sống còn mọi rợ lắm, luật lệ lại hà khắc, sơ xuất là bị tội, nếu không thì cũng chết giá, gửi xương nơi đất khách quê người.

Các cung nữ đã từng được nhà vua làm hạnh thâm yên tâm vì mình được vua yêu và biết đâu mình sẽ sinh ra cho nhà vua một hoàng tử. Nhiều con mắt đổ dồn về Chiêu quân, người đã được họa hình song không một lần được nhà vua đoái hoài tới. Những con mắt đổ kỵ nhìn Chiêu quân như rửa rắng: “Người cứ tự mãn về nhan sắc của người đi rớt cuộc thì người cũng chỉ đáng hầu hạ cho quân mọi rợ”. Chiêu quân cũng linh cảm thấy mình sẽ là một trong số năm người phải mang cống chúa Hung Nô. Trong nàng nảy

sinh những tình cảm trái ngược nhau. Nàng đã thầm yêu người họa sư tài năng và không muốn phải xa rời quên cha đất tổ sống kiếp tha hương nơi xứ sở hoang mạc xa lạ, phải làm thiếp hầu cho vị chúa tể vốn nổi tiếng là hung bạo và hiếu sắc. Mặt khác, nàng lại muốn dán thân vào cõi ấy, nếu có khổ ải thì mình nàng gánh chịu, còn như ở lại cung của Hán Nguyên Đế, nhờ ra một ngày nào đó, chuyện Mao Diên Thọ tư tình và tặng thơ nàng lộ ra thì không những hai người mà cả ba họ của cả hai phải rúng đầu. Nàng nung nấu, đắn đo suốt từ khi tin dữ bay vào cung Vĩnh Xuân. Mặt ủ mây chau, thân hình rũ xuống và trong bộ dạng như vậy, nàng càng đẹp, càng quyến rũ hơn, tổ trêu người tụi thái giám và đám cung phi mà thôi. Ngẫm nghĩ kỹ rồi và nàng quyết chí ra đi, rời khỏi cùng Vĩnh Xuân nghĩa là thoát được cảnh tù hãm, còn sau đó ra sao nàng sẵn sàng chấp nhận, kể cả cái chết. Nàng mang điều đó nói với gã Thái giám. Gã ta bảo nàng rằng nàng như thế là biết điều và sẽ được nhà vua ghi công, thưởng chp họ hàng gia đình nhà nàng, song mắt gã thì lại ngằm nói “ Đáng đời nhà ngươi, đồ tị mẫn đang ghét. Dù ngươi không tị nguyện thì ta cũng sẽ tâu với hoàng thượng đẩy ngươi vào xứ rợ đó”.

Trước ngày rời Trung Nguyên về đất Hung Nô, Chiêu quân chỉ có một ước mong duy nhất là được về thăm cha mẹ, quê hương bản quán và thêm nữa, nàng được gặp mặt Diên Thọ, hoặc không thì bằng cách nào đó có đôi lời với chàng để đáp lại ân tình của chàng và cũng là nói lời vĩnh biệt, hẹn kiếp sau tri ngộ cùng chàng. Nhưng về thăm quê thì chẳng bao giờ được, còn gặp chàng thì nguy hiểm lắm, vả lại, nhờ ai bây giờ?

Chiêu quân và bốn cung phi khác được gọi đến gặp mặt nhà vua trước ngày về Hung Nô. Mỗi bước nàng đi, nỗi sầu càng tê tại. Nàng không còn

cảm giác hồi hộp được gặp mặt Rồng mà chỉ còn nỗi đau sắp phải xa quê hương, xa người yêu dấu. Hán Nguyên Đế không khác tưởng tượng của nàng bao nhiêu về nhà vua, là người nhu nhược và thiếu quyết đoán, tốt bụng song dễ nghe lời xiểm nịnh. Sau khi được nhà vua cho bình thân, nghe ngài phán bảo, nàng đứng đậy mà hồn ở tận đầu đầu. Hình như nhà vua căn dặn các cung phi rằng về đất Hung Nô, phải tận tâm phục vụ chúa Hung Nô, giữ gìn mối bang giao giữa hai nước, đó là công lớn và công ấy nhà vua sẽ ghi nhận cho gia đình được hưởng, chớ làm việc gì bất cẩn mà để xảy ra chuyện lớn thì nhà vua sẽ không tha... Với Chiêu quân, những lời ấy chỉ như gió thoảng đầu đầu. Chợt nàng giật mình bởi lời ám chỉ của vua Hán: “Có nghe rõ lời ta căn dặn không?”. Nàng nhìn thẳng vào mắt nhà vua và khẽ rùng mình bởi một sự cảm nhận đến tức thì, sự cảm nhận giới tính của một người đàn bà đẹp luôn được người khác chiêm ngưỡng, si mê. Và nàng mù mịt người đi bởi uy lực của nhà vua, đầu nàng như ù đi, tai nàng loáng thoáng nghe được lời nhà vua khen nàng là một trang tuyệt thế giai nhân, rồi tỏ vẻ luyến tiếc, tại sao có mỹ nữ đẹp mê hồn như vậy trong hậu cung mà ngài không được biết. Nhà vua hỏi quan Thái giám, thì quan Thái giám đổ rằng biết Chiêu quân là người đẹp gọi đi họa hình, nhưng không hiểu Mao Diên Thọ họa như thế nào mà không thấy nhà vua cho triệu đến lâm hạnh. Vua Hán nổi giận quát mắng Thái giám và sau đó phán rằng hãy lưu giữ Chiêu quân lại, tìm cung phi khác thay thế. Sự tình thay đổi làm Chiêu quân rối bời không biết thưa thốt ra sao, đành cúi đầu chờ số phận an bài. Thế rồi, vua Hán cũng nguôi giận, khi Thái giám thề thốt rằng việc đổi cung phi khác thay cho Chiêu quân nếu như lọt ra ngoài để chúa Hung Nô biết được, sẽ cho rằng nhà vua nuốt lời hứa, tiếc rẻ một mỹ nữ, phá hỏng hòa khí giữa hai nước, khó tránh khỏi nạn binh đao xảy ra. Nhà vua nghe ra và chuẩn tấu, cho nàng cùng bốn cung phi khác lui, đưa về cung biệt lập với sự canh phòng

cẩn mật của lũ thị vệ, đề phòng bắt trặc, sớm hôm sau lên đường đi phương Bắc.

Đêm ấy, đêm cuối cùng ngủ ở kinh đô. Những cung phi kia thở vẫn than dài, rồi sụt sùi khóc lóc. Riêng Chiêu quân, nàng lặng thắm nuốt nước mắt vào trong. Đầu nàng hết nóng ran lại lạnh ngắt. Bao ý nghĩ đổ dồn đến, kể cả ý nghĩ tìm đến cái chết... Và ở vào đúng thời khắc ấy, đầu nàng âm âm như có một làn sóng âm thanh tuôn chảy, rồi những lời lẽ, ý tứ theo nhau hiện ra...

*Quê hương xanh xanh một dải
Dòng Trường Giang quăn quại uống mình
Những thửa ruộng tưới bằng mồ hôi
Lưỡi cày với lên những xương người và cán giáo gãy
Những giọt nước mắt chinh phụ vắng chồng ướt đầm suốt to
Còn ở đây, trăng kinh thành lạnh lẽo
Chùm lên thành quách, lâu đài thứ ánh sáng ma chơi
Làm lạnh buốt nỗi đau mỹ nữ
Làm sắc bén lưỡi kiếm quân vương
Làm u tối mưu mô, chước quỷ
Làm mê muội những kẻ si tình
Chỉ sớm mai thôi, mặt trời thức giấc
Tất cả chỉ là ảo ảnh kiếp người
Tan biến phía sau lưng người lên chân lên phương Bắc
Chìm vào giữa hoang mạc mênh mông
Đâu là cạm bẫy, đâu là trầm luân?
Đâu là ruột rà, đâu là ân oán?*

Sầu nhân thế làm núi mòn, bể cạn

Người ra đi héo hon, kẻ ở héo hon chẳng

Nàng thỏn thức và thiếp đi trong mộng寐. Có biết đâu, cũng trong đêm ấy, chàng họa sư tài danh Mao Diên Thọ đứng ngòì không yên, bồn chồn lửa đốt ở một cung khác trong kinh thành, không biết phải làm gì, ngoài thở than và nốc rượu, chờ trời sáng... Đám giai nhân phải lay mãi Diên Thọ mới mở được mắt, sau hồi lâu ngơ ngác, chàng mới chợt nhớ ra là mình cần phải dậy sớm đón đường với hi vọng được thấy Chiêu quân lần cuối. Chàng hốt hoảng vùng dậy, vò đầu bứt tai kêu khổ, vừa vận quần áo vừa làm bầm mảng mỗ đám giai nhân. Ngòì được lên ngựa thì mặt trời đã lên được một con sào. Đến cửa Bắc kinh thành thì được biết đoàn hộ tống năm mĩ nữ về đất Hung Nô qua đó từ lúc trời còn mờ sương. Than ôi cho kẻ mê muội và bạc nhược, Diên Thọ cứ thẳm nguyên rửa mình như vậy. Giá như không nốc rượu triền miên cho vợi nỗi đau thì đâu đến nỗi ngu quên, chậm trễ thế này. Diên Thọ đành phải quay về, bởi sức vóc thư sinh và con ngựa còm của chàng, làm sao đuổi kịp những cỗ xe tam mã truy phong của người Hung Nô trong nước mã hồi. Lòng chàng gào thét: “Chiêu quân ơi, nàng có hiểu cho lòng ta!”.

Và Diên Thọ không thể ngờ được, khi chàng vừa đặt chân tới nhà thì chàng lập tức bị trói chặt, đưa giam vào ngục thất. Đám quân cấm vệ đã rình sẵn đợi chàng về. Tin họa sư của triều đình là Mao Diên Thọ đã lén tư thông với cung phi Chiêu quân, nhanh chóng lan ra khắp kinh thành. Kế đó, hàng loạt các cung phi khác, trong đó có Lưu Yến đồng tổ giác là Diên Thọ đòi hối lộ vàng bạc, mỗi khi họa hình cho cung phi đều dọa là sẽ vẽ hình xấu ma chê quỷ hờn, buộc họ phải chấp nhận. Thế là tội chồng thêm tội. Diên Thọ

có phải chết ngàn lần mới may ra rửa hết tội. Có ai biết đâu cho chàng, chỉ tự thâm tâm chàng biết với chàng, rằng chưa bao giờ chàng lấy của ai một nén bạc, còn tình yêu với Chiêu quân thì chàng thừa nhận. Nếu không đạt được mối tình ấy, chàng có chết cũng chẳng sao. Sống trên cõi đời mà không có Chiêu quân bên mình thì chàng cũng coi là kiếp sống thừa và như thế chẳng qua là tự đày đọa mình mà thôi.

Đêm trước ngày bị đưa ra hành hình, Diên Thọ vật nài mãi, xin được người cai ngục tốt bụng một chút sáp ong. Chàng đốt làm đèn, xé vạt áo tù làm toan, cắn tay lấy máu vẽ chân dung Vương Chiêu quân trong cảm xúc cuồng loạn. Buổi sớm hôm sau, quân cấm vệ vào ngục thất áp giải Diên Thọ đi hành hình thì họ thấy chàng nằm co ro trên sàn nhà lạnh cóng trong con mê sảng, miệng lảm nhảm những câu gì không rõ, còn đầu óc rối bời, quần áo rách bươm. Chàng ngửa mặt về phương Bắc mà gọi tên Chiêu quân rồi vươn cổ chờ chém!...

Ở vào thời khắc ấy, Chiêu quân vẫn còn nằm trên long sàng với vòng tay ôm ghì của chúa Hung Nô, nàng giật mình thảng thốt nghe thấy tiếng gọi tên mình thoảng trong không trung, bèn gỡ tay chúa Hung Nô, ngồi dậy bàng hoàng và định thần xem mình đang ngủ mơ hay đã tỉnh? Và hôm ấy, nàng bồn chồn không yên. Rồi tin dữ từ quan ngoại cũng bay về. Nàng biết chuyện Mao Diên Thọ đã bị xử tội chém đầu vì khi quân phạm thượng lên tư thông với cung phi của vua. Vì nàng mà chàng phải chết, hậu thế mất đi một danh họa tài ba. Đời nàng như thế còn gì nữa đâu. Mặc dù được chúa Hung Nô nhất mực yêu thương, chiều chuộng nhưng chẳng bao giờ mua được một nụ cười trên khóe môi. Nỗi buồn triền miên xâm chiếm hồn nàng. Nàng chỉ còn mỗi việc là nối dài thêm khúc sầu nhân thế mà nàng đã nghĩ ra từ trước

buổi cất bước lên phương Bắc về làm dâu xứ Hung Nô xa xôi:

*... Dù cách trở nhưng một lòng hướng về phương Nam
Mỗi năm một lần gửi hồn mình theo cánh én
Lại âu sầu chờ xuân sang, én mang tin về
Quê nhà xanh xanh, dòng nước mang mang
Liệu song thân có còn khỏe mạnh, nhớ tới đứa con xấu số
Và hồi ôi, nơi chín tuổi chàng có thấu cho lòng thiếp
Chôn mối tình chàng trao trong thân xác cô liêu
Xin chàng hãy nán lại, chờ tiếp theo
Lệ cạn kiệt bởi khúc sầu nhân thế
Không có chỗ cho quân vương ích kỷ
Không có nơi cho những kẻ lọc lừa
Khúc Chiêu quân này dành nhân thế tình ai
Mai sau, mai sau, hồi người đời có thấu?...*

Chiêu quân có sinh hạ cho chúa Hung Nô một hoàng tử, nhưng nàng không còn đủ sức sống trên cõi đời mà nuôi dưỡng con nàng. Nàng hóa thân vào vũ trụ, hóa thân vào khúc nhạc và lời ca ai oán, vượt hoang mạc mênh mông về đất Trung Nguyên, về bên dòng Trường



Giang yêu dấu, nơi nuôi dưỡng tuổi thơ nàng. Trước khi khuất, nàng không hề biết đến một bí mật, rằng chàng họa sư Mao Diên Thọ, sau khi bị chém, được người quen đưa về tận quê chàng ở Đỗ Lăng chôn cất, khi thay quần áo tắm liệm cho chàng, người ta tìm thấy trong người chàng hai bức họa hình Chiêu quân được chàng quấn vào thân mình. Một bức vẽ hình nàng trên lụa tốt, đẹp và yếu diệu đến mê hồn, đó là bức chàng họa nàng đầu tiên và đã vò đi vẽ bức khác xấu hơn để vua Hán chê nàng không cho vời, có như thế nàng mới trinh nguyên với mối tình của chàng, và bức họa ấy chàng giữ cho riêng mình, cứ đêm đêm chàng mở xem, thắm thì với bức họa những lời yêu đương say đắm. Còn bức nữa, chính là bức chàng cắn tay lấy máu mà họa trên mảnh vải thô áo tù vào cái đêm trước ngày bị chém. Bức họa bằng máu, dồn nén tâm trạng và sinh lực của chàng, nên khác lạ và linh thiêng làm sao, và ở đó, người ta có thể hình dung được hết thấy tâm tư, ý nghĩ của Chiêu quân những tháng ngày nàng sống nơi đất khách quê người...

Nguyễn Chu Nhạc

nguyễn chu nhạc

Chủ hiệu tân dược

Ngót năm chục tuổi đầu, tôi trở thành ông chủ tiệm bán tân dược. Tuy theo nghề này, với tôi chỉ là sự bất đắc dĩ, cực chẳng đã mà thôi, song nó lại là nguồn sống chính của tôi. Hàng ngày, tôi phải trôn ra những 14 tiếng đồng hồ làm việc. Cái vòng quay luẩn quẩn và mòn mỏi. Sáng, 8 giờ có mặt ở hiệu thuốc. Trưa đi ăn và nghỉ ngả lưng đôi chút. Chiều bán hàng đến hơn 6 giờ tối mới mò về tới nhà. Tắm qua loa và ăn cơm tối, ngó nghiêng nhà cửa, hỏi vợ con dăm câu ba điều. Và 8 giờ tối lại phóng xe đến cơ quan làm tròn bốn phận của một anh bảo vệ đêm. Lúc này thì tôi mệt rã rời, ngồi gật gù với cái ti vi mà chẳng hiểu người ta nói gì ở đó. Bóng đá hấp dẫn là thế mà tôi cũng không tài nào xem nổi hết trận, bởi ngủ thiếp đi, chẳng biết tỷ số ra sao. Đêm ngủ lại mộng mị. Sáng hôm sau, 7 giờ sáng dậy về nhà và bắt đầu một vòng quay mới.

Cuộc đời có những bước ngoặt không ngờ. Trước khi trở thành ông chủ hiệu tân dược, tôi đã làm đủ thứ nghề. Cầm cái bằng kỹ sư canh nông, tôi được nhồi vào đồng bằng Nam Bộ làm quy hoạch nông nghiệp, chán chê dăm năm tôi cậy cục xin ra một nông trường ngoài Bắc, được hai năm, tôi bỏ đi xuất

khẩu lao động nước ngoài. Ba năm ở Đức, tôi phải làm mỗi một việc là giữ chân cầm bàn là điện trong dây chuyền là độc mỗi phần cổ áo trước khi chúng được ráp vào thân. Đơn điệu và nhàm chán đến mức thành tật, sau này mỗi khi thấy chiếc áo là mắt tôi nhìn xoáy ngay vào cổ, và khi cầm nó trên tay thì bàn tay tôi quen nếp sờ sờ phần cổ áo xem có phẳng phiu không. Đã có lần tự tôi bật cười khi nghĩ mình giống hệt cái tay công nhân chuyên bắt vít trong một bộ phim câm do Charles Chaplin đóng. Số phải dính vào lao lý, cái đận nước Đức hợp nhất, dân lao động ta đổ xô đi buôn, tôi cũng đi buôn, bị cảnh sát tóm ngay lần đầu. Thế là ra hầu toà, ngồi nhà giam ít ngày rồi bị trục xuất về nước. Phú quý giật lùi, lại qua đủ thứ việc, từ chân áp tải xe hàng đến chân bán lẻ ở một cửa hàng lương thực, cuối cùng dừng ở chân bảo vệ đêm ở cơ quan.

Để trở thành ông chủ hiệu tân dược, tôi gặp không ít khó khăn. Thoạt đầu, vợ tôi, một dược sĩ cao cấp đang làm trong một cơ quan nhà nước hùn vốn với người chị, họ thuê một cửa hàng nhỏ mở hiệu tân dược. Hiệu nằm kề với một cái chợ, chợ kiêu chợ xanh chợ cóc thường thấy. Những buổi đầu là làm quen mặt thuốc, phụ giúp họ bán hàng ngoài giờ hành chính. Tranh thủ học thêm một lớp sơ cấp dược. Và rồi, tôi trở thành người bán chính.

Thế nhưng, việc gì cũng có cái khó của nó. Hồi đầu, khi mới đứng chân phụ bán, thỉnh thoảng tôi lấy thuốc cho khách, thấy khách chỉ mua hàng toàn những xi lanh và nước cất thôi, thì tôi chỉ nghĩ họ bị bệnh gì đó phải tiêm thuốc tự điều trị nên mua vậy. Sau dần tôi cũng hiểu ra, khách mua hàng kiêu ấy phần đông là dân xì ma túy, nhất là khi quan sát kỹ dáng vẻ của khách. Nghĩ thế song tôi cũng không hỏi chủ cửa hàng vì hiểu mình là phận làm thuê, không nên tò mò những gì không nên biết. Đến lúc thay chủ cũ đứng chủ hiệu thuốc thì việc này trở nên rõ ràng. Tôi có thể vừa bán hàng, vừa ngầm quan sát, thậm chí hỏi han họ đôi ba câu. Thường là họ đến rất

nhanh, ít nói, vào cửa hiệu, móc túi thấy mấy đồng bạc lẻ lên mặt quày, lạnh tanh hỏi nhỏ mua vài ba ống nước cất và xi lanh, chờ lấy hàng xong, nhét vội vào túi áo và vội bỏ đi rất nhanh.

Khi bán hàng cho cánh này, quả thật lòng cứ phân vân không yên. Như thế liệu có phải là tiếp tay cho tệ nạn nghiện hút hay không? Mà không bán cho họ thì cũng không được. Nếu không, biết đâu có kẻ trong số họ gây sự, lấy kim chính chọc cho mình một cái thì có phải thêm hoạ lo nhiễm HIV? Hoặc giả, đêm hôm khuya khoắt, có kẻ thù oán đổ chai xăng vứt mồi lửa thì toi ngay cửa hiệu. Thật tiến thoái lưỡng nan. Một lần, khi ngồi uống rượu với anh bạn nói khó thừa học trò với nhau hiện là nhà báo, tôi mang chuyện này ra tâm sự. Anh bạn tôi gạt phắt, bảo rằng: "Ông cứ yên trí đi! Bán bơm kim tiêm cho dân xì ma túy là ông đang làm một việc hữu ích, đóng góp cho sự nghiệp ngăn chặn đại dịch HIV/AIDS đấy. Ông không biết à, thế giới người ta làm việc này từ tám hoành rồi...". Tôi vẫn băn khoăn: "Nhưng mà... như thế thì làm sao mà ngăn chặn được nạn nghiện hút?". Anh bạn tôi rờ lên: "Trời ơi! Vậy ông tưởng, ông không bán thì không có người bán bơm kim tiêm cho họ sao? Mà nếu họ không mua được, họ sẽ dùng chung bơm kim tiêm, và ông có biết khi ấy sao không? HIV sẽ lan truyền nhanh hơn gấp bội, ông rõ chưa...?". Thấy tôi có vẻ đồng tình, anh bạn ôn tồn giảng giải: "Ông ạ, việc ngăn chặn người nghiện hút, cai nghiện là một việc, còn với người đang xì ma túy, thì việc hướng họ tới hành vi sử dụng bơm kim tiêm riêng là việc nên làm... Thì cũng như cái việc sử dụng bao cao su với khách làng chơi ấy... Đấy cũng là những hành vi bắt buộc dĩ song an toàn...".

Khi mọi chuyện vỡ lẽ ra, tôi yên tâm bán hàng. Thái độ cũng tự nhiên vui vẻ, cởi mở hơn khi tiếp xúc với cánh xì ma túy. Tôi đã có thể hỏi han, trao đổi với họ đôi ba câu ngoài chuyện mua bán. Lâu ngày, gần như tôi thuộc mặt họ gần hết. Trong số đó, tôi chú ý đến vài ba người...

Người thứ nhất là Quý. Có lần vui miệng, tôi đã mời anh ta một chén trà nóng và anh ta cũng vui vẻ xưng tên cho tôi biết. Quý độ chừng hơn tôi vài ba tuổi, thường đi chiếc xe Vespa đã cũ song còn tốt và bao giờ cũng quần áo sơ vin gọn gàng, giày tất tinh tươm. Sau lần ấy, lâu lâu, Quý không cần tôi mời và tự động vào hẳn trong hiệu thuốc, xin nước trà và tán gẫu với tôi. Tôi e dè nhưng cũng không nỡ đuổi khách. Có bận, thấy trên mặt bàn nước của tôi lỏng chỏng mấy cuốn truyện đã sử, truyện chương Kim Dung, Quý cầm lên lật lật xem qua quýt rồi vanh vách nói chuyện ra chừng thông thạo. Tôi từ ngạc nhiên đến thích thú. Hoá ra cha này cũng chịu khó đọc sách ra phết. Nghĩ vậy, tôi thử kiểm tra vốn sách vở của Quý bằng cách nói đến những tác phẩm văn hoá, văn học cổ điển Tây Tàu khác, Quý đều có thể góp chuyện được. Cha này khá thật. Nhưng sao hiểu biết vậy mà y cũng xài ma tuý nhỉ, tôi cứ tự hỏi mình? Dần dà, tôi biết Quý từng tốt nghiệp trường Nhạc viện hẳn hoi, và hiện anh ta đang có chân trong dàn nhạc của một nhà hát có tiếng nào đó. Ngoài ra, Quý còn chơi sãc xô phon cho một vài bar, sàn nhảy nào đó để kiếm thêm. Phải rồi, nghiện hút như thế, ngày mấy bữa thì có mà tiêu tiền như hủi ăn thịt mỡ. Quý thật khác với hình dung của tôi về dân xì ke ma tuý bệ rạc, bởi anh ta luôn giữ được dáng vẻ phong lưu trí thức của mình. Lâu ngày, vô hình chung, Quý gần như trở thành người bạn tâm giao của tôi. Chỉ trừ khi quá vội, do công việc và cũng có thể sắp đến cỡ chích, Quý mới nhoèn miệng cười trừ phóng xe đi ngay, còn đâu bao giờ cũng dùng dằng tán gẫu với tôi hàng giờ. Những lần như thế, đã thành thói quen, vì tôi bận bán hàng nên Quý thường tự lãnh phần pha ấm trà mới, tráng đĩa chén cẩn thận rồi mới rót nước. Tôi được biết thêm, Quý có một gia đình tương đối đầy đủ, chí ít là về mặt hình thức, vợ làm kế toán của một công ty, hai con, gái đầu trai sau cùng trong độ tuổi đi học. Đã có lần, tôi thấy ngày nghỉ, Quý chở vợ con trên xe máy đi đâu đó phóng ngang qua hiệu thuốc của

tôi. Nhìn họ, tôi không khỏi thắc mắc, Quý nghiện hút như vậy, liệu gia đình họ có êm ấm, hoà thuận không, và rồi anh ta sẽ dạy bảo các con như thế nào, bởi dẫu sao anh ta cũng không thể làm tấm gương tốt cho các con noi theo? Quý đã từng vui chuyện kể cho tôi biết là anh ta đã từng cai nghiện tới năm lần rồi mà vẫn thất bại hoàn toàn thất bại. Tôi có hỏi Quý, khi bập vào ma túy hẳn phải có nguyên do của nó, cứ cho là bất khả kháng đi chăng nữa, nhưng còn cai nghiện, mà nhất là cai đến lần thứ năm thì phải có mục đích và quyết tâm cao độ, vậy sao vẫn không cai nổi. Quý trầm ngâm hồi lâu mới trả lời, diễn giải lòng vòng, song tôi có thể lọc ra từ mớ lý luận của Quý những ý tứ. Nghĩa là, với người khác thì thế nào không rõ, chứ với anh ta cai nghiện không được, nguyên do từ sức chịu đựng kém, cái mà người đời vẫn gán cho mỹ từ là nghị lực, chỉ thứ yếu thôi, điều quan trọng hơn cả thuộc về quan niệm sống. Quý bảo, anh ta mang trong mình trái tim và dòng máu nghệ sĩ, rất nhạy cảm và cũng dễ đổ vỡ, cho nên, trong cuộc đời lao động và tận hưởng mọi lạc thú, niềm vui phải cân bằng nhau. Tội gì mà lao lực để rồi nhịn ăn nhịn chơi cơ chứ. Với lại sau khi dùng ma túy, chơi kèn sẽ phê hơn do tâm thần bay bổng, quên hết sự đời và tự li ti huyết quản chỉ còn có âm thanh giai điệu mà thôi. Như thế mới là hết mình cho nghệ thuật. Tôi lấy làm buồn cười về lý sự của Quý. Tôi nghĩ, có lẽ lúc đầu bập vào ma túy anh ta không qua niệm chi hết, sau rồi mới bao biện, là để lý giải cho cái sự lân khân không muốn từ bỏ ma túy mà thôi. Tôi thử tìm cách bác bỏ quan niệm của Quý, anh ta không phản đối, đột ngột hỏi tôi xem ngày ăn mấy bữa. Tôi trả lời thật thà mà vẫn thâm cảnh giác. Quý lại hỏi tôi, ngày hút bao nhiêu thuốc lá, uống cà phê mấy lần, có hay xem phim kịch bản gì không, thậm chí tuần mấy lần ngủ với vợ, có bò bịch hay karaoke giật giải bàn tay vàng không? Tôi cười trừ, trả lời mập mờ vì biết anh ta sẽ bẫy mình chi đây. Quả nhiên Quý bảo: "Thì cứ cho rằng anh đầy đủ tất cả những thứ đó, song anh

vấn kém tôi, bởi anh không xài ma túy. Nếu xài rồi anh sẽ thấy tất cả những cái anh đang có hàng ngày kia chẳng ra quái gì cả, rằng từ trước đến giờ anh chưa từng sống, nói đúng ra là anh đã sống uổng phí, kiểu sống chất lượng thấp...". Vừa nói, Quý vừa cầm chiếc bật lửa rip po đặt xuống mặt bàn nước: "Đây này, anh đang sống ở dưới mặt bàn, còn tôi đang sống ở cấp độ cao hơn, trên mặt chiếc bật lửa đây!". Đến đây thì tôi cười to, ngửa đầu ra sau ghé mà cười, đến chảy nước mắt. Quý cũng cười, vớt vát: "Anh cứ cười đi. Cười cho cái sự uổng phí đến góc nghếch của anh...". Tôi đột ngột hỏi: "Vậy tại sao lại cai, mà cai đến những năm lần?". Không cần nghĩ ngợi, Quý bật luôn: "Là tôi nghĩ đến vợ con. Sung sướng một mình là ích kỷ... là có lỗi. Tiền bạc còn để nuôi các con ăn học... Nếu chỉ có một thân một mình thì...". Tôi bảo: "Anh nghĩ là mình mắc lỗi với vợ con... thì tôi tin đến một ngày nào đó anh sẽ thay đổi...". Quý lảng sang chuyện khác, mà tôi cũng không truy vấn nữa.

Người thứ hai tên Sáng. Đó là một thanh niên mới lớn. Tôi chú ý đến cậu ta trước hết bởi dáng vẻ sinh viên với gương mặt sáng sủa, thông minh. Lần đầu cậu ta đến hiệu thuốc của tôi, đi có một mình. Cậu ta đứng tựa người vào tủ kính, không nhìn vào mặt tôi mà mắt lướt đâu đó trên tủ giá đựng thuốc hai bên. Tôi hỏi mua gì thì cậu ta ngần ngừ không nói, lúng búng mãi mới chìa tiền ra hỏi mua mấy cái xi lanh kèm theo nước cất. Chắc là nhận biết được vẻ ngạc nhiên xen chút thất vọng nơi tôi, cậu ta vơ vội hàng và tiền lẻ thối lại nhét nhanh vào túi áo khoác rồi quay người cắm đầu bước như chạy. Tôi nhìn theo và thậm xót xa thay, con cái nhà ai, cha mẹ dạy dỗ thế nào, trẻ trung và dáng vẻ thông minh như vậy, lại sớm dính vào ma túy thế. Rõ ràng, cậu ta không hề có vẻ gì của đám công tử dõm con nhà giàu đua đòi chơi bời phá tiền của cha mẹ cả. Những lần sau, Sáng dần bình thản, lạnh lùng hơn, cả khi đi một mình hay cùng hội nghiện hút choai choai. Có

lần, cậu ta cười xe @ đèo bạn, xia tiền ra một đồng hàng chắc để dùng dần hoặc chơi cả hội chi đó. Khi ấy, Sáng ra về ta đây dân chơi sành điệu, trông thật kệch cỡm, đáng ghét. Quả thật, tự thâm tâm, tôi cũng có chút cảm tình, đúng ra là cảm cảnh với nó. Thật thất thường, tuần trước thì vậy, tuần sau nó đã lại thành kẻ bệ rạc ngay. Sáng đến, bảo mua mỗi loại một, rồi nó nhắn nhó: "Hôm nay cháu chẳng còn một xu dính túi. Cho cháu chịu tiền, lần sau cháu trả cả thể...". Tôi bực mình lắm, không phải vì sợ mất mấy nghìn bạc mà vì nghĩ đến thái độ kên kên hôm nào của nó. Tôi đành nặn ra câu trêu: "Dạo này bết thế à? Mới đây còn cười xe xịn cơ mà?". Sáng bảo: "Có đâu chú... Xe của thằng bạn cháu đấy. Bố nó là cục trưởng cục... gì đó. Nhà nó giàu lắm. Nhưng mà giờ biết nó mắc nghiện, papa, mama nó quản chặt, không cho nhiều tiền nữa...". Sau trận ấy, tới hàng tháng không thấy Sáng lai vãng. Bỗng một hôm trời mưa trở rét, tôi ngồi hêu từ sáng mãi gần trưa chẳng có khách, gặm chiếc bánh mì patê nướng không trôi, định đóng cửa hiệu ngủ trưa vì cả đêm trước thức xem bóng đá C1 thì Sáng xộc đến, tự mở cửa ngăn quày vào hẳn bên trong. Mưa đang nặng hạt nên tôi không nở cản. Chiếc áo khoác ngoài trên người nó ướt lướt thướt, nhều giọt xuống nền nhà. Sáng móc túi, lôi ra một chiếc điều khiển tự động ti vi, chẳng biết của nhà hay mới chia được, bảo là gửi đây làm tin khi nào có tiền thì chuộc lại và còn đòi mua thêm dụng cụ chích. Tôi bực lắm nhưng không dám to tiếng vì sợ rầy rà. Nói ngồi rụi ngay xuống một xó tủ hàng khuất lấp, lấy bẫy pha thuốc. Tôi sợ tái mặt, vội xua đuổi. Sáng mặc kệ, không đếm xỉa, chỉ tập trung vào việc làm sao chích của mình. Hình như nó bắt đầu lên cơn nghiện. Khi nhìn thấy mũi kim chọc vào mạch, tôi ngoảnh mặt đi không dám nhìn. Đây là lần đầu tiên tôi chứng kiến tận mắt kẻ chích ma túy, ngoài phim ảnh. Thật khó tả sự chộn rộn trong lòng tôi. Có lẽ, nỗi sợ là lớn nhất. Tôi sợ nhờ ai đó bước vào, hoặc giả chủ nhà cho thuê nhà biết, họ sẽ nghĩ là tôi chứa

chấp kẻ xài ma túy, thậm chí còn nghi là tôi bán ma túy nữa không chừng. Tôi nhón nhác hết nhìn vào trong lại ra ngoài cửa và thềm cầu mong không có ai. Mưa vẫn sầm sập, mờ mịt trời đất. Đầu óc tôi ong ong như người sốt. Rồi tôi giật mình hốt hoảng vì thấy Sáng rời kim chính khỏi tay, lịm người đi từ bao giờ. Chẳng biết nó có sao không? Ngộ nhỡ chích ma túy quá liều mà tử vong thì tội vạ chút hết lên đầu tôi mất. Tôi luống cuống song không dám chạm vào người nó mà chỉ gọi, khẽ thôi vì lo ai đó nghe thấy. May sao, Sáng từ từ mở mắt, nhìn tôi. Cái nhìn xa lạ, trống rỗng. Tôi thở phào: "Nhãi, không sao chứ? Thật hú vía cho tao... Thôi ông ranh, nhanh chóng đi đi cho tôi nhờ...". Sáng ngòai hẳn dậy: "Đã quá... chú ạ". Tôi làu bàu: "Sương mù nhưng mà khổ cái thân tao. Này nghe đây, không có lần sau đâu nhớ!...". Sáng tỉnh như sáo, hoạt miệng: "Cháu xin lỗi chú... Đạo này đói thuốc. Nãy vì trời mưa, mới lại cháu cũng chẳng đủ sức đi đâu cả, thôi đành vậy... Phiền chú quá!". Thấy tôi đã bình tĩnh trở lại, Sáng dè dỏ: "Cháu đói quá... Chú có gì măm được không?". Từ bực giận, thấy nó xin ăn tôi lại cảm cảnh, giọng chân tình: "Còn nửa cái bánh mỳ đây, tao vừa ăn dở, nếu mày không chê...". Nó đón nửa chiếc bánh mỳ, ăn ngấu nghiến, ngon lành. Tôi thấy lúc này có thể gọi chuyện được, bèn hỏi: "Này... thế mày không học hành gì à? Mày chắc còn đang trong độ tuổi đi học?...". Sáng bảo: "Cháu đang học đại học năm thứ ba thì bị đuổi". Tôi bảo: "Hẳn vì tội dùng ma túy? Trường nào dám chứa tụi bay?". Nó không giận trêu lại tôi: "Chú nói hết tay hiệu trưởng trường cháu... nhưng mà thân thiện hơn". Tôi lại bảo: "Mày tên Sáng, chẳng hiểu tên thật hay giả, nhưng mà nếu đúng như thế thì sao mày u tôi vậy?...". Sáng vẫn bông lơn: "Chú đừng rửa cháu như thế... Chú mà dính vào, có khi còn máu hơn cả cháu". Tôi căng giọng: "Điều quan trọng là đừng bao giờ để dính vào, mày hiểu chứ?". Nó nhìn tôi chăm chăm: "Chú nói như sách... Vâng, cháu cũng đã từng nghĩ như chú... Nhưng, đời mà chú, đâu

phải lúc nào cũng cuộc đời vẫn đẹp sao... Có ai nắm tay được từ sáng đến tối đâu?...". A, thằng cu này hùng biện, còn biết nói chữ kia đấy, gớm thật, tôi thâm nhủ.

Và rồi, Sáng kể cho tôi nghe chuyện nhà nó và cả việc nó dính vào ma túy như thế nào. Sáng con nhà lương thiện, bố mất sớm, mẹ là công nhân về hưu non. Sáng học giỏi, đỗ những hai trường đại học. Đến năm thứ hai thì đàn đúm với hội con nhà giàu. Hội này lười học, lăm tiền, chơi bời rượu mạnh, sà nhẩy, đua xe. Phần đông chúng đều hút chích, đơn giản vì chúng coi việc xài ma túy như việc dán nhãn mác con nhà phú quý vào người, như để phân biệt với dân thường. Lúc đầu, chúng cho Sáng ăn ngon, cho mặc đồ hàng hiệu và chỉ lo mỗi việc làm bài tập của trường cho chúng chép lại đối phó. Sau một lần bị chích ma túy cưỡng bức vì muốn Sáng không thể tách rời chúng, Sáng lao vào việc hút chích còn bõm hơn cả tụi chúng. Có bạn, vì sĩ diện không muốn bị bọn chúng xem thường con nhà nghèo, Sáng đã bán chiếc xe đạp mẹ dành dụm từ tiền bán bánh rán, chuối rán mua cho để khao ma túy cả hội. Bị bắt quả tang chích ma túy tập thể, cả hội bị kỷ luật, song tụi chúng lo chạy chọt được, riêng Sáng bị đuổi học. Từ con nhà lành học giỏi, Sáng nhanh chóng thành kẻ cù bơ cù bất. Bà mẹ biết chuyện song chẳng thể làm gì, cứ còng lưng làm thêm nuôi báo cô đưa con hư hỏng... Chẳng biết Sáng kể chuyện nhà, thật giả thế nào thì tôi không rõ, song cứ lấy làm tiếc cho một thân phận... Nghe chuyện, tôi hỏi Sáng: "Thế mà mày không thương mẹ mày à?". Nó nhìn tôi như người biết lỗi: "Có chứ!... Cháu thương mẹ cháu lắm... Đạo này mẹ cháu gày yếu quá... Bữa cơm ở nhà, vẫn chỉ toàn ăn thịt mỡ, phần cháu thịt nạc...". Tôi bực: "Vậy mà mày nuốt trôi sao?". Nó bảo, giọng rên rần: "Nhưng mà cháu không ăn thì mẹ cháu bỏ cơm luôn, nên cháu đành...". Tôi than thở: "Con thì bất hiếu... mà mẹ mày cũng không biết dạy con... chỉ hy sinh một cách vô lối... Thôi sáng đầu óc ra thì

liệu đường mà cai nghiện đi còn kịp...".

Nghe chùng, sau đấy Sáng có chuyển biến. Một lần, Quý đang huyền thuyên nói chuyện với tôi về một bộ chương mới đọc thì Sáng đến. Tôi lạnh tanh: "Mỗi thứ mấy đây?". Sáng bảo: "Cháu chỉ mua thuốc bỏ cho mẹ cháu thôi". Tôi ngạc nhiên và cảm động. Tôi hỏi tỉ mỉ tình trạng sức khoẻ mẹ Sáng và hướng dẫn nó mua các loại thuốc bỏ dưỡng, tiền thuốc cũng lấy vốn mà thôi. Sáng đi rồi, tôi đem chuyện nó kể cho Quý nghe. Quý bảo: "Nó khác, tôi khác... Nó trẻ ranh, đua đòi, còn tôi thuộc về quan niệm...". Thấy tôi không phản ứng, Quý cao hứng: "Đấy cứ như thằng cha Lệnh Hồ Xung trong Tiểu ngạo giang hồ, nghiện rượu, mê gái đẹp, đời tiêu sái biết bao nhiêu... Tóm lại trong đời con người ta cứ phải nghiện một cái gì đấy... Tôi xài ma tuý thì thôi rượu, chừa gái... còn như anh không nghiện gì cả... biết đâu lại chơi gái thành thần... Đời người sống có một lần, tội gì phải khuôn phép, quy quy củ củ... Hay ho cái khí gì... Cứ vô chiêu mà thắng hữu chiêu như cha Lệnh Hồ Xung, gặp đâu ứng phó đó... Ha ha...!...". Tôi cáu tiết, cho rằng kẻ nghiện ngập thì chẳng có quan niệm nào bệnh vực được, chẳng qua ích kỷ hại nhân mà thôi. Bình tĩnh lại, tôi kể chuyện cha tôi cai nghiện như thế nào để bác bỏ lại Quý.

Cha tôi vốn là một kiến trúc sư thời Tây. Ông kiếm tiền như rác, ngoài việc mua mấy chục mẫu ruộng ở quê cho bà nội tôi trông coi thì ông vẫn thừa tiền để cô đầu nhà hát, hút thuốc phiện rồi ngả đầu lên đùi mấy ả đào tơ ở Khâm Thiên để mơ màng nghe "hồng hồng tuyết tuyết... mới ngày nào chưa biết cái chi chi, mười lăm năm thâm thoát có ra gì...". Đến khi cách mạng tháng Tám nổ ra, ông cũng hăng hái cùng các trí thức bạn bè tham gia, nhưng khi toàn quốc kháng chiến thì vì nghiện ngập nên ông không dứt bỏ nổi để theo kháng chiến, đành ở lại thành làm nghề cũ. Sau hoà bình lập lại, Nhà nước trưng dụng trí thức cũ, ông đi làm. Lúc ấy, ông biết chế độ mới

không thể dung tha người nghiện thuốc phiện nên quyết chí đi cai. Ông đã đánh vật với chính mình, ròng rã ba tuần liền, mỗi đêm bách bộ đến cả chục cây số để chống lại cơn thèm thuốc đến khi kiệt sức. Sau này, khi mang gia đình hồi hương làm ruộng, thỉnh thoảng ông lại mang chuyện cai nghiện của mình ra kể cho con cái nghe, nhằm giáo dục, động viên mấy chị em chúng tôi vượt khó. Câu chuyện ấy đã ăn sâu vào tâm trí tôi, động viên mấy chị em chúng tôi vượt khó. Câu chuyện ấy đã ăn sâu vào tâm trí tôi, giúp tôi nỗ lực hơn trong những lúc đường đời khúc khuỷu.

Quý nghe rồi bảo: "Quả là ông cụ nhà anh đáng nể trọng... Nhưng mà vì cụ quyết chí cai... Tôi cũng đã nhiều lần cai, song cũng chỉ là để thử xem sức chịu đựng của con người ta đến mức nào?... Tôi chưa sa vào hoàn cảnh cụ cụ... Nói vô phép, có lẽ khi ấy, tôi cũng sẽ làm được như vậy chẳng?. Quý nhìn tôi cười: "Gì thì gì cũng chưa phải là lúc này!...". Tôi biết Quý cùn nên không tranh luận nữa. Nhưng có một chuyện, tôi giấu anh ta không kể hết. Chuyện này thì tôi cũng mới biết gần đây, do chính người anh rể tôi ở quê kể lại nhân ngày giỗ cha tôi. Rằng, cha tôi cũng đã dùng thử lại thuốc phiện sau mấy chục năm cai. Trước khi mất vài năm, khi đã ở độ tuổi gần thất thập, sức khoẻ cha tôi giảm sút nhiều. Ông chú họ tôi hay buôn bán ở mạn ngược, có đem về ít thuốc phiện sống dành khi đau bụng gió máy thì uống chữa bệnh, đưa cha tôi một chút bảo ông dùng thử biết đau khỏe lại và còn mách cho chỗ còn bàn đèn để hút. Không hiểu ông đã nghĩ gì mà nghe theo. Để hút được, ông đã ngầm nhờ người anh rể tôi, nguyên là bộ đội chống Mỹ phục viên về khi ấy đang là bí thư đảng uỷ xã đưa đi. Tuy sợ lộ chuyện, song vì chiều bố vợ nên anh đành bấm bụng đèo xe đạp đưa cha tôi đi hút thử. Sau hai lần như thế, không thấy sức khoẻ khá hơn, sợ nghiện lại nên ông kiên quyết dứt hẳn cho đến khi ốm nặng qua đời. Anh rể tôi đã hỏi tôi rằng, nếu ở vào hoàn cảnh ấy, tôi sẽ làm thế nào. Quả là tôi không biết mình sẽ xử

trí ra sao, song có một điều toio biết rõ, cha tôi giấu biệt là có ý tránh để lại một tấm gương xấu cho con cái. Tấm lòng ấy của cha, tôi hiểu và thâm biết ơn ông.

Tôi đã giấu Quý không phải tôi sợ đuối lý trong cuộc tranh luận chưa có hồi kết, mà tự thâm tâm tôi tôn trọng tâm nguyện của cha mình. Con người ta, tôi cũng vậy thôi, đầy rẫy những sai phạm, quan trọng là ở cái tâm phục thiện. Sau lần tranh luận nhằm ra ngô ra khoai không phân thắng bại đó, Quý vẫn qua lại mua hàng, song chỉ chào hỏi qua loa thôi. Còn Sáng thì biệt tăm tích. Một chiều, tôi vừa đi nhập thuốc về, đang bận rộn xếp hàng vào quầy thì Quý đến. Thấy tôi tất bật, Quý bảo không vội, đợi tôi xong việc. Xếp thuốc xong, tôi pha ấm trà xả hơi và mời Quý cùng uống. Quý cầm chén trà nóng, mân mê trên tay không thấy uống, vẻ mặt khang khác, cũng chẳng mau miệng như mọi khi. Tôi gọi: "Đói thuốc hay cãi nhau với vợ đấy?". Quý bảo: "Không đâu... Anh nhớ thằng cu tên Sáng chứ?...". Tôi chợt nhớ ra sự vắng mặt của nó lâu nay: "Sao? Nó làm sao? Hút chích hay trộm cắp bị bắt à?". Quý vẫn rầu rầu: "Nó vừa suýt chết. Đúng ra là chết đi sống lại". Và Quý cho tôi biết, nghe đâu dân nghiện ở khu này kháo nhau, là Sáng đã dùng ma túy quá liều, xiu ở gầm cầu thang một chung cư. May có người phát hiện đưa đi cấp cứu. Quý trầm ngâm: "Chẳng hiểu nó đói thuốc lâu ngày hay bị nhiễm HIV rồi, nên nói bi quan muốn chết cho rảnh?...". Tôi bảo: "Thì vẫn thấy nó mua bơm kim tiêm sạch mà?". Quý trề môi: "Anh thì chỉ biết nửa vời... Làm sao hiểu được dân nghiện bọn tôi, khi cơn lên thì có kẻ gì, dao kẻ cở, súng kẻ tai cũng mặc, miễn sao đưa thuốc vào máu càng nhanh càng tốt...". Tôi thờ người thờ dài: "Thương nó thì ít, mà thương mẹ nó thì nhiều". Quý bảo: "Anh thật cái lương mùi mẫm. Dầu sao anh cũng hiểu chúng tôi đôi chút... Người ngoài bình thường thì không chịu, nhìn chúng tôi như tội phạm đáng chém đầu, chỉ đòi hỏi ở chúng tôi thôi. Lúc nào cũng

mang luân lý, đạo đức ra dạy bảo... Chúng tôi cũng có những nỗi khổ tâm...". Tôi chăm chú nhìn Quý, chẳng thấy vẻ tiêu sái mà anh ta vẫn nguy trang thường ngày đâu nữa. Tôi lựa lời: "Thế nào?... Anh thử cai lần nữa chứ?...". Quý âm ừ hồi lâu mới lộ cộc: "Để xem". Nói rồi Quý chào tôi, lên xe phóng vụt đi.

Tôi định bụng lúc nào rảnh đến thăm Sáng. Song tôi chợt nhận ra, mình vẫn chưa biết nhà nó ở đâu, và hiện đang nằm cấp cứu ở bệnh viện nào!... Tôi nhìn quanh quất túm thuốc bên mình và đâu cũng thấy những gương mặt Quý, Sáng và bao nhiêu con nghiện khác lúc nguyên vẹn lúc méo mó./.

nguyễn chu nhạc

Đất dịu dàng

Làng Giải Oan nằm uốn mình theo thế cong của một con sông nhỏ. Đã như thế từ nghìn đời nay. Chỉ có điều là số người cứ ngày một đông thêm dù trải qua bao biến cố của lịch sử. Giờ đây, chiều dài của làng dễ hơn hai cây số. Từ xa nhìn về làng thấy dáng của một con rắn khổng lồ. Chẳng hiểu thế đất có ảnh hưởng đến tính cách con người hay không, song từ xưa đến nay, dân quanh vùng đều đồn nhau rằng người làng Giải Oan khôn ngoan, tinh ranh, nanh nọc như loài rắn.

ở khoảng giữa làng, kề với bờ sông có một khoảng đất vuông vức rất đẹp. Trên mảnh đất ấy xưa chỉ có hai gia đình sinh sống, đó là nhà ông Đồ Sinh và ông Bát. Tuy xấp xỉ tuổi nhau nhưng xét về họ hàng xa thì ông Đồ Sinh là

vai chú. Ông Đồ Sinh đã vài lần lều chõng đi thi nhưng không đỗ, buồn đời mở lớp dạy học và nuôi dạy hai con, một trai, một gái. Còn ông Bát nhà có vài ba sào ruộng, quanh năm cấy cày, lúc nhàn rỗi thì hai vợ chồng đi làm thuê cho nhà khác trong làng. Thường là bà Đồ mượn hai vợ chồng ông Bát làm ruộng cho nhà mình. Tuy quan hệ chủ tớ nhưng được cái ông Bát nhanh nhẹn, khéo mồm và ông bà Đồ Sinh cũng dễ dãi nên chuyện công xá xuê xoa.

Vợ chồng ông Bát có hai người con trai, người anh cả là Tông khá xảo quyệt, ngược lại cậu em tên Tường lại ù lỳ, cục mịch, thêm tật nói ngọng. Vì nhà có hai con trai nên ông Bát luôn để tâm đến việc mở rộng thổ cư để sau này xẻ đôi cơ ngơi cho mỗi con một nửa. Những mùa sông cạn nước, ba cha con ông Bát hì hục lầy đất ở lòng sông cạp bờ lấn ra sông, đến nỗi sau mấy năm liền như vậy khúc sông ấy hẹp lại thắt eo bụng rắn. Chưa hết, thấy ông bà Đồ Sinh dễ dãi, ông Bát còn thủ tâm lấn sang đất nhà ông bà Đồ. Một đêm mưa rét, ông Bát trở dậy, lay Tông và thì thầm điều gì đấy vào tai nó. Hai cha con mở cửa ra ngoài, mang theo chiếc thuổng đào đất. Khi cả hai đứng bên cạnh chiếc mốc đá đánh dấu ranh giới giữa hai nhà mới tần ngần không biết nên làm thế nào. Tông thì thào: "Đào phéng nó lên, quãng xuống sông cho mát tích rồi sau lấn hàng rào dần". Còn ông Bát lại bảo: "Mày ngu thế. Mất mốc thì ông bà Đồ biết ngay. Tốt nhất là dịch chuyển mốc". Cứ thế, hai cha con dùng dằng mãi mỗi người một ý, không ai chịu ai. Thế rồi vắng lại từ phía xa trên đường làng có tiếng chân người bước, hai cha con ông Bát vội bỏ về nhà, quên mang theo chiếc thuổng.

Mờ sáng hôm sau, ông Bát dậy rất sớm, mò ra chỗ hòn mốc. Lạ thay, hòn mốc đá đã biến mất, chiếc thuổng của nhà ông vẫn cắm phập ở đấy. Hòn mốc không còn mà chỗ đất chân mốc lại không có dấu vết gì của sự đào bới. Sờ tay xuống chỗ đất đó ông Bát cảm thấy bình thường cứ như là chưa bao

giờ có hòn mốc ở đó. Trở vội vào nhà, ông Bát gọi Tông dậy, lôi ra chỗ mốc chỉ cho xem. Tông cũng ngạc nhiên không kém gì cha. Chợt Tông ú ớ kêu lên. Nhìn theo tay chỉ của con, ông Bát thấy rõ ràng là hàng rào ranh giới như có sự chuyển dịch tự nhiên về phần đất của nhà ông Đồ Sinh. Hai cha con bàng hoàng cứ ngỡ như nằm mơ. Nhưng không, cả hai đều tỉnh, và rõ ràng đất nhà mình rộng hẳn, còn đất nhà ông Đồ Sinh hẹp lại. Hai cha con nửa mừng nửa lo kéo nhau về.

Mãi mấy ngày sau, bà Đồ Sinh mới phát hiện ra hòn mốc bị mất nhân một lần dọn hàng rào. Ai động vào đây, nếu không phải cha con nhà lão Bát? Không phải một mà nhiều lần, bà Đồ Sinh bắt gặp lão Bát lén ngấm cơ ngơi, vườn tược nhà bà một cách thèm thuồng. Nhưng chẳng lẽ lại hỏi thẳng lão ta à. Nghĩ hồi lâu, bà Đồ Sinh bèn bước vào sân nhà lão Bát vui vẻ hỏi:

- Này ông Bát, ông hỏi xem có phải thẳng cu con nhà ông nó chơi nghịch đào mất hòn đá mốc hàng rào không? Nếu cháu nó chót nghịch vứt đâu thì bảo mang về mà chôn lại, kéo để lâu hàng xóm láng giềng mất lòng nhau.
- Không đâu cụ ạ. Thằng cu Tường nhà cháu ù lì, vừa điếc vừa ngọng biết gì đâu mà chơi đùa như thế - Ông Bát vội phân bua.

Thấy vậy Tông hòa theo cha:

- Thừa cụ là đúng đấy ạ. Em cháu nó biết gì. Chắc là đứa nào đấy thôi... Hay là hai cụ bên ấy lại nghi cho nhà cháu lấn đất? Nếu vậy thì nhà cháu xin thề...

- Thằng cháu nó nói vậy, nhà cháu sinh bán khoán. Chẳng lẽ hai cụ lại nghi là...

- Thôi thôi - Bà Đồ Sinh ngăn lại - Tôi có nói gì đâu, nghi gì đâu. Không phải thề bồi gì cả.

Thì ra ông Đồ Sinh đã đứng ở bên kia hàng rào nghe hết chuyện và đến lúc ấy ông thủng thủng vọng sang:

- Đừng thề gì. Trời đất linh thiêng lắm. Lòng dạ ai thế nào trời đất biết cả. Thôi chuyện xem như chẳng có gì... Mà bà ạ - ông Đồ Sinh nói với vợ - Cần gì mốc. Người xưa nay dạy là "đất có thổ công, sông có hà bá" mà...

- Thừa hai cụ là nhà cháu mà có lòng tham định lấn đất của bên ấy thì trời chu đất diệt - Tông thề thống thiết.

Còn ông Bát thì cứ loanh quanh, miệng mấp máy mà không thành lời.

*

* *

Thời gian trôi qua, ông bà Đồ Sinh khuất bóng. Người con trai duy nhất là Kinh ra thành phố làm công chức, thỉnh thoảng về quê thấp hương, còn người con gái lấy chồng nhà giàu làng bên thảng đôi lần đảo qua quét tước, thăm nom vườn tược. Ông Bát cũng qua đời sau khi cưới được vợ cho Tông. Đất nhà chia làm đôi, vợ chồng Tông ở phía trong, bà Bát và cu Tường ở nhà cũ.

Vợ Tông không kém gì chồng về khoản mồm mép. Mụ thành danh đồ mỏ. Đến miệng lưỡi liến láu như Tông còn nhiều khi phải chịu. Họ có ba con, một trai đầu lòng và hai gái. Cu Tường lớn lộc ngọc nhưng vì điếc, ngọng nên gái làng chê. Mãi đến gần thời cải cách ruộng đất, một bà ở làng hay đi chợ búa đây đó dẫn về một cô gái lạ lưu lạc, gán cho. Thế là Tường có vợ. Vợ Tường xinh ra trò, kiêu cách lại có vẻ hoa nguyệt. Tường mừng còn hơn bắt được cửa, và đi đâu cũng lấp bắp khoe mình có vợ đẹp. Nhưng rồi mãi mà vợ Tường chẳng chữa đẻ gì. Trong khi đó, mụ thành danh đồ mỏ nhà Tông đẻ sòn sòn, vì thế mụ bắt đầu chê bai vợ Tường không biết đẻ. Đi đến đâu mụ cũng rêu rao rằng: "Ngũ ấy đẻ gì. Rồi có mà tiết giống. Sau này đến phải nhờ thằng cu nhà này cúng hộ thôi". Rồi mụ bày tỏ sự thèm muốn chiếm nốt phần đất cha mẹ chồng dành cho Tường. Nhưng rồi mụ lại không sống được để thực hiện ý đồ. Trong một lần bắt cua mò ốc, gặp trời mưa, mụ

chui vào chiếc quán giữa đồng cùng với mấy người khác để trú mưa. Sét đánh xuống cây gạo trước cửa quán. Mụ ngồi ngoài cùng nên toác đầu chết ngay lập tức. Những người khác ở phía trong nên chỉ chết ngất đi, rồi sau tỉnh lại. Tông góa bụa, sống cảnh gà trống nuôi con. Người làng đồn Tông có tướng sát vợ nên tránh xa y. Mấy lần Tông nhờ mẹ đi hỏi đám này đám khác quá lứa nhưng hết thấy đều chối từ.

Vợ Tông chết thì vợ Tường lấy làm sung sướng, bởi không còn lo lắng gì nữa. Vốn mềm mỏng, khéo léo, vợ Tường chăm chút cho ba đứa trẻ mồ côi lúc tắt lửa tối đèn. Nhưng rồi anh em Tông, Tường bắt đầu học hoặc với nhau. Tường cục mịch hay ghen. Vợ lại mỏng mày hay hạt, tính tình xởi lởi. Vì thế, cứ mỗi bận vợ tắm tấp hoặc cho quà mấy đứa con của Tông là Tường lại nổi máu làm bầm chửi vợ. Và hễ vợ cãi lại là Tường thượng cẳng chân hạ cẳng tay làm vợ thâm tím mặt mày. Thực ra Tường không ghét bỏ gì đứa cháu mà chẳng qua Tường không tin Tông, Tường đã nhiều lần nói với mọi người rằng mặt Tông trông gian lắm. Có một lần đứa bé út nhà Tông bị ốm, Tông loanh quanh chẳng biết làm gì, vợ Tường thương cháu lấy cỏ nhọ nổi đánh gió cho cháu. Nó dịu sốt nhưng hễ vợ Tường đặt nó xuống giường để ra về thì nó lại khóc thét lên. Mãi đến khuya vợ Tường mới lừa được nó về nhà mình. Tường nổi điên cho là vợ bị Tông dụ dỗ để tăng tị. Tường đánh vợ thất điên bát đảo, rồi lấy dao chặt phăng ngón tay út của mình và thề độc rằng: "Lần sau mà như thế này nữa thì tao chém cả mày lẫn thằng Tông". Vợ Tường nhìn ngón tay út của chồng văng ra thì rú lên chui vào gầm giường để trốn. Bà mẹ cuống cuống xé vạt váy của mình để băng tay cho Tường. Tông ở nhà mình nghe thấy hết và biết là Tường nghi ngờ và đánh oan vợ song hẳn cũng sợ sự hung bạo điên cuồng của Tường mà chẳng dám sang can. Thực ra, Tông cũng thích vợ Tường thật. Hẳn thích từ lúc vợ hẳn còn sống kia, nhưng vì sợ con vợ thành danh đỗ mỏ nên đành chịu. Từ

khi vợ chết, lại thấy vợ Tường hay đi lại chăm sóc mấy đứa con hấn thì hấn nuôi chí chiếm đoạt vợ Tường. Hấn biết vợ Tường hay tắm vào ban đêm lúc hạ oi nồng. Bể nước mưa nhà Tường lại ở ngay kề hàng rào khúc gần giáp với nhà hấn. Và thế là cứ đêm về, hấn nằm ru mấy đứa con ngủ và đôi tai chuột của hấn cứ dỏng lên. Hễ nghe thấy tiếng nước róc rách là hấn vùng dậy, rón rén đến sát tường rào, vạch lá khúc tần nhìn sang. Đêm sáng trăng hấn nhìn thấy da thịt vợ Tường nõn nà, hai bầu vú thây lầy thì hấn thèm lấm. Đã có lần hấn định vạch rào chui sang nhưng lại sợ vợ Tường kêu lên, đành nuốt nước miếng chịu thèm. Lúc trở về giường ngủ, nhìn vào đâu hấn cũng chỉ thấy bóng hình vợ Tường nõn nà, kêu gọi. Hấn lèm bèm chửi thề: "Mẹ cha thằng Tường. Người nó như cục cứt mà sao lại vợ được con vợ ngon lành đến thế!".

Thèm muốn là thế nhưng sau lần này thì hấn tổn. Hấn kinh sợ thằng em ngu đàn, điên khùng của mình. Song thâm tâm, hấn vẫn thèm muốn và nuôi ý định chiếm đoạt em dâu.

*

* *

Bao biến cố lịch sử dồn dập: hòa bình lập lại, giảm tô, cải cách, rồi lại chiến tranh... Những đứa con của Tông khôn lớn dần. Vợ chồng Tường vẫn chưa có con. Người làng đồn, lúc chưa lấy Tường, vợ Tường là gái hoa nguyệt nên mắc bệnh gì đó rồi mất khả năng sinh con. Ông Kinh, con trai cụ Đồ Sinh, đang làm công chức ở Hà Nội, bỗng nhiên mang vợ con về quê sinh sống. Ông Kinh nói rằng về quê lánh đạn bom, những người làng thóc mách lại nói rằng ngày trước ông Kinh dính gì đó với Tây nên bây giờ không được làm với nhà nước nữa. Bà con, họ hàng làng xóm người giúp cây tre, người giúp bó rạ, dựng căn nhà tường vách đất cho gia đình ông Kinh ở. Thật chẳng khác một vòng quay của sự chuyển dịch, ba gia đình lại sống bên

nhau, nghèo khó, lầm lụi. Tuy vậy, ở với nhau một thời gian cũng sinh chuyện. Ông Kinh là người có học, nhường nhịn mọi người nên mọi chuyện cũng xuê xoa đi. Trong thâm tâm, ông Kinh ghét Tông bởi anh ta chỉ thon thớt cái mồm nhưng tâm địa đen tối, ngược lại ông quý Tường vì anh ta cục mịch, chân chất và ngay thẳng. Nhưng không ngờ, từ sự quý mến đó lại vô tình dẫn đến cái chết thương tâm của Tường.

Chẳng là, gia đình ông Kinh nuôi một con chó cái đẻ giữa nhà. Con chó đẻ một bầy con. Tường sang chơi, thấy bầy chó con thì thích lắm. Tường thật thà bày tỏ: "Con không có tiền, khi nào bầy chó ăn cơm no, ông có bán cho con xin con còi nhất đàn". Ông Kinh vui vẻ đồng ý. Vì là chó còi nên nuôi mãi không lớn. Tường mang đi bán và thêm tiền bán mấy cái giò để mua một con chó khác về nuôi. Không may, lúc tìm mua chó, Tường bị một con cắn vào tay. Tường cũng chẳng để ý gì. Mấy tháng sau, nhân đám ma một cụ già ở làng, Tường đi đưa đám trở về, chiều thấy người gầy gầy. Rồi Tường hung hãn dần lên, sợ nước, sợ gió, sợ lửa... Vợ Tường thấy thế sợ quá, tru tréo lên làm cả xóm đổ đến. Mọi người gắng mãi, Tường mới chịu nói là bị chó cắn hồi nào. Có người bảo lấy hạt đỗ xanh cho Tường ăn, nếu thấy ngon, thấy bùi thì đúng là điên. Tường dóc cả vốc đỗ xanh vào miệng nhai và nuốt ngon lành. Thôi thế là hết. Cả đêm ấy Tường lòng lộn. Cả làng không ai ngủ được. Sáng hôm sau, Tường mệt lử, ngồi rúm trong góc tối. Lại có người nói là lấy con dòi ở phân người sao vàng, sắc đặc cho uống may ra khỏi. Vợ Tường vì quá sợ nên ai bảo thế nào cũng nghe. Lúc đó thuốc cho Tường, mọi người đều sợ Tường cắn. Nhưng rồi người ta cũng đề ngửa được Tường ra, cạy chiếc đũa cả ngang miệng để đổ thuốc. Tường cắn nát chiếc đũa, gãy cả răng, máu me đầy mồm. Đến chiều thì Tường quá yếu, chỉ còn nằm thoi thóp, chốc chốc lại nấc người lên để thở như có ai chẹt cổ. Lúc gần chết, Tường tỉnh hẳn, gọi vợ lại gần. Vợ Tường thương chồng

nhưng cũng sợ không dám vào gần. Tường quát: "Ông không cần đâu mà sợ. Ông sắp chết đây!" Vợ Tường đến bên chồng. Tường nhìn vợ hồi lâu rồi mặt cau lại, nhăn nhúm: "Tao chết thì ở vậy mà giữ nhà, giữ đất. Mà mà lấy đứa nào thì tao về tao bóp cổ chết cả hai". Vợ Tường khóc: "Khốn nạn cái thân tôi, long đong cả đời mà chẳng ra người. Đến nước này thì tôi còn thiết gì mà lấy chồng nữa hả trời".

Anh yên tâm mà nhắm mắt. Cũng chẳng bao lâu nữa tôi theo xuống với anh, để anh tiếp tục đánh tôi như ở dương gian". Tường nhìn vợ hài lòng: "Tao sẽ không đánh nữa đâu".

Làng xóm vừa thương xót, vừa buồn cười cho cái tính ghen quá đáng nhưng đầy tình yêu thương của Tường với vợ. Tường chết, đám ma Tường rất đông. Thực ra, người ta cũng chẳng yêu quý gì Tường nhưng cái chết kinh thiên động địa của Tường đánh thức lòng nhân từ trong mỗi con người. Ông Kinh thì luôn cảm thấy mình có lỗi trong cái chết của Tường.

Vợ Tường từ bấy héo mòn và bệnh tật cô đơn. Chị ta mất sau chồng mấy năm, Tông lấy vợ cho thằng con trai đầu. Nhưng cho vợ chồng nó ở nhà mình, hẳn mang con ra ở nhà Tường, nói là nhang khói, giỗ tết cho vợ chồng Tường. Thằng Văn, con trai Tông có tính tật mắt từ nhỏ, đến lúc nó lấy vợ thì cái tính ấy càng tăng lên và nó theo phường đạo chích. Xóm làng liên tục xảy ra các vụ trộm cắp và phần lớn nó là thủ phạm, hay nó dắt khách về trộm của người làng.

Bỗng một hôm Tông đi chợ phiên về dắt theo một người đàn bà ngoài ba mươi tuổi. Người này da dẻ hồng hào, mặt mũi khá đẹp, dáng người cao lớn, phốp pháp. Tông nói với làng xóm rằng người ấy là vợ mới của hắn. Nhưng chỉ mấy ngày sau khi người ta tấm tắc khen Tông lấy được vợ xinh đẹp thì người ta lại đồn ầm lên là cô vợ mới của hắn bị hủi. Để ý người ta thấy đầu các ngón chân của cô ta to tướng, sần sùi. Và thế là cô ta đi đến đâu, người

làng cũng né tránh. Chẳng biết Tông có sợ bị lây hủi không nhưng hẳn vẫn sống rất hòa thuận với vợ. Thằng Văn thì bô bô một cách công khai rằng cần phải đuổi cổ con hủi đi khỏi làng. Nó bị bố nó đe chém mới bớt mồm. Rồi cô vợ mới này to bụng. Người ta bảo: "Có đẻ ra thì cái giống ấy cũng hủi thôi". Nhưng bất chấp mọi lời nói xấu, thằng con trai do cô vợ mới của Tông sinh ra rất bụ bẫm, kháu khỉnh, Tông quý con lắm. Song một hôm Tông đi vắng về đến nhà thì cô vợ mới đã mang con đi đâu mất. Có người nói chắc là cô ta mang con tìm vào sống ở Trại hủi mãi tận miền Trung. Tông tức điên và lòng lộn như thú dữ đến hàng tuần, rồi hẳn cũng dịu đi. Nhưng sau đó hẳn không còn dẻo quẹo cái mồm nữa. Người làng kháo nhau rằng Tông quá đam mê cô vợ hủi khỏe mạnh nên bị ả ta bòn rút hết sinh lực, bởi hẳn gầy rộc đến thành hom hem. Tông qua đời không kịp gả chồng cho hai con gái. Vợ thằng Văn đẻ con trai. Mụ chẳng biết làm gì. Suốt ngày bế con tha thẩn nơi chợ búa, lúc miếng bánh đúc chắm tương, lúc cái bóng bộp. Văn vẫn hành nghề đạo chích. Một lần hẳn cùng gã bạn lên vào một nhà người ở làng bên không may cả hai thằng đều bị con chó của chủ nhà đớp cho. Thằng bạn bị vào mặt, còn Văn bị vào tay. Trộm cắp bị chó cắn xem như chuyện thường, nên chúng chẳng thêm để ý. Nhưng chỉ nửa tháng sau, gã bạn lên con điên dại mà chết. Lúc ấy Văn mới thấy sợ. Hẳn không dám đến đưa đám gã bạn. Ngồi ru rú ở nhà, Văn biết rằng cũng sắp đến lượt hẳn. Đêm về, hẳn đã cảm thấy khang khác trong người, nhưng máu đạo chích vẫn cuộn cuộn chảy trong huyết mạch hẳn và quyết làm một mẻ thật to cho thỏa chí trước khi chết, cũng là tích góp thêm ít của để nuôi mụ vợ đoảng và thằng con thơ dại của hẳn. Lúc hẳn ôm bọc đồ tre lên tường chuồn ra ngoài thì không hiểu vì sao hẳn bị ngã xuống. Chủ nhà thấy động, hò nhau dậy bắt trộm. Khi đèn đuốc soi rõ vào mặt hẳn thì người ta thấy mắt hẳn trợn lên, mồm đầy dãi và hẳn co rúm người lại, tru lên như chó bị đường cùng, răng nhe ra chực

cẩn. Người ta trói hấn mang nhốt vào kho của hợp tác xã để hôm sau nộp công an. Nhưng rồi thấy hấn lên cơn như người bị chó dại cắn, người ta sợ quá buộc chặt hấn lại đưa về nhà hấn. Thấy vậy, mẹ vợ hấn tru tréo ầm ĩ vu là họ đánh chết chồng mẹ. Hấn điềm nhiên bảo: "Không. Họ không đánh tao. Tao bị điên đấy. Chó dại cắn tao. Tao sắp chết. Tất cả chúng mày xéo ngay ra ngoài kéo tao lên cơn cắn chết hết". Và sau đó, hấn chết thảm thương. Nhìn cảnh hấn chết, cả làng xóm, trước đây ghét hấn vì hấn trộm cắp chẳng từ ai, nay bỏ qua hết. Người ta tha thứ nhưng không biết khi hấn từ già cõi đời có thanh thân hay không?

Chồng chết, mẹ Vên không người chu cấp. Mẹ chẳng biết làm gì. Mẹ đói, con mẹ đói và mẹ bắt đầu trộm cắp. Hai đứa em gái Vên chẳng ma nào ngó ngang tuy chúng không đến nỗi xấu xí, song quanh vùng biết cảnh nhà nên người ta tránh. Chúng bàn nhau bỏ nhà lên mạn ngược sinh sống và nghe đâu lấy được chồng, rồi lập nghiệp luôn ở đó. Mẹ vợ Vên chẳng mấy quan tâm đến đứa con. Nhiều hôm sau đi đâu, nhốt và bỏ đói con ở nhà. Hàng xóm thương tình cho ăn. Ông Kinh thấy vậy thở than. "Thật chúng chẳng biết quý người. Trộm của, bỏ người". Đứa bé ốm đau không được chạy chữa gì. Nó chết, mẹ nó định bó chiếu. Hàng xóm thương tình góp gỗ mảnh đóng cho nó chiếc quan tài gỗ. Vợ Vên còn lại một mình. Mẹ rao bán đất nhưng người làng bảo đất ấy dữ, hại chủ nên có rẻ cũng chẳng ai dám mua. Mẹ bỏ nhà chẳng thêm khóa mà nhà mẹ đâu có gì để phải giữ. Có khi mẹ biệt đi đến vài tháng mới thấy lai vãng về. Rồi nghe đâu mẹ đau ốm, bị đòn chịch chết dúi ở đâu chẳng ai hay.

Ông Kinh cũng qua đời. Tính ông vốn cả nghĩ, lại cộng thêm sự lao lực để nuôi mấy đứa con ăn học, nên chẳng thọ được đến cái tuổi "xưa nay hiếm". Mấy đứa con ông ăn học thành tài ra thành phố lập nghiệp cả. Bà Kinh cũng ra ở với con.

Thế là cả khoảng đất ven đường lại ven sông ấy bỏ không.

*

* *

Suốt một thời gian dài không có người ở chăm chút, ba căn nhà vách đất tre rạ ấy, mái trũng xuống, tường đất lở, sân gạch đầy rêu và lá mun. Hàng rào khúc tần bị tơ hồng quấn lụi đi. Cây cối trong vườn tới mùa chỉ thừa thớt quả. Chỉ cỏ dại là tốt bời bời.

Người làng, ai đi ngang qua cũng tiếc mảnh đất vuông vắn, tiện đường xá lại bị bỏ hoang. Thi thoảng, nhân chuyện gì đó, người ta cũng nhắc đến những con người đã từng sống trên các mảnh vườn ấy.

Một hôm, có một thằng bé chừng hơn chục tuổi, vận bộ quần áo tuy sòn cũ nhưng sạch sẽ, khoác chiếc tay nải. Nó hỏi thăm vào làng Giải Oan. Nhưng khi nó hỏi đến nhà ông Tông thì người ta ngạc nhiên song cũng chỉ đường cho nó. Thằng bé đi vào vườn của hai nhà Tông, Tường. Đứng ở sân, nó cất tiếng gọi nhưng không có ai trả lời. Nó cứ tần ngần mãi không biết nên đi hay ở. Lúc nó quay ra thì đã thấy phía ngoài đường làng bên hàng rào khúc tần lố nhố người đứng. Họ chỉ trỏ và nói gì đó với nhau. Nó định hỏi họ nhưng không biết sẽ phải hỏi như thế nào. Chợt nó nghe thấy một người nói: "Đúng là con của lão Tông với mẹ hủi ngày nào". Một người khác tiếp theo: "Hôm qua cậu con trai ông Kinh từ Hà Nội về nói là hiến mảnh đất để xây nhà thờ họ". Nó không hiểu hết những lời họ nói nhưng nó nhìn thì thấy nét mặt ai cũng có vẻ hiền lành mà họ có phần còn biểu lộ vẻ vui mừng nữa. Trước khi chết, mẹ nó có dặn nó đôi điều, nó vẫn nhớ hết, nhưng cả mẹ nó và nó cũng không thể ngờ tới cảnh này.

Chợt nó nhìn thấy ngay phía dưới chân nó đứng, một mâm táo dại nhú lên. Bỏ mặc những tiếng người cười nói thêm phần ồn ào ngoài hàng rào, nó cúi xuống, đưa bàn tay khẽ chạm vào mâm táo dại bụ bẫm...

Hà Nội, tháng 11 - 1993

N.C.N

nguyễn chu nhac

Gánh càn khôn

“Một gánh càn khôn quẩy xuống ngàn

Hỏi rằng chi đó?

Gửi rằng than...”

(Trần Khánh Dư)

Đêm tháng giêng trăng mờ, bầu trời u ám. Nhân Huệ Vương Khánh Dư cùng người hầu thơ thần bên bờ sông phía ngoài doanh trại. Nếu chỉ nhìn bề ngoài, người ta có thể nghĩ ông đang tìm cảm hứng để làm một tứ thơ vịnh tháng giêng, nhưng không, lòng ông cồn lên những cảm xúc lo âu, trăn trở sau trận thua đoàn thuyền chiến của giặc Nguyên xâm phạm cửa Vân Đồn. Phải chăng ông đã phụ lòng tin cậy của Tiết chế Hưng Đạo Vương đã giao ông toàn quyền công việc biên phòng nơi cửa ngõ đông bắc, phụ lòng thương cứu vớt của quan quân (một cách gọi nhà vua)? Nhân Huệ vương bỏ mũ, mặt hướng ra ngoài sông hứng chịu luồng gió giá buốt phả vào. Cái buốt lạnh về thể xác đâu bằng sự tê tái ở trong lòng. Lời hứa sáng nay của

ông với quan Trung sứ còn văng vẳng bên tai, âm u trong đầu ông, từng từ một: “Theo quân luật thì tôi cam chịu, nhưng tôi xin hoãn hai ba ngày để lập công, lần sau sẽ trở về chịu rìu búa cũng chưa muộn”. Đáng lý ra, sau thất bại này, ông phải chịu còng tay về chịu tội chết trước mặt quan quân, song may mà, Trung sứ là người nhân từ, hiểu biết nên đã nhân nhượng hoãn lại cho ông. Làm như thế cũng có nghĩa là quan Trung sứ đặt cược sinh mệnh của chính mình vào ông. Nếu như thuyền lương của Trương Văn Hổ không qua đây, và nếu như có qua mà ông lại thua thì điều đó có nghĩa là ông sẽ chết và Trung sứ cũng phải tội lây. Nhân Huệ vương ngúc ngắc cái đầu tưởng tượng lúc phải vươn lên chịu chém. Thấy ớn nơi sống lưng và da gà nổi khắp người, ông cố trấn tĩnh hít đầy lồng ngực gió lạnh và từ từ thở ra. Nam nhi không sợ chết, nhưng nếu chết giữa trận tiền cho bõ. Đẳng này... Chao ơi, lại còn tiếng xấu lưu vào sử sách nữa chứ. Nếu trời đất không thương ta thì hận này nghìn thu không tan! Còn nàng nữa. Lúc này, ông nghĩ đến nàng, đến tình yêu của ông với nàng và hết thấy những gì mà nàng đã dành cho ông... Người hầu khẽ thưa làm ông bưng tĩnh: “Thưa quan Phó tướng, mong người lưu tâm giữ tấm thân quý báu của mình trở vào doanh trại ngay kéo không cảm lạnh!”. Nhân Huệ Vương khẽ ờ và mỉm cười giễu cợt trong bóng tối. Tấm thân quý báu ư, chẳng bao lâu nữa cái thân này sẽ thôi rữa ra và tan vào bụi đất, còn lại có chăng là vết ố trên trang sử mà thôi?!

Rồi ông cũng nghe lời người hầu trở vào trướng. Sai người hầu mang rượu lại và cho anh ta lui, còn lại một mình, ông tự rót rượu và nhấp từng ngụm nhỏ. Rượu đắng nghét trong cổ như nuốt phải bọ nẹt...

Cái thời ông còn là Thiên tử nghĩa nam (tức con nuôi vua) của Thánh Tông, được ra vào cung cấm, ông đã gặp nàng. Thiên Thụy công chúa được vua cha nhất mực yêu quý và dẫu nàng không phải là một đấng sắc nước

hương trời thì dung mạo nàng cũng thật tuyệt vời. Trong dáng vẻ nàng dịu dàng, hơi u buồn bên ngoài, Nhân Huệ vương thấy được những cơn sóng ngầm cuộn lên và sự bất chấp số phận để đi theo tiếng gọi của tình yêu ở nơi nàng. Chỉ sau một lần gặp mặt, chàng Phó đô tướng quân rồi Phiêu kỵ đại tướng quân trẻ tuổi, tài cao, tiếng tăm nổi như cồn sau những chiến công trong lần đánh quân Nguyên lần thứ nhất và đánh dẹp sơn Man đã thấy rộn lên trong trái tim một niềm phấn khích. Chàng đem ngày tơ tưởng đến nàng và Thiên Thụy công chúa cũng chỉ ước ao đến một ngày nào đó, được sánh duyên với chàng Thiên tử nghĩa nam xuất chúng. Nhưng thật ác thay, để xoa dịu mối bất hòa giữa hai nhà và lấy lòng Hung Đạo Vương, quan quân đã hứa gả cho con trai trưởng của Quốc Tuấn là Hưng Vũ vương Nghiễn. Biết chuyện vỡ lở sẽ nguy đến tính mạng, nhưng sóng tình nổi lên như bão gió cuốn phăng tất cả những vật cản trên đường đi, và thế là hai người bất chấp, lao vào cuộc tình mây mưa. Và không may, chuyện thông dâm giữa Thiên tử nghĩa nam và công chúa cung của Thánh Tông, người mang tiếng đã là vợ của Hưng Vũ vương Nghiễn bị bắt quả tang. Thánh Tông nổi giận đùng đùng, phần sợ mang tiếng, phần lo Hung Đạo Vương phật ý bèn sai người tâm phúc đưa Khánh Dư ra Tây Hồ, trước mặt bàn dân thiên hạ đánh cho chết, nhưng bên trong lại ngầm dặn nương nhẹ tay. Ai có thấu được nỗi đau đớn trong lòng Nhân Huệ vương khi ấy? Nếu chết được thì mới chỉ nhẹ được nỗi đau về thể xác, song Nhân Huệ vương không thể chết, phải sống để có ngày ngửa mặt lên với đời. Bị cách hết quan tước, tha tằm thân rách nát, Khánh Dư lui về Chí Linh, trông coi sản nghiệp cũ của Thượng tướng Trần Phó Duyệt. Chí Linh phong cảnh u tịch, lại cách Yên Tử không xa, nơi đây có thể xoa dịu được nỗi đau trần thế bằng cuộc sống an nhàn chốn cửa thiền, nhưng tự sâu thẳm cõi lòng, mối tình cay đắng với nàng chưa nguôi, và lại lòng ham muốn chiến công và danh vọng cũng chưa dứt, Khánh Dư âm

thầm nuôi chí đến một ngày nào đó... Hằng ngày, cũng nón lá, áo ngắn, quần cộc, Khánh Dur cùng đám thợ đốt than lên núi cưa cây, làm hầm đốt than, rồi lúc xuống núi lại quẩy trên vai gánh nặng. Những lúc đổ mồ hôi, sôi nước mắt, mặt mũi đen nhẻm, bước thấp bước cao, cơm nắm muối vừng, nước suối, Khánh Dur mới thấm nổi khổ của người dân cơ hàn. Ngẫm nghĩ, thấy ở đời, hạt gạo, giọt nước và hòn than là quý nhất, bởi ba thứ ấy nuôi sống người ta. Khánh Dur đưa ra triết lý hòn than, nó được tinh luyện từ linh khí của trời đất thành cây và rồi lại luyện thêm trong lửa khói để thành than. Nó chính như con người được nhào nặn qua sung sướng và khổ ải, như chính bản thân mình vậy. Hễ ai hỏi gánh nặng trên vai Khánh Dur là gì thì ông trả lời là gánh càn khôn. Đúng là thế: “Một gánh càn khôn quẩy xuống ngàn...”. Đã làm người đứng trong cõi trời đất này thì nghiệp chướng, căn quả có nặng đến mấy cũng phải gánh, è cổ, sụn lưng, dập mặt xuống bùn cũng gánh.

Tự ngẫm, Khánh Dur thấy mình đâu có làm gì nên tội. Minh tư tình với Thiên Thụy công chúa cũng là lẽ thường tình của đấng mày râu, của một con người. Và nếu có chút tự mãn sau những chiến công thì đâu đến nỗi bị vùi dập như vậy! Ta không cam tâm trở thành nhà sư. Ta không muốn xa lánh cuộc đời. Vô lo vô nghĩ, nhàn tâm thì cứu khổ, cứu nạn được cho ai? Ta không muốn thế!

Gầm lên thành tiếng, Nhân Huệ vương mở choàng mắt, chống tay xuống mặt bàn, đứng phắt dậy và vô tình ông gạt đổ chén rượu. Người hầu, giật mình ngã bở ngựa về phía sau, vì khi đó, thấy ông gục xuống bàn thiếp đi, bèn mang áo choàng lên khoác lên người ông chống lạnh. Nhân Huệ vương nhìn trừng trừng phía trước giây lát rồi ngồi xuống, nhẹ nhàng bảo người hầu: “Ta đã làm nhà ngươi phải sợ”. Người hầu lom còm bò dậy, vâng dạ luôn miệng. Ông gọi: “Ta vẫn thấy khát, mang bình rượu khác ra đây cho

ta”.

Chén rượu đầy, sóng sánh trước mặt. Nhìn chăm chăm vào đấy, ông tưởng như sóng Vân Đồn đang cồn lên... Ừ phải rồi, cái ngày ta được ngẩng cao đầu, ngửa mặt lên với đời đã đến. Đó là vào cái ngày, vua Thánh Tông mở hội nghị trên bến Bình Than năm Thiệu Bảo thứ tư (1282), mùa đông. Người tâm phúc của Khánh Dur ở Thăng Long mật báo cho ông biết chuyện ấy và thế là cơ hội đã đến, ông phải chớp lấy. Giặc Nguyên hung dữ tràn vào bờ cõi, trong lúc nước sôi lửa bỏng này, nhà vua cần phải biết dùng người tài, hoàng tộc cũng như thứ dân phải đoàn kết một lòng. Từ Lục đầu, ông xuất phát, cấp giong thuyền than cho kịp. Thật may sao, con thuyền của ông gặp lúc triều xuống, gió to, xuôi dòng ngang qua nơi quan quân mở hội nghị và Đức Thánh Tông đã tinh mắt thấy được. Biết có thuyền nhỏ của quan thần đuôi đàng sau để gọi lại, ông tảng lờ. Đến cửa Đại Than thì kịp, quân hiệu gọi: “Ông lái kia nhà vua có lệnh gọi”. Ông vờ làm kiêu và hiểu rằng thế nào Thánh Tông cũng nhận ra mình, nên trả lời: “Lão già này là người buôn bán, có việc gì mà gọi đến? Lời nói đó, kẻ phàm trần nào dám nói, chỉ có người quân tử, chí anh hùng mới có được khẩu ngôn như thế. Quả nhiên, Thánh Tông nhận đúng là Khánh Dur. Áo ngắn, nón lá, ông quỳ trước mặt vua. Đức Thánh Tông nhìn ông độ lượng và khuyến khích, mà buông lời than: “Nam nhi phiêu bạt đến thế!”. Đó là dấu hiệu của sự mềm lòng, của trắc ẩn... Và đúng lúc ấy, chí anh hùng trời dậy trong lòng ông sôi sục, cộng thêm chút kiêu bạc của kẻ biết mình có tài, ông nén chặt, gồng mình lên mà kìm giữ để tránh xảy ra cử chỉ nào thất thố, và nếu có hòn sỏi ở trong tay thì ông cũng bóp vụn, chứ đâu chỉ bóp nát quả cam như cậu bé miệng còn hơi sữa Hoài Văn Hầu Quốc Toản kia!

Trai thời loạn, chí anh hùng chưa kịp thỏa thì điều ông tiêng ve lại đến. Ra trấn thủ Vân Đồn, biên ải phía đông bắc giang san là ta chấp nhận

đứng nói đầu sóng ngọn gió. Trong vùng dân cư thưa thớt, ít ruộng vườn, toàn gò đồi, sông lạch, phong tục, đời sống của cư dân toàn trông chờ vào việc làm ăn, buôn bán với người phương Bắc. Khi điếm quân, ta giật mình vì thấy đa phần quân sĩ đều đội loại nón của người phương Bắc. Thời bình dùng của người đã là không hay, lúc loạn ly, binh đao thế này lại càng không nên dùng. Ta ban lệnh quân sĩ chỉ được dùng nón Ma Lôì của Lộ Hồng là muốn tránh nhầm lẫn và cũng thể hiện lòng tự hào dân tộc, kích tướng sĩ một lòng vì nước. Thật hại thay cho ta, khi người nhà được lệnh mua nón Ma Lôì về bán chỉ được phép lấy lãi chút đỉnh bù công sức của đám thừa hành, nhưng chúng lại nổi máu tham thu giá lên cao gấp đôi, kiếm lời chia nhau. Thế là ta mang tiếng, để bọn xấu miệng hiểm lòng làm thơ cạnh khốe rằng “Vân Đồn kê khuyển diệc giai kinh” (nghĩa là: Gà chó ở Vân Đồn đều kinh sợ). Lúc ấy thì ta có trừng phạt đám người nhà đến mấy thì cũng không thể nào rửa sạch được tai tiếng!

Nhân Huệ vương nghe tiếng gà gáy, biết đêm đã sang canh ba. Đầu ông căng lên bởi những dòng suy nghĩ chen lẫn nhau. Tính mạng ông như ngàn cân treo sợi tóc, song điều đó cũng không thật quan trọng, bởi đã từng lên voi xuống chó, ông không sợ chết, cao hơn cả là sinh mạng dân tộc, là sự tồn vong của vương triều Trần mà ông đang phụng sự. Nếu như thuyền lương của giặc không qua đây và nếu như ông không chặn nổi chúng thì khi ấy không biết điều gì sẽ xảy ra? Tự ngẫm mình trung thực, một lòng vì quan quân, vì dân tộc, cái chết chẳng có gì đáng sợ. Nhưng phải chết lúc này thì oan uổng biết bao, đáng tiếc biết bao. Và trong sâu thẳm cõi lòng, ông khát khao chiến thắng, ông nguyện dâng chiến thắng đó cho nàng, người đàn bà ông yêu thương nhất cõi đời, người mà ông đã chịu đấng cay tử hổ, chịu ô danh với sử sách, và ông phải có cái quyền được sống để mà chiến thắng, để mà lấy chiến thắng ấy xóa đi vết nhơ trong sử sách do chính ông với nàng

gây nên.

Nhân Huệ vương Khánh Dur đắm chìm trong hồi ức và ý nghĩ, sự mềm yếu và chí anh hùng. Ngoài cửa Vân Đồn trời biển vân vũ, nhưng đã rạn ra, hắt lên cao những tia sáng rẻ quạt...

Nhân Huệ vương đang gục đầu trên án thư chợt nghe tiếng người đầu đó vắng lại, ông định thần lắng nghe, đúng là tiếng ấy nói với ông: “Hãy nghe ta, thuyền chiến đi qua, ắt thuyền lương sẽ theo sau. Hãy thu thập tàn binh đợi chúng. Ngài sẽ đánh bại chúng, bắt được quân lương, khí giới vô kể. Hãy chuẩn bị ngựa trại báo tiếp cho Thượng hoàng mà xin tha tội trước!”. Ông nhìn quanh quất mà chẳng thấy bóng dáng ai, bèn chấp tay mà hỏi vào thinh không: “Thế Ngài là ai? Không nói quở tôi chứ?”. Tiếng nói ấy lại vang lên, như rót thẳng vào tai ông, rành mạch từng câu, từng chữ: “Ngài chẳng nên biết ta là ai làm gì. Ngài sẽ phiêu du vào cõi Bồng Lai tiên cảnh vào mùa thu năm Khai Hựu thứ mười một. Quãng thời gian lưu lại với phạm trần, ngài không được hưởng vinh quang, và sẽ còn chịu thêm nhiều điều tiếng nữa. Song ngàn sau, người đời sẽ biết đến ngài qua những dòng mà các sử gia đặt bút viết thế này: “Việc đánh lui giặc Hồ (tức quân Nguyên) ở đời Trùng Hưng, ai cũng khen nhiều về chiến thắng trên sông Bạch Đằng của Trần Hưng Đạo, mà không biết đến trận thắng ở Vân Đồn của Khánh Dur. Trận thắng đó rất kỳ diệu và là căn bản cho trận thắng sau đây. Cho nên nói, trận thắng ở Vân Đồn là căn bản của việc đánh lui giặc Hồ đấy!”.

Nhân Huệ vương xiết bao mừng rỡ. Ông tỉnh hẳn. Thì ra vừa rồi là ông nói chuyện với người cõi mộng, vi thần tiên nào đấy. Ông chấp tay bái vọng lên trời, rồi xuống đất. Nhân Huệ vương Khánh Dur lặng lẽ rời bàn thư, bước ra bên ngoài, hướng mắt về phía cửa Vân Đồn bình minh đang rạng!

nguyễn chu nhac

Giác mộng đêm xuân

Đỗ Thích thí Đình Đình

Lê gia xuất thành minh

Cạnh đầu đa hoành tử

Đạo lộ tuyệt nhân thành

Thập nhị xung đại vương

Thập ác vô nhất thiện

Thập bát tử đấng tiên

Kế độ nhị thập niên

(Đại việt sử ký toàn thư)

Dương là phóng viên của một tờ báo ngành, nhưng xuất thân là một giáo viên dạy sử. Bạn bè hay trêu Dương là người bốc mùi thư tịch cổ. Ấy vậy mà kiến thức về sử giúp Dương rất nhiều trong nghề làm báo. Đầu xuân, Dương đi một chuyến công tác, gọi là xuất hành đầu năm cầu may. Xuất hành hướng nam, đoàn của Dương nhằm cố đô Hoa Lư thẳng tiến. Tối trước ngày lên đường, Dương củng cố lại vốn hiểu biết lịch sử của mình về vùng đất này bằng cách gặm nhấm lại mấy chương trong bộ Đại Việt sử ký toàn

thư.

Anh cán bộ văn phòng Ủy ban sở tại sốt sắng động viên:

Đầu năm, các anh nên du xuân, thăm thú danh lam thắng cảnh, viếng đền chùa, còn công việc thì cứ thư thả tính sau, vả lại còn cả những một năm để làm cơ mà, đi đâu mà vội. Các anh nên viếng đền vua Đinh, vua Lê trước, rồi sau thăm Tam Cốc, Bích Động.

Được lời như cởi tấm lòng, mọi người nhận lời ngay. Anh cán bộ văn phòng Ủy ban tỏ vẻ thông thạo, giới thiệu sơ qua về xuất thân của vua Đinh, điều đó gài vào đúng chỗ ngứa trong vốn sử của Dương, anh lập tức lên tiếng:

Sử tuy viết rằng vua Đinh là con của thứ sử Hoan châu Đinh Công Trứ, mà ông này vốn là nha tướng của Dương Đình Nghệ. Nhưng dân gian lại tồn tại một nghi vấn, vì thế mới có truyền thuyết rằng vua Đinh là con của Đàm thị với một con giao long, đúng ra là một con rái cá. Chuyện kể rằng, thuở sinh thời còn là cậu bé chăn trâu, một lần Bộ Linh được một thầy địa lý Tàu thuê lặn xuống đáy vực sâu của con sông ở quê (có lẽ là sông Hoàng Long chẳng?) tìm một con ngựa đá. Thấy ngựa đá rồi, thầy địa lý yên tâm trở về quê. Bộ Linh là một người tinh ý, đoán biết đó là một huyệt mộ tốt, bèn nảy ra ý định để mộ cha ông mình, bèn hỏi mẹ là Đàm thị xem mộ cha mình ở đâu. Người mẹ buồn rầu chỉ lên gác bếp bảo rằng hài cốt cha Bộ Linh để ở đó. Bộ Linh lục gác bếp lấy xuống xem thì ra là bộ xương của một con rái cá, bèn gói vào trong một nắm cỏ, lặn xuống đáy vực, như con ngựa đá, và khi ngựa đá há miệng thì nhét nắm cỏ có cốt vào trong đó để ngựa nuốt vào bụng. Mấy năm sau, khi thầy địa lý Tàu trở lại động Hoa Lu thì nghe tin Bộ Linh đã dấy binh, thắng như chẻ tre, xưng là Vạn Thắng Vương rồi, biết Bộ

Linh đã chiêm mắt long huyết, y căm lăm bèn nghĩ cách trả thù, xin yết kiến Vạn Thắng Vương. Khi được gặp, thầy Tàu thưa: “Nơi đó là long huyết có thể phát Đế, Vương. Hồng phúc của Đại Vương hơn kẻ tiểu nhân này nên có được long huyết. Đại vương sẽ làm vua, song ngựa mà không có kiếm thì cũng vô dụng. Đại vương nên cho đúc ngay một đôi kiếm thật sắc bén, đeo vào cổ ngựa đá. Ngựa có kiếm sẽ tung hoành bốn cõi”. Vạn Thắng Vương nghe lọt tai bèn làm theo đúng thế. Chỗ vực ấy nước xiết, song kiếm đeo trên cổ ngựa đá theo thời gian cứ xiết vào hai bên cổ ngựa đá nên khi cắt đứt rời cổ ngựa đá mới thôi. Thế là long mạch đứt, nhà Đinh đoán vận... Cứ cho rằng truyền thuyết là hư đi chẳng nữa, chín chín phần trăm là hư, thì ít ra cũng phải dựa trên một phần trăm là thực. Như vậy, phải chăng vua Đinh là con không cha, bởi con của giao long thì chắc chắn không phải rồi.

Chuyện đứt thì đền vua Đinh, vua Lê đã hiện ra trước mắt. Anh cán bộ văn phòng Ủy ban nhờ chị thuyết minh của khu di tích đưa đoàn đi thăm. Chị thuyết minh là dân học sử, kiến thức sử chẳng kém gì Dương, song hiểu về đền hai vua này thì hơn Dương là cái chắc. Theo đúng tục lệ, khách viếng thăm phải vào đền vua Đinh trước. Chị thuyết minh bảo, cung điện của vua Đinh xưa chính là nền của đền vua Đinh ngày nay, bên dưới vẫn còn dấu tích chứng minh cho một triều đại oanh liệt nhưng sớm tàn lụi. Dương sờ tay vào những đường nét chạm khắc trên sập đá – long sàng và nghĩ, ngày xưa vua Đinh đã ngủ ở đây ư, và còn đâu là nơi nhà vua say rượu để kẻ thất phu là Đỗ Thích hành thích người. Dương cứ tần ngần hết ngắm bức tượng Đinh Tiên Hoàng, lại ngắm tượng Nam Việt Vương Đinh Liễn, Thái tử Đinh Hạng Lang và Vệ vương Đinh Toàn nơi chính điện. Chẳng lẽ việc kiếm sắc cửa đứt cổ ngựa đá lại liên quan đến việc cả bốn cha con họ Đinh đều “bất đắc kỳ tử” ư?

Song đèn vua Lê cách đó chừng một quãng, chị thuyết minh lưu ý mọi người rằng đèn vua Lê có nền thấp hơn đèn vua Đinh và tượng vua Lê có khắc chữ Vương ở trán, bởi vì mặc dù về trị quốc và đánh ngoại xâm, vua Lê Đại Hành còn được xem là xuất sắc hơn Thái tổ Lý Công Uẩn kể sau đó, nhưng quan niệm dân gian vẫn cho rằng vua Lê được ngôi không chính đáng, bởi thông qua con đường tình ái, đúng ra là một cuộc đảo chính cung đình thông qua tình ái bất chính. Dương nghĩ nhanh, vậy tình ái không làm nên một người anh hùng, bởi thế, anh rời bỏ tượng hai cha con vua Lê mà tìm đến tượng của Đại tướng minh Hoàng hậu Dương Vân Nga. Đang mải ngắm thì anh nghe có tiếng thở dài nhẹ nhàng bên tai, liền quay đầu lại, thì ra chị thuyết minh đã đứng ngay sau anh từ lúc nào. Chị bảo:

Bức tượng này lạ lắm, nhìn chính diện thì nàng là một người đàn bà đoan trang, hiền thực. Nhìn từ ngoài vào thì thấy rõ nàng khẽ cười như thể giễu cợt ai. Còn đứng từ trong nhìn ra thì mắt nàng long lanh nước và khuôn mặt ẩn chứa một nỗi buồn thăm thẳm. Dương lập tức làm theo và anh thấy bức tượng sống động hẳn lên, như thể nàng từ nghìn năm trước bước lại gần anh...

Khi thấy một người đàn bà dáng nhẹ nhàng thanh mảnh ăn mặc xiêm y cổ bước vào phòng, Dương thoáng ngỡ ngàng, rồi anh nhanh chóng tự nhủ, thì ra cái lối kinh doanh dịch vụ theo kiểu “cung đình” đã từ Huế lan ra đến đây rồi đấy, cơ chế thị trường có khác. Anh hỏi: “Chị đến dọn bàn trà và thay phích nước à? Sao sớm thế?”. Không thấy trả lời anh lại hỏi: “Phàm tất cả các khách sạn ở đây đều ăn vận theo lối cổ như thế này hay là chỉ mỗi ở đây?”. Người đàn bà vẫn đứng ở lối ra vào, không hề động chân động tay,

khẽ cười và bảo: “Vì ta với ngươi cách nhau những ngàn năm nên ta tha cho cái lỗi ăn nói xách mé đó, chứ ở vào thời ta, ngươi đã bị lôi ra chém đầu về tội khi quân phạm thượng rồi đó. Ngươi nhìn lại đi, có phải ngươi mới gặp ta lúc chiều và đã có lời thỉnh cầu ta không. Vì tên ngươi trùng với họ của ta và trong lời thỉnh cầu ngươi đã gọi ta là Nàng, nên ta mới xuống xuất đến ngươi!”. Dương hết sức ngạc nhiên: “Vậy bà là ...Dương Vân Nga?... Chết, xin lỗi... là Đại thắng minh Hoàng hậu thật sao?”. Người đàn bà: “ Sao lại là bà? Nàng chứ! Đã là đàn bà thì không có gì hơn sự ngưỡng mộ của đàn ông, của thế gian đàn ông. Dù ta có hơn ngươi hàng nghìn tuổi nhưng ta vẫn muốn được gọi là Nàng!”. Thật là đơn giản và minh triết. Nàng đã làm Dương đi từ ngõ ngàng này sang ngõ ngàng khác. Dương nhận thấy vẻ chân thành và thân thiện trong giọng nói của Nàng nên anh mạnh bảo: “ Sử không thấy ghi chép gì về xuất thân của Nàng nhưng tương truyền thì Nàng là con nhà thứ dân ở động Hoa Lư, kết duyên cùng vua Đinh từ thừa còn hàn vi. Thế nhưng, điều đó chưa hẳn đúng, bởi người thông minh, nhan sắc như Nàng thì có gì vua Đinh lại không lập làm Hoàng hậu, trong khi đó, nhà vua lại lập năm hoàng hậu khác là Đan Gia, Trinh Minh, Kiều Quốc, Cố Quốc và Ca-ông từ năm 970, hẳn khi đó, vua Đinh chưa kết duyên cùng Nàng, hoặc kết duyên rồi thì Nàng cũng lẫn đi giữa đám cung nữ, chưa có gì nổi bật ? Phải chăng, mãi đến năm 974, Nàng có công sinh được hoàng tử Đinh Toàn thì Nàng mới được vua Đinh chú ý và nâng địa vị của Nàng lên?”. Nàng khẽ đung đưa người: “Đàn bà bất kể xuất thân sang hèn, chỉ cần xinh đẹp. Đã xinh đẹp tuyệt vời thì dù là hàng thứ dân hay con ở thì bậc cao nhân, ngay cả người có quyền lực tối thượng đi chăng nữa vẫn có thể quỳ gối cầu xin tình ái. Có đúng không nào? Nếu không tin, ngươi có thể về mà tra cứu lại lịch sử thì sẽ rõ, con một sách?”. Dương không bực mình vì bị gọi là con một sách, trái lại, anh càng hăng hái: “Phải chăng là từ trong thâm tâm, Nàng

giận vua Đinh đã không lập Nàng làm hoàng hậu thứ sáu, và Nàng đã say mê vị thập đạo tướng quân trẻ tuổi anh hào? Phải chăng, Nàng đã tham vọng có ngày được nâng lên địa vị cao quý tột đỉnh và đã chọn vàng ngọc của vị Võ quan tuấn kiệt Lê Hoàn làm chỗ dựa cho tham vọng và dục vọng của mình, bởi không có sự giúp đỡ của Nàng thì làm sao Lê Hoàn được lên ngôi báu?”. Nàng bình thản: “Xem ra người lên án ta còn mạnh hơn hai vị thần đáng kính là Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên. Hai ông ấy không bình luận gì về hành động của ta khi gỡ áo long bào từ vai con trai ta để khoác lên người Thập đạo tướng quân. Người thấy đấy, trước đó, Nam Việt vương Đinh Liễn vì ghen tức đã giết em mình là Đinh Hạng Lang – người đã được vua Đinh lập làm Thái tử. Còn mẹ con ta phải biết giữ mình chứ! Con ta bé, ta là đàn bà thân cô thế cô, ai dám bảo đảm cho mẹ con ta, rằng một ngày nào đó vua Đinh không gạt ta xuống, hoặc Đinh Liễn giết mẹ con ta để đề phòng hậu họa. Vua Đinh chết vì sự bất cẩn của ngài, vì sự thỏa mãn với quyền lực và tiếng tăm lập quốc, vì sự đam mê vinh hoa, vì găm nhăm chiến công của mình, và còn vì lực ngài đã cạn. Còn đã là người thì ai chẳng có chút tình riêng. Với vua Đinh, ta đã chung tình khi ngài còn sống, rồi ta cũng giữ đúng đạo làm vợ, chờ đoạn tang ngài mới tái giá. Vua Đinh chết rồi, cả Đinh Liễn và Đinh Hạng Lang cũng chết rồi, ta làm sao đặt niềm tin vào hai lão cáo già Đinh Điền, Nguyễn Bặc được, bởi với cả hai con người này thì khát vọng về quyền lực và phú quý cao hơn tình người. Ta phải đặt niềm tin vào Chàng, đơn giản bởi Chàng có tình người và Chàng hội đủ những phẩm chất mà ta mong muốn!”. Dương chỉ chờ cho Nàng dứt lời và anh cũng không chịu kém: “Quả là Nàng đã không lầm khi đặt niềm tin vào vị Thập đạo tướng quân. Khi được ngôi báu, ông ta đã không quên ân tình của Nàng mà lập Nàng làm hoàng hậu, vị hoàng hậu đứng đầu trong số năm hoàng hậu của ông. Với nàng thì chẳng mất mát gì, được làm vợ của hai vua đứng đầu

hai triều đại. Nàng thử nghĩ lại xem, trong lịch sử nước nhà có ai được như Nàng? Họa chẳng sau này có bà Trần Thị Dung là hoàng hậu của vua Lý Huệ Tông và sau đó được Thái Tông Trần Cảnh ưu ái vì có công phò giúp, nhưng thực ra thì vẫn chỉ là vợ của Thái sư Trần Thủ Độ. Chỉ thương cho vua nhỏ Đinh Toàn bị giáng làm Vệ Vương là sau khi nàng mất có một năm đã yếu mệnh mà “bất đắc kỳ tử” giữa tuổi xuân. Nàng đã được tất cả, việc chung và tình riêng”. Nàng nghiêm nét mặt: “Thế người quên rằng ta đã phải chịu đựng búa rìu dư luận hàng ngàn năm nay và không biết sẽ còn bao lâu nữa. Song ta chấp nhận, bởi tự thâm tâm ta thấy mình không sai trái, không làm điều thất đức và lớn hơn nữa, như những người bên vực ta, rằng ta đã biết đặt quyền lợi của quốc gia lên trên quyền lợi của một dòng tộc. Vậy theo người thì ai là người xứng đáng với cương vị tối cao hơn Thập đạo tướng quân? Và vua Lê không xứng đáng với cương vị lịch sử sao?”. Dương nhận thấy vẻ giận dữ bị kìm nén trong giọng nói của Nàng, anh vội phân bua: “Không, không... Nàng hiểu nhầm rồi, tháng Tống, bình Chiêm, dẹp loạn giữ yên bờ cõi, riêng việc đó cũng đủ để đưa vua Lê lên hàng anh hùng nhất đời rồi!”.

Dương vừa dứt lời, anh chợt thấy phía sau Nàng xuất hiện bóng một người đàn ông, mờ tỏ... Dương định hỏi thì người đó nói: “Ta đã nghe hết câu chuyện của người với Hậu của ta. Không phải đợi đến ngày hôm nay, người – một kẻ hiểu biết nông cạn đưa những lời nhận xét về thời đại của chúng ta. Sử thần Ngô Sĩ Liên cho rằng, ta lên ngôi không chính danh, lợi dụng tình ái của Nàng, dùng bọn Phạm Cự Lang hiếp vua bé và quần thần bằng binh lực, rồi kiêu ngạo và xa xỉ trong việc dùng vàng bạc dát cột lợp mái cung điện. Lời bình của ông ta đã đóng đinh ta vào lịch sử”. Dương sững sờ, trong khi đó Nàng lánh người sang một bên nhường lối cho người đàn ông tiến lên

phía trước, và Nàng khuất ở phía sau, khoanh tay, khẽ cúi đầu lặng lẽ, đứng với đạo phu phụ theo Tam cương. Dương nhìn chòng chọc vào người đàn ông khi đó đã rõ hình hài lẫm liệt và hỏi: “Ngài có đúng là Đại Hành Hoàng đế thật không?”. Người đàn ông: “Vậy người còn nghi ngờ à? Đó là thụy hiệu của ta. Nhưng há người chẳng biết việc ông Lê Văn Hưu chê rằng, Ngọa Triều con ta ít học và bất hiếu đã không biết cách đặt thụy hiệu để đời sau chê cười đó sao?”. Dương nổi máu anh hào bảo: “Ngài là bậc quân tử sao không xuất đầu lộ diện mà đứng nghe lỏm chuyện Nàng là có làm sao?”. Đại Hành Hoàng đế cả cười mà rằng: “Người là kẻ vô tình, chỉ khéo trách người. Nàng là mỹ nhân, ta là đàn ông và người cũng là đàn ông. Nếu ta xen chuyện, cướp lời thì chẳng phải người sẽ cho rằng ta hẹp hòi sao? Vì người cũng theo đòi người xưa ca ngợi ta là anh hùng nhất đời nên ta mới xuất đầu lộ diện để nói cho người biết rằng, để có được sự nghiệp và giữ vững giang san, ta cũng đã phải trả một cái giá khá đắt hay sao! Miệng thế khôn lường, tiếng thơm khôn rửa, tiếng xấu còn lưu, dù vẫn lập đền thờ ta, nhưng như người thấy đấy, đền của ta thấp hơn đền của vua Đinh, còn trán ta thì hằn sâu chữ Vương. Thế vẫn chưa đủ hay sao? Lũ con ta thì bất chấp tình cốt nhục, căng đậu đun hạt đậu, huynh đệ tương tàn, ăn chơi sa đoạ để đến mức vong gia bại quốc. Thế vẫn chưa đủ hay sao? Với vua Đinh, ta hằng tôn kính ngài, bởi ngài là anh hùng lập quốc, biết trọng dụng người tài. Ngài anh minh tài trí hơn người song ngài cũng có phần kém của ngài, còn kém như thế nào thì Hậu của ta đã nói cho người biết rồi. Riêng ta thì ta chỉ lưu ý người rằng, hãy về mà xem kỹ lại sử, sự khuyh bại của nhà Đinh là do chính vua Đinh gieo mầm loạn bằng cái việc bỏ trường lập thứ. Chẳng phải, năm Thái Bình thứ 9 – Mậu Dần, vua Đinh lập con nhỏ là Hạng Lang làm Hoàng thái tử, thì ngay năm đó, tháng giêng – động đất, tháng hai – mưa đá, còn mùa hạ tháng sáu thì đại hạn, thế là lòng trời không thuận đó sao?”.

“Thưa Đại Hành Hoàng đế” - Dương kính cẩn – “ Quả là ngài đúng, nhưng sao đến lượt mình, ngài lại đi vào đúng cái vệt xe đổ ấy, Ngài cũng đã lập hoàng tử thứ Long Đĩnh làm Hoàng thái tử, để rồi sau này Long Đĩnh giết vua Trung Tôn và tự lập mình làm vua?”. Đại Hành Hoàng đế ngậm ngùi: “Đó là nỗi đau của ta, cũng là phần kém của ta!... Nhưng lỗi trước hết là do con trưởng ta là Kinh thiên vương yếu mệnh mất sớm ngay sai cái chết của Hậu yêu của ta. Có lẽ cái chết của nàng làm lòng ta đau xót mà kém minh mắt chẳng!” Dương vẫn chưa chịu: “Vậy còn Vệ Vương Đinh Toàn thì sao?”. Đại Hành Hoàng đế khẽ chau mày: “Thì ta vẫn trọng dụng đó thôi. Ta đã để cậu bé ấy được sống ở trong cung với mẹ. Dù sao cậu ta cũng có một thời làm vua, vả lại đó là núm ruột yêu của Hậu ta. Sau này đi đâu, ta cũng mang cậu ta theo bên mình”. Dương kêu lên: “ Vậy là gìn giữ nhiều hơn yêu quý. Ai đã gây nên cái chết của Đinh Toàn. Giặc Cử Long chỉ là loài giặc cỏ vô danh, có gì ngài phải thân chinh đi dẹp? Thì cứ cho là ngài thích, xông pha nơi chiến trận để làm gương cho tướng sĩ đi, song có gì ngài phải mang theo cả Vệ vương Đinh Toàn? Một mũi tên đã giết chết mầm móng cuối cùng của vua Đinh, vậy mũi tên ấy bắn ra từ phía nào, và do ai bắn? Có phải là giặc Cử long bắn không hay do một tay chân nào đó của ngài đã làm việc đó, thực hiện sứ mệnh mà ngài ủy thác. Ngài nghe đây nhé, để xem ngài nói như thế nào, về đoạn sử mập mờ này: Tân Sửu, năm Ứng Thiên thứ 8 Vua thân đi đánh giặc Cử Long. Chúng thấy Vua giương cung bắn thì tên bị rơi, lại giương cung lần nữa thì dây đứt, tự lấy làm sợ mà rút lui. Vua mới đi thuyền theo dọc sông để đuổi. Giặc bày trận hai bên bờ để chống lại quan quân bị hãm ở sông, vua cũ nhà Đinh là Vệ vương Toàn trúng phải tên chết tại trận. Vua kêu trời ba tiếng rồi thúc quân đánh giặc tan vỡ”. Vậy ngài là thần thánh hay sao mà giặc bắn ngài hết tên rơi thì dây lại đứt?”. Đại Hành Hoàng đế chau mày: “Ngươi biết một mà không biết mười. Cùng là người cả

nhưng mỗi người đều mang một số mệnh riêng. Người có uy lực, kẻ lại không...”

Một giọng đàn ông khác vang lên, át cả giọng Đại Hành Hoàng đế, đầy vẻ sát khí: “Khá khen thay cho sự biện bạch. Vậy trong lòng, có bao giờ người lo lắng rằng Vệ vương Toàn con ta đến một ngày nào đó đủ lông đủ cánh sẽ giành lại ngôi báu mà người cướp của nó, của triều đại ta không?”. Dương ngạc nhiên lắm nhưng anh cũng đủ nhận thấy cái rùng mình dù rất nhẹ của Đại Hành Hoàng đế khi nghe lời nói đó, rồi sau đó ngài lặng người đi. Dương nhận thấy rằng anh phải là người phá tan bầu không khí tĩnh lặng đến ngạt thở, anh cúi đầu thưa: “Kẻ thường dân hậu sinh này kính chào Đinh Tiên Hoàng đế! Thật may mắn được ngài xuống xuất và chỉ bảo cho đôi điều!”. Đinh Tiên Hoàng đế ôn tồn: “Ta biết người là người đam mê sử, vậy thì hãy lắng nghe và tích góp thêm vào cái vốn hiểu biết sử còn nông cạn của người. Ngài dừng lời và quay sang nói với Đại Hành Hoàng đế và Nàng – Thế nào, miệng lưỡi hai người để đâu, không đáng chào ta một tiếng hay sao?”. Đại Hành Hoàng đế kính cẩn: “Xin bậc tiền bối có lời chỉ bảo”. Còn Nàng vẫn đứng lặng, chấp tay trên trán cúi đầu. Đinh Tiên Hoàng đế khẽ gật đầu mà bảo: “Ta xuất thân cũng chẳng phải cao sang, nhưng vốn chí khí, nhờ làm con nuôi Minh Công Trần Lãm xứ Bồ Hải Khẩu và được ngài gây dựng cho mà dẹp được loạn sứ quân, lập ra nhà nước Đại Cồ Việt hùng cường. Có được giang san này một phần ta nhờ có người tài phò giúp, quân dân một lòng, Nguyễn Bặc, Đinh Điền là con nhà thường dân theo ta từ thừa cờ lau tập trận. Còn ông, Lê Hoàn chỉ là tiểu tướng của Đinh Liễn con ta, song vì mến tài mà ta đưa lên làm Thập đạo tướng quân thống lĩnh ba quân, vậy mà không vì ta phò giúp con ta lại cam tâm lấy ngôi của nó. Ông có điều gì để nói với ta?”. Đại Hành Hoàng đế không hề nao núng trước câu hỏi đó,

ngài thưa: “Bạc tiền bồi thử đặt mình vào hoàn cảnh ấy thì mới hiểu, ngoài bờ cõi giặc ngoại xâm lăm le, còn trong nước thì sau khi ngài mất, có bao kẻ rắp ranh đoạt ngôi bởi cái mộng cuồng danh của Đỗ Thích đã vô tình xói lên lòng háms địa vị của bao người, trong khi đó thì vua bé còn áp vú mẹ, nên nguy cơ đã là một sớm một chiều. Ngài có nghĩ là Đinh Điền, Nguyễn Bặc trung thành với ngài, phò giúp vua bé hay là cấu kết với nhau để chiếm ngôi mà chẳng lo gì đến chống ngoại xâm? Giết Điền, Bặc, dẹp loạn là Hoàn này chiêu theo thánh chỉ của Dương Thái Hậu khi đó đang nhiếp chính. Rồi phò mã Ngô Nhật Khánh rước giặc Chiêm xâm phạm bờ cõi phía Nam. Hoàn này cũng gắng công đánh đuổi. Những kẻ đó chỉ biết thỏa lợi riêng mà không đếm xỉa gì đến quyền lợi quốc gia, cam tâm làm việc xằng bậy. Họ há không phải là tôn thân ngoại thích của ngài sao? Song dẹp loạn vẫn là chuyện nhỏ, nơi biên giới Lạng - Châu giặc mạnh lăm le thì Hoàn này không thể không lên ngôi để thống lĩnh ba quân, tập trung lực lượng, quyết đoán việc quốc gia đại sự... Có dám làm như vậy thì mới giữ được giang san bền vững, mới tỏ được cái chí, cái công của bậc tiền bối mà còn hợp lòng dân, giữ yên bình cho mọi nếp nhà! Khấu kiến bậc tiền bối minh xét kéo để tiếng oan cho Hoàn này!”. Đinh Tiên Hoàng để dường như dụ đi, ngài đi đi lại lại một hồi như để tĩnh tâm rồi bảo: “Lý lẽ minh bạch lắm. Thật đáng khấu khí của một bậc anh hào!... Nhưng... nghe nói trước khi chém Bặc, ông còn hạch tội là bội nghĩa, phản loạn. Chẳng lẽ trước khi chết, Bặc không nói điều gì à? Chỗ này sử không chép và sau này Ngô Sĩ Liên cũng ngờ?”. Đại Hành Hoàng đế thoáng chau mày, liếc nhìn Nàng, ôn tồn: “Hoàn này chỉ làm việc bắt Bặc giải về kinh sư, còn quyền phán là thuộc vua bé Đinh Toàn và Dương Thái Hậu nhiếp chính quyết định. Chém Bặc là việc của quan chấp pháp, Hoàn này không được biết và cũng không nghe nói gì đến Bặc, có hay không cũng không can gì, bởi con chim trước khi chết thì hót hay, nhưng

chó đại trước khi chết lại cắn càn... Hoàn này thiết tướng bậc tiền bối thấu hiểu!” Đinh Tiên Hoàng đế khẽ phẩy tay: “Thôi được rồi!... Còn Vân Nga ái phi, nàng nói gì với ta đi chứ?”. Nàng vẫn cúi đầu, Đinh Tiên Hoàng đế tiếp lời: “Chẳng lẽ, nàng trách ta không lập nàng làm hoàng hậu mà phải nhờ đến ông ta? Với năm hậu ta đã đủ nấu người bởi những mâu thuẫn đàn bà, những đồng đánh nữ nhi, nữa là thêm nàng, nhất là họ lại biết ta yêu chiều nàng... Nàng đã trả ơn ta thế nào vì ta đã gây dựng cho nàng?”. Thấy không thể chối từ. Nàng cung kính thưa: “Khấu hiến tiền bối, tiện thiếp rất biết ơn người đã gây dựng cho mẹ con thiếp và cũng không phụ Người. Trước đó, mẹ con thiếp luôn ý thức thân phận thê thứ, nhưng tình thế lịch sử đã đẩy mẹ con thiếp vào cảnh ngộ này. Nếu Người không lập Hạng Lang làm Hoàng thái tử thì Nam Việt vương Liễn cũng đâu vì ghen tức và cậy công hãm hại Hạng Lang. Liễn không hại Hạng Lang thì Đỗ Thích cũng đâu dám làm càn. Bi kịch của triều Đinh là ở chỗ đó. Vệ vương Toàn thơ bé đâu biết gì đến việc làm vua, nhưng khổ cho nó lại là mầm mống duy nhất còn lại của Người nên không thể không lên ngôi, và là mẹ đẻ ra nó, thiếp phải chấp nhận trở thành Hoàng thái hậu nhiếp chính. Thế là từ chỗ muốn nấp bóng cả cây cao hưởng thanh nhàn thì mẹ con thiếp bị đẩy ra chính trường. Giữa bối cảnh ấy, thiếp còn biết dựa vào ai? Điền, Bạc ư? Hai lão ấy nhìn thiếp hau háu như cú vọ... Thiếp đành dựa vào Thập đạo tướng quân... Ở vào địa vị của thiếp, thưa bậc tiền bối, Người sẽ dựa vào ai?... Giọng Nàng vỡ ra thành nước mắt. Dương cảm động và anh thấy không thể không xen vào: “Thưa các bậc tiền bối, kẻ hậu sinh này thiên nghĩ, lịch sử hàm chứa các quy luật. Cái gì đã qua rồi không thể làm lại được nữa. Nếu Đinh Tiên Hoàng đế trách Đại Hành Hoàng đế lấy ngôi của dòng họ mình thì Đại Hành Hoàng đế lại có thể trách Thái tổ nhà Lý là Lý Công Uẩn; rồi Lý Thái Tổ cũng lại trách Trần Thủ Độ giúp Thái tổ Trần Cảnh lấy ngôi từ tay Lý Chiêu Hoàng, và cứ thế mãi về sau....

Thế thì còn đâu là lịch sử nữa! Sinh tử là quy luật, hưng phế cũng là quy luật, rồi hợp tan – tan hợp cũng vẫn là quy luật cả. Có một nhãn quan lịch sử thì tất cả những việc ấy đâu nghiêm trọng làm vậy. Chuyện cũ qua đi, việc còn lại là của các nhà chép sử, của nhân gian hậu thế và của nghệ thuật... các nhà thi ca, nhạc họa sẽ tha hồ tô vẽ từ cảm hứng lịch sử. Việc ấy có sai lệch ít nhiều với lịch sử thì dễ hiểu và có thể tha thứ được. Có đúng vậy không, thưa các bậc tiền bối?”..

Dương mãi hùng biện, đến lúc anh dừng lời thì chẳng còn ai. Anh ngỡ ngác rồi gào lên: “Đi đâu hết cả rồi? Ấy ấy các vị!... Xin hãy nán lại chút đã!” Dương xô cửa phòng vùng đuổi theo... Anh choàng mở mắt. Có bóng người đang cúi xuống người anh. Định thần thì ra là cậu lái xe ngủ cùng phòng, điện sáng choang. Cậu lái xe bảo:

- Anh mê ngủ gì mà khiếp thế, hết làm nhắm lại cười rồi còn hét lên. Lúc đầu em nghĩ là anh uống nhiều rượu say xin nên mặc kệ, nhưng một lát thì biết là anh mê nên đánh thức anh dậy. Mê thế là mệt người lắm!

Dương vẫn chưa hết bàng hoàng, hồ nghi hỏi:

- Thế cậu vẫn ở phòng từ tối đến giờ à? Tớ không đi đâu và cũng không có ai vào đây chứ?

-Thì em chờ nước nóng tắm cho nhẹ người. Xong việc đã thấy anh úp quyển sách lên ngực mà ngủ. Em chờ tóc khô, bật ti vi xem bóng đá mãi. Hết bóng đá, em vừa mới tắt ti vi xong, ngả lưng còn chưa kịp ngủ. À, lúc anh mới ngủ có cô nhân viên nhà khách gõ cửa hỏi xem bình nóng lạnh chữa lúc chiều đã được chưa.

-Thế cô nhân viên ấy ăn vận thế nào?

-Anh hỏi vậy là làm sao? – Cậu lái xe ngạc nhiên – ý anh muốn nói là ăn

mặc có hờ hang hay không chứ gì? Bố ơi, Nghị định 87 dẹp hết những cái đó rồi!?

-Không, không!... À mình mơ...

Cậu lái xe cười trêu Dương. Anh không thể giải thích và cũng không thể kể ra giấc mơ cho cậu ta được.

Sau chuyến xuất hành đầu xuân về cố đô Hoa Lư mấy ngày. Người bạn đồng nghiệp ở một tờ báo khác gọi điện cho Dương bảo rằng, toàn bộ pô ảnh chụp trong chuyến đi ấy không được một kiểu nào, và anh ta than thở kêu tiếc.

Dương gào lên trong máy:

-Sao lại thế? Lọt sáng à? Hay là không đủ ánh sáng?

-Không phải! Phim không quay tý nào thành ra toàn chụp không!... Mà này, bao giờ chụp ảnh ở đình, chùa, đền miếu gì thì mình cũng thấp hương xin phép. Hôm ấy mình cũng thấp hương khấn các vị, xin được chụp mấy kiểu ảnh. Thế mà các vị không cho.

-Mình hiểu rồi – Anh trả lời bạn mà như tự nói với mình.

Tự thâm tâm, Dương hiểu là mình đã may mắn!.....

Nguyễn Chu Nhạc

nguyễn chu nhạc

Giải thoát

Quê tôi cách Hà Nội không xa. Đó là một làng quê nằm ven một nhánh sông lớn đổ về sông Hồng. Cho đến bây giờ, đã ba chục tuổi nhưng tôi luôn có cảm giác là cuộc đời tôi, cả những năm trước đây và sau này, luôn bị ám ảnh bởi một cảnh tượng mà lần đầu tiên tôi nằm mơ khi tôi mới chừng năm hay sáu tuổi gì đấy. Tôi thấy cảnh ở dưới đáy một cái hồ, hoặc đầm rộng, có một con vật to lớn thân dài, đầu to, răng nhọn hoắt, mắt sáng, móng sắc và cả thân hình được phủ bởi một lớp vảy cứng. Cho đến năm mười tuổi, tôi con mơ thấy con vật ấy mấy lần nữa. Và lần nào cũng vậy, con vật kỳ lạ này bị một hòn đá đè lên gáy làm nó giãy giụa nhưng không làm sao hất nổi hòn đá ra, và vì thế, nó chẳng bao giờ cất nổi đầu lên được. Có thể, hồi mơ thấy cảnh tượng đó tôi còn quá bé nên tôi không hiểu con vật đó là con gì, vả lại, tôi giữ kín trong lòng mà chẳng dám hé răng nói với ai, ngay cả mẹ tôi. Rõ ràng là con vật đó không giống bất cứ con vật nào như trâu bò, lợn. chó... đại loại các loài vật mà tôi nhìn thấy hàng ngày.

Rồi một lần, mẹ tôi cho tôi về chơi quê ngoại. Khi mẹ dắt tôi đi trên đường làng, ngang qua cửa đình thì tôi giật mình nhìn thấy trên mái đình có hình con vật giống hệt với hình dạng con vật từng nhiều lần xuất hiện trong giấc mơ của tôi. Tôi hỏi mẹ đó là con gì thì mẹ bảo nó là con rồng. Tôi tò mò

muốn biết thêm rồng là con vật như thế nào và sống ở đâu? Mẹ chỉ ừ à cho qua chuyện, rồi còn mắng át đi rằng tôi là trẻ con chỉ hay hỏi lung tung. Lát sau mẹ bảo: “Con phải học cho giỏi. Lớn lên con tự tìm hiểu lấy xem con vật ấy nó như thế nào. Mẹ là đàn bà chỉ biết đến đây thôi”.

Nghe lời mẹ, tôi cố lắng nghe. Thế nhưng, dù cho tôi có thông thuộc bốn phép tính, thuộc lòng bảng cửu chương, thì tôi vẫn chẳng biết thêm về con rồng. Ở làng tôi có ông Tố Vị, lúc đó ông đã gần sáu mươi, được người làng xem là người hiểu biết nhất. Người ta bảo rằng ông biết cả chữ Hán, chữ Nôm, hiểu tử vi tướng số. Cả làng, hễ nhà nào có việc đại sự như làm nhà, cưới hỏi gì đó, người ta đều đến hỏi ông. Tôi tìm đến nhà ông Tố Vị, kể chuyện tôi mơ thấy con rồng bị đá đè ở gáy. Chấm chú nghe tôi kể, rồi ông hỏi tuổi của tôi và bảo: “Mày sinh năm Thìn, cầm tinh con rồng, mày mơ thấy rồng là phải. Có điều, rồng bị chẹn đá ở gáy còn làm nên trò trống gì. Hoặc sau này mày là thằng tâm thần, hoặc có điều bí ẩn chi đây.” Khi tôi gắng hỏi xem con rồng nó thường sống ở đâu để tôi tìm cách bắt thì ông cười ồm lên và bảo: “Con rồng không có thật. Con rồng là sản phẩm của sự tưởng tượng, nhưng lại là con vật hổ lớn, tam khoanh tứ đốm. Nó có mình rắn, đầu sư tử, móng vuốt của loài hổ báo, vây của loài thủy sinh... Các vua chúa ngày xưa lấy rồng làm biểu tượng cho uy quyền và sự cao quý của mình... Uy quyền cũng không có thật, chỉ là sự huyền hoặc, bởi lúc thì uy quyền là có thật, khi khác chỉ là hư vô”...

Nghe ông nói, tôi không hiểu, vả lại tôi không tin ông, tôi tin vào giấc mơ của tôi hơn. Đêm ấy tôi trần trọc, suy nghĩ lung tung. Đến gần sáng, tôi mới chợp mắt đi được và tôi lại mơ thấy cảnh tượng cũ. Có điều khác trước là cảnh tượng không hư ảo mà rõ ràng hơn, con rồng nằm dưới đáy cái đầm rộng, cạnh quán Táo, có công thông ra sông. Tôi giật mình choàng tỉnh, bởi con rồng tung mình giãy giụa, cố hất hòn đá ra nhưng không nổi. Trời

còn mờ tối. Tôi lén ra khỏi nhà, chạy hộc tốc ra phía đầm quán Táo. Tôi đứng trên nóc cống, cố mừng tượng lại giấc mơ để định vị. Tôi nhảy xuống đầm, lặn ngụp. Tôi quyết tìm cho ra nơi con rồng bị giam hãm bởi hòn đá. Nhưng lặn mãi, quờ quạng mãi, tôi chỉ thấy toàn là bùn, vài ba vỏ ốc, xác cua chết. Mệt quá, tôi lên bờ ngồi thừ ra. Đôi ba người đi chợ sớm ngang qua thấy tôi bèn hỏi, tôi nói dối là đi nhấc đồ. Nhưng khi ông Tố Vị đi qua thì tôi đành phải nói thật, và ông bảo tôi về đi. Tôi còn nghe rõ tiếng ông lầm rầm trong miệng: “Đúng là thằng này tâm thần rồi! Còn nếu không thì nó cũng là một thằng gian hùng, đa nghi như Tào Tháo”.

Không tìm thấy rồng thì tôi tìm Tào Tháo, để xem đó là người thế nào. Tôi hỏi người này, người nọ mãi mới biết được Tào Tháo là một nhân vật trong chuyện Tam Quốc, sống ở bên Tàu cách đây gần hai ngàn năm. Vật nài, rồi tôi cũng mượn được bộ truyện Tam Quốc của một người quen ở xã bên. Tôi đọc say mê và tìm thấy ở đó bao nhiêu điều hay. Tôi thấy Tào Tháo không đến nỗi đa nghi, giả dối như người đời sau vẫn ví, bởi ông ta biết làm thơ, và lại còn có những lúc say sưa mà bộc bạch thật lòng hơn mấy ông vua, ông tướng khác. Ở đây, tôi cũng thấy Diêu Thuyền đâu có điều toa gì. Nàng thật đẹp và đáng thương, bởi nàng là đàn bà hạ đẳng, là con tốt thí trong nước cờ “Mỹ nhân kế” của những kẻ thống trị thiếu nhân cách và độc ác. Dầu sao, tôi cũng thâm biết ơn ông Tố Vị, vì lời nói khích bác của ông đã vô tình dẫn tôi đến một thế giới khác, nơi sâu thẳm của lịch sử. Bản thân tôi luôn khâm phục những người dám làm việc nghĩa, ghét thói hư tật xấu, mặc dù, tự thâm tâm, tôi thấy mình cũng đầy những thói hư tật xấu. Trong tình yêu cũng vậy, tôi yêu say đắm nhưng không bộc lộ.

Nhà tôi chỉ có hai mẹ con. Bố tôi mất sớm khi mẹ tôi còn chưa đến năm mươi tuổi. Ngày trẻ, mẹ là người mỏng mày hay hạt, nụ cười tươi tắn. Mẹ dồn tất cả tình thương yêu cuộc đời vào tôi, nhưng tôi lại là một thằng dở

hơi, người ta bảo thế. Nhiều lúc tôi bắt gặp mẹ ngồi lặng yên suy nghĩ và lên lau nước mắt. Tôi thương mẹ lắm, mẹ chẳng đáng phải đánh đổi cả cuộc đời lấy tôi. Nghĩ vậy, nhưng tôi không biết nói thế nào và cũng không thể thốt ra được. Những lúc bắt gặp mẹ như vậy tôi bỏ đi nơi khác, tôi không nỡ quấy động tâm tư mẹ.

Có một dạo, cứ tháng một đôi lần, ông Tố Vị đến nhà tôi chơi. Lấy cớ là hỏi han tôi học hành thế nào, xem được những sách gì, và thường là ông ngồi uống trà cho đến sẩm tối. Máy lần đầu tôi còn ngồi hầu chuyện ông, nhưng sau vì bận công việc, tôi kể ông ngồi nói chuyện với mẹ tôi, tôi còn phải đi làm. Rồi sau, băng đi vài tháng, không thấy ông lai vãng, tôi cảm thấy cứ thiếu thiếu thế nào ấy, bèn hỏi: “Lâu nay không thấy ông Tố Vị đến chơi, mẹ nhỉ?”. Mẹ tôi trả lời: “Ồ... lâu rồi... Mà mẹ không muốn con giao du với nhà ông ta”. Tôi hỏi: “Sao hả mẹ”? Mẹ bảo: “Cái lão ấy không phải là người đứng đắn. Có nhiều chữ thật đấy, nhưng mà không đứng đắn thì cũng bằng thừa”. Mẹ quay mặt đi và tôi lờ mờ hiểu ra. Một lúc sau, mẹ lại bảo: “Chẳng nhẽ ... tao lại đuối thẳng vào mặt lão ta!”.

Mẹ bảo tôi không được giao du, đi lại nhà ông Tố Vị, tôi không cãi lại nhưng làm sao tôi có thể nghe lời mẹ được. Ông ta là người hiểu biết, là người duy nhất ở cái làng này có thể giảng giải cho tôi biết nhiều điều. Và lại, tôi thích cái Hảo, con gái ông và nó học cùng lớp với tôi.

Tôi và cái Hảo cùng học một lớp với nhau từ ngày nhỏ, rồi dần lên lớp trên. Nó học dốt toán nhưng lại giỏi văn, còn tôi thì ngược lại. Làm toán tôi chỉ thoáng cái đã xong, nhưng hễ phải làm văn thì tôi không biết phải viết thế nào, mặc dù ,trong đầu tôi nghĩ có vẻ đâu ra đấy. Tôi học khác bọn trong lớp. Chúng nó đều có mục đích cả. Có đứa mong sau này thành kỹ sư, bác sĩ... Hay như cái Hảo thì muốn được trở thành “kỹ sư tâm hồn”. Còn tôi, tôi chẳng có mục đích gì cụ thể. Mẹ tôi bảo học để hiểu biết thì tôi cũng học để

hiểu biết. Hiểu biết rồi làm gì thì tôi lờ mờ lắm. Giờ kiểm tra bài, không thuộc thì bọn chúng tìm mọi cách quay cóp. Tôi mà không thuộc thì đành bỏ trống chịu điểm kém. Bọn chúng gian dối nhưng lại cười tôi, tức quá, tôi cũng quay cóp. Và lại tôi sợ bị đúp. Song tôi biết, làm thế trí óc tôi chẳng khá lên được.

Cái Hảo hay nhờ tôi làm toán hộ. Nó ngồi ngay sát bên tôi, còn tôi vừa suy nghĩ vừa lén nhìn vào khoảng trống nơi ngực nó. Mũi hít căng mùi lá bưởi ngai ngái nơi tóc nó. Tôi thầm nghĩ “Nó là vợ mình thì mình sẽ làm gì nhỉ?”. Những lúc như thế, tôi đàn mặt ra, và cái Hảo hiểu ngay, nó liền cảnh tỉnh tôi : " Này... đặng ấy nhìn gì thế? Làm đi chứ ". Tôi giật thót mình, lại nghĩ nó là con gái ông Tố Vị. Để gì mẹ tôi lại chịu làm dâu gia với nhà ông Tố Vị? Cái Hảo thì hình như nhờ vậy thôi, song nó cũng chẳng để ý đến lời tôi giảng giải. Nó cứ ngó ngoáy ngo ngoáy không yên như ngồi trên ổ kiến lửa. Một bận nó bảo tôi: “Học nốt năm nay, xong cấp hai, tớ nghỉ ở nhà. Bố tớ bảo... - Nó cười... Con gái cần gì nhiều chữ... Con gái chỉ cần lấy được thằng chồng tốt.... Với lại, con gái nhiều chữ thì dễ hư lắm.... Để lý sự, để cãi lại chồng à? Đạo lý nào xưa nay đi dạy con gái cãi chồng?”. Tôi nói: “Mẹ tớ cũng bảo, con gái phải tiết hạnh”. Cái Hảo cãi: “Tiết hạnh để làm gì? Thế con trai không cần tiết hạnh à? Mà thôi... đặng ấy hiền lắm... hình như đặng ấy bị... làm sao ấy”. Tôi nóng mặt. Tôi chỉ muốn câu xé cái Hảo ra hàng trăm mảnh.

Đêm ấy về, tôi mơ. Tôi mơ thấy tôi và cái Hảo trần truồng nắm tay nhau bơi xuống đáy hồ nước, nơi có con rồng bị hòn đá chẹt cổ. Hai đứa tôi hùn sức đẩy tung được hòn đá. Con rồng cất đầu lên, vùng vẫy làm sóng nước sôi lên ùng ục. Tay tôi nắm hòn đá, tôi bóp chặt lấy...nhưng hòn đá trong tay tôi lại hóa thành bầu vú cái Hảo mây mây.... Tôi căng người rồi lịm đi, chìm sâu dưới đáy nước.... Tôi nghĩ lờ mờ, hòn đá thế này, thảo nào rồng không gãy

ra được là phải thôi. Sáng hôm sau, tôi tỉnh dậy, nhưng thu mình nằm im, lắng nghe không gian. Mẹ tôi gọi dậy đi học, tôi trả lời ú ớ. Mẹ tưởng là tôi ốm, sờ trán, nắm chân tay, rồi mẹ lật đật chạy sang hàng xóm nhờ bạn bè đi học xin phép nghỉ hộ tôi. Đến gần trưa tôi mới dậy. Đi ra ngoài vườn, tôi thấy đất trời đổi khác.

Cuối năm ấy, chiều ba mươi tết, tôi lảng vảng ra cổng Quán Táo. Minh tôi lẻ loi giữa cánh đồng rét buốt. Chiều tắt niên tai tái dài dại. Làng xóm cúm rúm, xo xắt lại. Tôi ngồi bệt xuống vạt cỏ nâu xin cần cỗi. Chợt tôi giật mình, thì ra ông Tổ Vị đứng sau lưng tôi từ lúc nào không hay. Tôi chào và ông hỏi: “Mày ra đây làm gì, hả thằng dờ người kia? Tao đi tảo mộ thắp hương tắt niên ở đằng kia, nhìn thấy mày, tao đành chịu rét thêm, là để bảo cho mày biết, mày không tìm được gì ở đây đâu. Thôi về đi, con ạ. Không tao lại bảo mẹ mày ra lôi mày về”. Như mọi khi, hễ thấy ông gọi là thằng dờ người, tôi bực mình lắm. Tôi bảo ông cứ mặc tôi, và cũng không muốn ông nói với mẹ tôi. Nghe vậy, ông có vẻ tức, rửa tôi đủ thứ rồi bỏ đi. Đi một đoạn, ông dừng lại nói to “Làm gì có rồng. Mà có rồng thật, sống ở cái vũng trâu đầm này thì rồng cũng thành giun thôi, con ạ! Bớ mày đây, bảo cho mà biết, lại không chịu nghe lời. Cá không ăn mắm cá thối, con ạ!”. Khi ông Tổ Vị về rồi, còn lại một mình, tôi cảm thấy lạnh ghê gớm. Nhang cháy dở phía nghĩa địa, gió thổi bùng lên thành ngọn lửa. Tôi nhìn thấy từng đoàn người đi như lướt trên mặt đồng chạng vạng... Tôi sợ run người, định bỏ chạy. Bỗng tôi nghe lục đục phía dưới cổng. Tôi căng mắt nhìn thì phát hiện ra từng đàn cá chép nhô hẳn sống lưng đang ngược nước từ sông vào đầm. Tôi ngẩn người, quên cả sợ, tôi để cả áo quần lội xuống. Tôi bắt mãi miết. Dễ chừng được mấy chục con cá chép lớn nhỏ đủ cỡ. Tôi cởi áo ngoài để bọc cá, khệ nệ ôm về. Mẹ tôi cũng tắt niên xong, đang ngồi chờ tôi về để cùng ăn. Thấy tôi về, mẹ mừng lắm. Lại càng mừng khi thấy tôi bắt được bao

nhiều là cá. Tôi đổ cá ra sân, bảo mẹ đi mổ cá. Còn tôi lén giấu một con to nhất, thay quần áo tinh tươm và mang con cá đến biếu ông Tổ Vị. Tôi gọi công, cái Hảo mở cổng, thấy tôi thì ngạc nhiên lắm. Tôi đùa: “Có món quà sêu lễ bố vợ tương lai đây”. Cái Hảo liếc xéo, véo tôi một cái thật đau, nhưng tôi thích lắm. Sau khi nghe tôi nói, ông Tổ Vị cầm con chép lên, bảo: “ Lý Ngư vượt vũ môn đây! Chú máy đưa Táo Quân lên châu trời , sao không hóa rồng còn về đây làm gì mà để cho cái thằng nửa vĩ nhân nửa dờ hơi này túm được. Nay mắc cạn thế này, âu cũng tại số kiếp cả!... Còn cậu Thăng, cậu vợ bỏ đấy. Cảm ơn cậu! Thôi về đi, kéo sắp giao thừa rồi... Về trễ, quá đi... kéo sang năm mới lại đông cho nhà tôi và cả nhà cậu nữa đấy !...”.

Ra đến cổng, tôi mừng thầm, ông không xưng hô tao mày với tôi nữa mà gọi tôi là cậu, có lẽ sau này, không chừng, ông sẽ đồng ý gả cái Hảo cho tôi. Về nhà, mẹ tôi mổ cá vẫn chưa xong, mà pháo giao thừa đã lác đác nổ...

Tưởng cái Hảo nói chơi, thành ra thật. Hết cấp hai nó ở nhà làm ruộng. Tôi cũng định thôi nhưng mẹ tôi muốn tôi phải học. Tôi vào cấp ba. Cả xã có mấy đứa, chúng chơi với nhau, bỏ mặc tôi. Tôi cũng chẳng cần. Tính tôi ưa lặng lẽ, suy tư một mình nên tôi chẳng vì thế mà buồn. Nhà tôi không có xe đạp. Mẹ tôi bán mấy tạ khoai tây giống sấm cho tôi một chiếc. Đám con gái ở lớp thì tôi thấy chán ngấy. Chúng cứ tí tởn như đám búp bê má hồng nơi phố xá, song thật ra thì vẫn quê mùa một cục, chẳng đứa nào bằng cái Hảo. Tôi nhất quyết sẽ cưới cái Hảo bằng được.

Đùng một cái, làng có chuyện động trời. Người ta đồn ầm chuyện ông Tổ Vị dan díu với bà Cả Khoái, bị con gái bà bắt quả tang. Bà Cả Khoái cũng chạc tuổi ông Tổ Vị. Bà góa chồng trẻ, ở vậy nuôi cô con gái độc nhất là chị Bái. Chị Bái lấy chồng, lại cũng góa chồng trẻ, có một con trai. Ba mẹ con bà cháu ở với nhau. Mọi người bảo nhau rằng, tưởng bà Cả Khoái khi còn trẻ

có tí tấu tí mẽ, chứ ai lại già đời rồi mới đổ đốn. Người làng kể cho nhau nghe chuyện chị Bái mắng mẹ thì bà Cả Khoái thú tội rằng bà đang giã gạo, thì ông Tố Vị đến chơi. Bà định ngừng giã pha trà, tiếp ông, ông lại bảo “thân già làm một mình cực lắm, để tôi cùng giã đỡ cho vui chân”, thế rồi từ vui chân ông chuyển sang vui vầy. Biết chuyện, tôi chẳng dám nói gì với mẹ tôi. Mẹ bảo: “Con thấy chưa! May mà dạo nào... mẹ đuổi lão ta thặng cổ ... chứ không... có ngày rầy rà to. Lão ta là đồ mất mảnh”. Nghe nói, cái Hảo khóc lặn lộn và còn đe tự tử. Cái Hảo vừa khóc vừa bảo bố nó: “Thầy làm như thế thì con còn mặt mũi nào... Rồi đây, ai còn thềm dòm ngó đến con... Người ta kén vợ kén tông”. Còn ông Tố Vị thì u uất: “Chuyện lỡ rồi! Mà cũng có gì đâu... Mà việc gì phải chết, hả con! Đời người ta còn nhiều thứ điểm nhục hơn... Giá chết được thì tao đã chết từ lâu, và chết nhiều lần rồi, con ạ !”...

Sau chuyện ấy, tôi không vui mà cũng chẳng buồn. Đầu óc tôi lúc trống rỗng, lúc mông lung. Một hôm, sau buổi học, tôi quăng xe đạp lại và tôi bỏ đi. Tôi đi và chẳng biết đi đâu. Đêm đầu bơ vơ ngoài đường, tôi cứ nhìn vàng sáng hắt lên trời mà hướng tới. Có lẽ nơi ấy là thành phố!....

Rồi tôi trở về nhà bằng cách nào thì tôi cũng không nhớ rõ. Trong cơn tâm thần bột phát ấy, tôi chỉ nhớ duy nhất một hình tượng. Đó là lúc tôi đi dọc bờ sông, khi trời đã về chiều, thì trời đất bỗng nhiên tối sầm lại, mù mịt bụi bay, gió thốc mạnh làm cây cối ngã nghiêng, tôi đứng không vững, ngã sấp ngã ngửa, tai nghe tiếng nước rơi róc âm ào, rồi phía dưới bờ đê, ngay trên vạt ngô bãi bồi, một cây cột sừng sững mọc lên và nó lung lay nghiêng ngả. Tôi cố mở mắt ngược nhìn lên thì chỉ thấy cây cột vút mãi tận trời. Tự nhiên, tôi có cảm giác người như bị nhấc bổng lên khỏi mặt đất. Tôi nhanh tay nắm chặt lấy bụi trinh nữ bên bờ đê, cố ghì mình để tránh khỏi bị nhấc bay lên. Mặt tôi vục xuống, răng cắn vào đất. Đúng lúc ấy đầu tôi chột lóc sáng. Thôi

đúng là con rồng tung mình bay lên khỏi đầm nước rồi. Nhưng sao chỉ thấy phần thân và phần đuôi của nó tung quẫy? Còn phần đầu của nó đâu? Hay là đầu của nó vẫn còn bị hòn đá chặn chặt dưới đáy đầm? Và tự nhiên, trong người tôi sôi lên một ý chí mạnh mẽ, rằng tôi sẽ quyết tâm sư học đạo để có đủ trí tuệ và sức mạnh giải phòng con rồng ra khỏi nơi giam giữ, rằng tôi cam tâm tình nguyện sẽ suốt đời đấu tranh và hiến dâng thân mình cho sự nghiệp giải phóng này!

Sau khi về nhà, tâm thần ổn định, được mẹ cho biết là ngay khi biết tin tôi bỏ đi, mẹ tôi đã huy động họ hàng và đám bạn học của tôi bỏ về thành phố tìm kiếm. Gần hai ngày lục lợi khắp ngõ ngách, hè phố, xó chợ... người ta bắt gặp tôi ngồi rũ ra dưới một gốc cây to trong công viên nhỏ thành phố giữa trời mưa tầm tã. Tôi bị lạnh đến cứng hàm mà tôi vẫn cố lẩm nhảm “Giải phóng... Giải phóng...” Mẹ tôi bảo: “Lúc ấy mọi người tưởng con chết vì cảm lạnh... Nhưng rồi con sống và hồi tỉnh dần. Có lẽ cơn mưa đã gội rửa những mê muội trong đầu óc con! Xin cảm tạ trời đất!”

Từ ngày đó, tôi ít đến nhà ông Tổ Vị. Tôi không hiểu ông ta là người như thế nào. Có lẽ, trong ông ta có cả thần thánh và ma quỷ! Riêng với cái Hảo, tôi vẫn thích. Nó càng lớn càng đẹp thêm. Nhưng sau chuyện ông Tổ Vị dan díu với bà Cả Khoái thì trông nó ỉu xiu, ủ dột như bánh đa nướng gặp tiết nồm. Về ủ dột phủ lên cơ thể đầy sức sống càng làm cho nó thêm phân thánh thiện. Một đêm, làng có hát chèo, cái Hảo đi xem cùng mấy đứa con gái cùng xóm. Tôi để ý tìm kiếm và ngồi cách đó một quãng. Trên sân khấu đến đoạn Thị Kính hát điệu Sử rầu mang con Thị Màu đi ăn xin thì cái Hảo bỏ về trước một mình. Vừa để mắt chú ý một chút lên sân khấu, ngoảnh sang đã không trông thấy cái Hảo đâu. Tôi đảo mắt chợt thấy thoáng bóng nó ở phía cửa ra vào. Tôi chạy theo, giẫm bừa lên chân người ngồi xem. Đến cửa ra vào thấy mắt hút bóng nó. Tôi đoán nó bỏ về nhà nên rảo bước về hướng nhà

ông Tố Vị. Gần tới cổng, tự nhiên máu tự ái bốc lên làm tôi đứng sững lại. Tôi quay về nhà mình chứ không xem nốt chèo nữa. Đêm ấy, tôi khó ngủ. Sáng sớm hôm sau, khi tôi oằn oại chưa muốn dậy thì mẹ tôi đến bên giường bảo: “Thôi dậy đi con! Mọi người kháo nhau là đêm qua, ông Tố Vị tự vẫn chết rồi. Khi cái Hảo xem chèo bỏ dở về đến nhà thấy ông Tố Vị treo cổ ngay giữa nhà”. Tôi vùng ngay dậy. Đêm qua, giá tôi không tự ái thì có phải tôi đã có mặt ở bên cạnh người tôi yêu lúc hoạn nạn không. Song biết đâu, nhờ có mặt ở đấy, tôi phải làm nhân chứng cho một vụ án, và không chừng, người ta còn nghi tôi dính nứu gì tới cái chết của ông ta cũng chưa biết chừng. Thế là người hiểu biết cao nhất của làng không còn nữa! Ông quyền sinh vì lẽ gì? Sau khi ông chết người ta còn đồn đại, thêu dệt nhiều chuyện bĩ ối. Chẳng biết nên tin vào đâu!

Từ ngày ông Tố Vị chết đi, tôi lại vợ vẫn nghĩ đến chuyện con rồng. Một trưa hè tháng sáu, tôi ra đầm. Tự nhiên ở giữa đầm sủi lên một đám bong bóng to. Thôi đúng là con rồng bị đá chẹn cổ lâu ngày ngạt thở rồi. Có lẽ nó đang hấp hối. Không kịp suy nghĩ, tôi lao mình xuống, bơi ra giữa đầm, lặn một hơi dài, quờ quạng lung tung song chẳng thấy gì. Lên bờ tôi tần ngần mãi. Tôi nghĩ, có lẽ con rồng đã chết rữa ra lâu rồi, hoặc giả nó đã giãy ra được rồi bay lên trời mà bữa nào tôi đã nhìn thấy. Còn mấy cái tăm to sủi lên, có lẽ do trời quá nắng, nước nóng làm khí thoát từ bùn bốc lên thành bọt trên mặt nước?

Sau đó, tình cờ tôi đọc được ở một tờ báo có bài viết nói về con rồng. Vị giáo sư, tác giả của bài viết nói về một huyền thoại rằng con rồng vốn là một loài rắn biển hung dữ. Đọc rồi, tự nhiên tôi thấy chán ngấy. Tôi cũng ít nghĩ đến cái Hảo. Mỗi lần nhớ đến nó, tôi không thấy sôi lên trong lòng mình khát vọng nhục dục nữa. Song khi nghĩ đến bầu ngực, vóc dáng thon thả của Hảo tôi không khỏi bần thần. Tôi không sợ lấy cái Hảo sẽ mang tiếng, bởi

đơn giản từ bé đến giờ, tôi luôn hành động theo ý nghĩ của mình, bất chấp người nói vào ra thế nào. Để ý quanh làng xóm, tôi thấy gia đình mới tù túng làm sao. Tự thân tôi cũng thấy vậy. Nhưng tôi biết, cái Hảo, cùng với mẹ tôi luôn là chỗ dựa tinh thần cho tôi.

Tôi không học thêm cao nữa mà ở nhà làm ruộng nuôi mẹ. Mẹ tôi yếu lắm rồi. Tôi biết thâm tâm mẹ muốn tôi lấy vợ, sinh năm đẻ bảy, bởi có như vậy mẹ mới coi như mình trả xong nợ với đời mà nhắm mắt xuôi tay. Tôi ba chục tuổi. Nhớ có lần, ông Tố Vị bảo “Tam thập nhi lập... Ở cái tuổi này mà không định hướng được ý chí mình thì coi đời là bỏ đi”. Vậy mà tôi vẫn bị người ta cho là một thằng dở người. Khi ông Tố Vị còn sống, ông hay khích bác tôi, nhưng tôi còn có được sự khích bác để mà nổi xung lên, mà tự ái... Còn bây giờ, người ta lẩn lội, lam lũ, sao vẫn chán ngắt. Chán đến tái tê! Hàng ngày, tôi vẫn phải ra đồng. Không làm thì lấy gì mà đút vào miệng mình, chứ chưa nói đến chuyện nuôi mẹ. Tôi cầm cày đi sau con trâu, rồi gieo mạ, cấy hái... như mấy nghìn năm trước tổ tiên tôi từng làm. Mọi người xung quanh tôi cũng vậy. Nhưng chẳng một ai, ngoài ông Tố Vị, biết tôi đang nung nấu ý chí sắt đá, biết tôi đang tích tụ sinh lực để giải phóng con rồng thoát khỏi nơi tù hãm.

Tháng Giêng 1994

nguyễn chu nhạc

Ngày Xưa Ấy

Một người đỗ đạt cả họ được tiếng, đó là một câu cửa miệng mà đến nay vẫn có giá trị và được nhiều người nhắc đến ở vùng quê tôi, nhất là những dịp làng có ma chay cưới xin, hoặc giỗ chạp.

Làng Giải Oan quê tôi gần như thuần nhất một họ Nguyễn, nhưng chia thành ba chi: Nguyễn Văn, Nguyễn Xuân, Nguyễn Huy. Như thế có nghĩa là ông tổ của họ Nguyễn của làng có ba con trai, từ đó hình thành ba chi họ như ngày nay. Theo thứ tự thì Nguyễn Văn là chi trưởng, Nguyễn Xuân là chi thứ và chi út là Nguyễn Huy. Ấy thế, duy chỉ có chi út sản sinh ra một nhân tài khoa bảng, đỗ đồng tiến sĩ xuất thân thời Hậu Lê (tôi đã từng đề cập trong truyện “Thâm thoát tháng ngày”). Đỗ đạt làm quan, đó là niềm khát khao của ông tổ họ Nguyễn sinh thời, một người vốn dòng dõi quan lại khoa bảng từ Thăng Long trôi dạt về vùng đất chiêm trũng này. Có người kể tục đỗ đạt, tương đó là niềm vinh hạnh, song không phải chỉ đơn thuần như vậy, bởi từ đó nảy sinh chuyện chằng lành, được coi là nổi sĩ nhục, nhưc nhối trong cả dòng họ suốt bao đời nay, không dễ gì xóa nhòa đi được.

Nguyên cụ Thủy tổ họ Nguyễn thưở lập làng có hai vợ. Tuy đông con

nhưng mỗi bà chỉ sinh hạ được một con trai, sau này phát sinh hai chi Nguyễn Văn và Nguyễn Xuân. Đa đình, phú túc như thế, nhưng cụ thủy tổ vẫn buồn lắm. Cụ buồn bởi cả hai người con trai đều chỉ say mê và giỏi nghề nông tang, chứ không ai chịu học hành, có chăng cũng chỉ ê a đôi ba câu Tam tự kinh để khỏi mang tiếng không biết chữ thánh hiền. Cụ thủy tổ nuôi chí kiếm một thằng con trai nữa, hy vọng sau này người đó sáng dạ, học hành đỗ đạt. Như thế cụ sẽ phải lấy một người vợ khác, mà người đó phải thuộc dòng dõi khá giả, có học. Suy ngẫm mãi, cụ thủy tổ quyết định hỏi cô con gái út của một người quen ở làng khác trong tổng.

Cụ Nguyễn tự thân đến nhà người bạn trước hết là với lý do thăm hỏi. Đôi mắt sắc sảo của cụ thỉnh thoảng lại ánh lên dõi theo bóng dáng của cô Vy, con gái út của người bạn mà cụ đã nhắm trước. Càng ngắm cụ càng ưa. Cụ thầm nghĩ “Con người tươi trẻ, óng ả, sáng láng thế kia thế nào cũng sinh hạ cho ta quý tử”. Rồi cụ Nguyễn ngỏ ý với người bạn.

Thoạt tiên, người bạn hơi sững sốt bởi con gái mình tuổi mới độ trăng tròn lẻ, mà bạn mình thì đã ngót lục tuần. Nhưng cứ nhìn cụ Nguyễn, tóc còn xanh, râu vểnh, lông mày rậm hơi xéch, mặt đỏ, thì phần nào yên tâm. Rồi thì ván cũng đóng thuyền, cô Vy trở thành vợ ba cụ Nguyễn.

Về nhà cụ Nguyễn, cô Vy không phải làm việc nặng, bởi công việc đồng áng đã có bà cả, việc nội trợ gia đình thì đã có bà hai. Hằng ngày, công việc chính của cô Vy là lau chùi bộ ấm chén uống trà, đánh bóng chiếc tràng kỷ và tủ sách, bàn thư của cụ Nguyễn. Lẽ dĩ nhiên, tối tối chường gà gáy thứ nhất, cụ Nguyễn mới vào với vợ ba. Thường khi đó, cô Vy chỉ có một cảm giác duy nhất là sự sợ hãi cộng với nỗi tủi thân, nên cô co rúm người lại,

nhắm nghiền mắt mặc cho ông già vằn vò muốn làm gì thì làm. Khi chồng đã thỏa mãn ngủ say, cô vẫn còn sợ, chỉ nằm im, ứa nước mắt và lúc này cô mới đủ tỉnh tâm để nghĩ đến chàng khóa Huy. Chàng hơn cô bảy tuổi và là học trò của cha cô. Chàng thông minh, vóc dáng ung dung thư thái. Cha cô bảo sau này thế nào chàng cũng đỗ đạt. Cô và chàng thầm yêu trộm nhớ nhau. Mới tết vừa rồi, chàng cùng đám khóa sinh đến nhà cô chúc tết, chàng đã giả vờ ra đầu hồi nhỏ bã trầu rồi len lén dúi vào tay cô bài thơ xuân chàng viết tặng cô. Bài thơ ấy đến giờ cô vẫn thuộc. Chỉ tiếc nỗi, biết chữ nhưng chẳng hay thơ để làm mấy vần hồi đáp chàng. Với cô, ban đêm vừa đáng sợ, vừa là nỗi mong chờ. Bởi là vì, chung đụng với chồng tuy thật khổ sở, nhưng sau đó cô được thả hồn về với chàng khóa Huy, mặc sức cho trí tưởng tượng bay bổng. Có một lần, cô mơ thấy đám cưới mình với chàng khóa Huy, rồi đêm tân hôn cô mê man trong vòng tay xiết chặt của chàng, nhưng lạ lùng thay. sau những phút giây khoái cảm, chàng khóa Huy mặt xanh mét và đầu chàng tóc mọc ra lởm chờm. Cô sợ quá lay gọi thì chẳng thấy chàng đâu và thay vào chỗ chàng nằm là một đồng tóc. Không hiểu tóc ở đâu mà lấm thế. Những mẩu tóc cắt vụn cứ đùn ra như tổ mối xông. Cô hét lên, choàng tỉnh, người đẫm mồ hôi. Cụ Nguyễn đang ngủ say mê mết sau những phút giây hành lạc, cũng giật mình ngồi dậy. Cô phải nói dối là ngủ mê thấy ma để chồng khỏi nghi. Từ đó, mỗi đêm với cô Vy chỉ còn là đêm của cực hình.

Lạ thay, về làm vợ cụ Nguyễn hơn năm trôi qua, cô Vy vẫn không có thai. Điều đó làm cụ Nguyễn buồn lắm. Còn cô Vy thì chẳng hiểu sao qua những biểu hiện của đàn bà, cô vẫn thấy bình thường. Hay là trời đất phạt cô? Phạt cụ Nguyễn? Trong sâu thẳm tâm can, cô muốn có đứa con để trút hết lòng yêu thương nỗi giận hờn của cuộc đời vào đấy, song cô tự mâu

thuần, không muốn đứa con mà cô phải mang nặng đẻ đau là của cụ Nguyễn, mà đứa con phải là của chàng khóa Huy, người cô yêu thương. Phải chăng, sự đau đớn dần vặt đã tước đi của cô khả năng hoài thai? Song linh cảm vẫn mách bảo cô một điều gì đấy. Và cô nén lòng chờ đợi. Chờ đợi mông lung...

Rồi một đêm mưa ngâu sùi sụt. Đã sang gà gáy canh ba, khi đang mơ màng nghĩ. Chợt cô Vy nghe thấy tiếng gọi tên mình mơ hồ như gió thoảng.

Cô lắng tai nghe ngóng. Đúng là ai đó gọi mình rồi. Hay là oan hồn ma quỷ từ kiếp nào hiện về ám cô. Cô đã làm gì nên tội. Lắng tai nghe. Không. Đúng là ai đó gọi chứ không phải hồn oan nào hết. Cô khẽ mồm dậy. Thôi đúng là chàng rồi, chàng khóa Huy của lòng cô. Nếu đúng là chàng thì làm sao lại dám mò đến đây nhỉ? Cô Vy liếc nhìn chồng. Cụ Nguyễn ngủ say mê mết. Cô ngồi hẩn dậy, sửa sang lại yếm váy. Nhìn chồng tằn ngần. Tiếng chàng khóa như vang lên tha thiết ngoài kia mà chỉ mình cô nghe thấy. Tiếng gọi của đáy lòng thúc dục cô. Cô buông thõng chân xuống khỏi giường và nhẹ nhàng chườn ra. Tự nhiên, cô bỗng thấy thương chồng. Lại phân vân, thù người ra. Phải nói, từ ngày lấy cô về làm vợ, chưa bao giờ cụ Nguyễn nặng lời với cô một câu. Cô cũng không phải làm việc nặng, còn chuyện cô bị dày vò mỗi đêm thì cô cũng phải xem là lẽ thường tình đối với thân phận của người đàn bà có chồng. Nhưng cô còn cuộc đời riêng của mình chứ, có nỗi khát khao không giống một ai. Bằng mọi giá cô phải đoạt lấy.

Đúng là chàng khóa Huy. Nhưng làm sao chàng vào được với mấy lần cửa đóng then cài, cùng bày chó dữ canh gác, mà sức vóc chàng lại yếu ớt thế kia. Đây là cô nghĩ vậy chứ lúc ấy cô làm gì có đủ thời gian và sự tỉnh

táo vắn chàng. Không còn giữ lễ nghĩa phép tắc gì, cô ngã vào lòng chàng khóa Huy. Chàng vuốt ve, xoa nắn khắp cơ thân thể cô, miệng lấp bắp những lời yêu thương, nhớ nhung xen lẫn những lời trách móc hờn giận. Mưa ngâu vẫn rắc đều làm hai người ướt đẫm, nhưng cơ thể họ vẫn cứ dần nóng lên. Chiếc yếm che ngực của cô Vy đã bung ra, còn tóc vắn đầu thì sỗ tung. Đúng lúc ấy, tiếng chó sủa rộ lên. Cô Vy giật thót mình. Về đây đã hơn năm nay, cô biết, hễ con chó mực đã lên tiếng sủa thì khó có gì qua được nó. Cô vội buông chàng khóa nhưng chàng đang cơn mê man, cứ xiết chặt lấy làm cô đau nhức người. Rồi hai người giằng co. Cô Vy luôn miệng giục chàng khóa chạy đi kéo không thoát được. Đến lúc chàng khóa tỉnh người, ngộ ra điều gì, vội lẩn vào bóng cây đến bên chân tường rào, bám vào leo lên tìm cách thoát ra ngoài, thì mọi sự đã muộn. Mấy tay đầy tớ còn nhanh hơn cả lũ chó, chúng đã kịp thời bám sát, túm lấy hai chân chàng khóa giật mạnh xuống. Chàng khóa Huy ngã dập mặt xuống, máu mồm, máu mũi trào ra ướt đẫm ngực áo lụa mỏng.

Chàng khóa bị trói chông gọng, vút nằm trong nhà ngang. Cụ Nguyễn chống chiếc gậy trúc máu đi xuống, cầm chiếc đèn từ tay tên đến tớ, soi vào mặt kẻ bị bắt. Chàng khóa nhắm nghiền mắt lại, nhìn kỹ hồi lâu, cụ Nguyễn lờ mờ hiểu ra là đã từng thấy con người này ở đâu rồi. Hay đó là hình bóng của cụ thõa nào? Hay người trong giấc mơ đây ? Cụ nhìn ra sân đầy bóng tối... Chợt ngộ, khẽ gọi nhưng giọng đanh thép: “Đì ba đâu , lại tôi bảo”. Cô Vy rón rén bước vào. Hết nhìn chông lại nhìn người bạn tình bị trói chông gọng nằm giữa gian nhà ngang. Cụ Nguyễn hết nhìn vợ lại nhìn kẻ lạ mặt, nhát gừng : “Đì ba...có biết người đàn ông này không...nhỉ?”. Cô Vy lúng túng: “Dạ, dạ ... không ạ!”. “Thế hả?”- cụ Nguyễn cộc lóc: “Thế thì đánh!”. Những chiếc roi thi nhau vụt xuống.

Cô Vy rùng mình. Mặt cụ Nguyễn đanh lại. Cụ hạ lệnh: “Thôi”. Rồi cụ đưa cô Vy lên nhà, dặn bọn đầy tớ canh phòng cẩn thận kéo kẻ gian chạy trốn.

Cả cụ Nguyễn và cô Vy nằm lặng thình bên nhau, không ngủ. Cả hai đều nghĩ đến một người. Một mối và sợ hãi, rồi cô Vy cũng thiếp đi. Lúc cô tỉnh dậy, thì giường trống không. Không hiểu cụ Nguyễn thức từ bao giờ và đi đâu. Cô lại hoảng lên và lo sợ cụ Nguyễn sẽ làm gì chàng khóa Huy, còn lo cho chính bản thân mình nữa. Cứng người chôn chân không dám đi đâu.

Trong lúc cô ngủ, cụ Nguyễn trở dậy xuống nhà ngang, lại soi đèn vào mặt người lạ. Người lạ nhìn cụ chăm chăm. Không nói. Cụ Nguyễn gọi tên đầy tớ vào ghé sát tai dặn khẽ rồi yên tâm chờ đợi. Chừng nửa giờ sau, tên đầy tớ bung vào một bát cháo to.

Cụ Nguyễn đón lấy, chia bát cháo vào sát mặt người lạ, răn giọng: “Hãy nghe ta nói đây. Dù thế nào người cũng là kẻ gian. Người phải chọn một trong hai cách. Hoặc ăn hết bát cháo này rồi ta cởi trói tha bổng cho. Hoặc ngày mai ta cho lột truồng giải dọc đường làng, đưa ra đình hạch tội lên vào nhà ta ăn trộm. Thế nào?...”. Chàng khóa im lặng một lát, dứt khoát: “Đưa cháo đây cho ta ăn”. Cụ Nguyễn: “Tốt lắm. Yên tâm mà ăn...Cháo không có thuốc độc đâu”. Và chàng khóa Huy đã rướn cổ trào nước mắt nuốt hết bát cháo trộn tóc bằm nhỏ. Chàng đã được cụ Nguyễn tha bổng như đã hứa.

Chuyện tưởng tày đình, không ngờ lại được thu xếp khéo đến thế.

Mấy đầy tớ được cụ Nguyễn cho ít tiền kèm với lời căn dặn nửa đe dọa rằng: “Đứa nào hé chuyện ra ngoài thì cũng phải ăn cháo tóe như thế”. Chàng khóa Huy biết mình ăn hết bát cháo tóe sẽ chết dần chết mòn, nhưng thà như vậy còn hơn, chàng làm sao chịu nổi sự nhục nhã khi bị lột truồng đi giữa bàn dân thiên hạ, nhất là trong số đó có cô Vy. Chàng chết khổ sở sau mấy tháng mắc bệnh đau bụng, đau thắt ruột gan, đau đớn quần quai.

Sau chuyện đó, cô Vy vốn đã ít nói thì nay gần như câm lặng. Cô đi lại như một chiếc bóng, người dần héo hon. Cụ Nguyễn ngắm cô mà thờ dài thương xót. Cùng với nỗi đau, niềm thương xót kia, hy vọng có đứa con trai học hành khoa bảng của cụ cũng mất theo.

Nhưng rồi một chuyện khác xảy ra làm thay đổi hết thảy. Nguyên gia đình cụ có nuôi một người ở trẻ tuổi. Cậu ta chuyên nghề chăn bò, lợn trong nhà. Người này có tên là Vọng. Cụ Nguyễn từng gặp Vọng đôi lả bên đường, bèn dắt Vọng theo về nhà, vì làng xóm lúc đầu còn vắng nên rất cần người. Vọng mặt mũi dễ coi, đặc biệt có tài khoét trúc làm sáo, làm tiêu và thổi rất hay. Vọng có thói quen, cứ chiều tối mùa hè, sau khi làm xong công việc của mình, Vọng lại vắt áo lên vai đứng đỉnh ra bờ sông. Vọng cởi hết quần áo lội ào xuống sông, bơi thỏa thích, rồi lên bờ hóng mát. Thường lúc này, Vọng mới lấy tiêu ra thổi. Tiếng tiêu của Vọng nghe mà buồn bã làm sao, người làng ai cùng bảo vậy. Gió bờ sông đưa tiếng ấy đi xa hơn. Có người trong làng cho là, Vọng vốn không phải là kẻ tầm thường mà là người danh giá thất thế, phiêu bạt đến nông nổi này. Nghe người làng bảo vậy, lúc đầu cô Vy cũng tin phần nào, nhưng khi tiếp xúc nhiều, cô thấy cốt cách Vọng cũng tầm thường thôi, không có gì của người danh giá cả. Vọng cũng không hề biết chữ bẻ đôi. Được cái, Vọng có dáng vóc thanh mảnh, thư sinh.

Nhìn kỹ cô thấy hao hao giống dáng vẻ của chàng khóa Huy. Thực ra trước đó, chẳng mấy khi cô để ý đến Vọng. Nhưng từ khi biết chàng khóa Huy chết, cô Vy đau buồn và khi ấy cô mới nhận ra người đầy tớ tên Vọng có những nét hao hao chàng. Thỉnh thoảng hỏi han Vọng đôi câu, cô thấy Vọng cũng không đến nỗi ngu đần lắm. Và một suy nghĩ chợt lóe lên trong đầu, rồi nó cứ lớn dần ám ảnh cô những đêm dài cô độc. Nhất định cô phải có con, có con bằng mọi giá. Vọng có thể giúp được cô. Từ khi nảy sinh ý nghĩ ấy, cô Vy thử tìm cách gọi chuyện với Vọng, nhưng khôn nổi, gã ta rụt rè quá, và lại thân phận tôi đòi nên cứ lảng tránh cô.

Một buổi chiều, Vọng theo thói quen đứng đĩnh đi ra bờ sông, cởi quần áo và nhảy ùm xuống nước bơi lội. Chán chê, nhìn lên bờ, Vọng hoảng hốt thấy bà ba của ông chủ đang ngồi bên đống quần áo rách của mình, mân mê trên tay chiếc tiêu mà Vọng vút lẩn lóc bên cò. Vọng vội ngụp sâu xuống, lúc nhô lên thấy bà ba vẫy tay ra hiệu gọi lên bờ. Vọng suy tính một lát, rồi cũng bơi vào gần bờ, dừng ở chỗ nước nông. Vọng lúng búng : “Thưa bà...con không thể lên được...bởi vì con...” Cô Vy: “Ta hiểu rồi...anh không có quần áo chứ gì? Cứ lên đi...Ta ngoảnh mặt cho là được chứ gì?”. Vọng lên bờ, vợ vội lấy quần áo, vừa lúc đó thì cô Vy đột nhiên quay lại và Vọng chỉ kịp thấy cặp vú thây nẩy của bà chủ áp sát mặt mình. Vọng hoảng sợ tột độ, nhưng bà chủ đã giữ chặt lấy, vuốt ve đầu Vọng. Vọng chợt hiểu bà chủ cần gì ở y, nỗi sợ dần biến mất và thay vào đó chỉ còn dục vọng của người đàn ông khỏe mạnh nổi lên hùng hực trong thân xác y. Tay y quờ quạng lung tung, nhưng rồi dưới bàn tay hướng dẫn của bà chủ, hai tay Vọng cũng biết lần mò xuống dưới váy, và chỉ chờ có thể, chiếc váy tụt xuống. Vọng mê đi, chìm ngấm xuống rồi như bay lên trong niềm hoan lạc trần thế mà từ bé đến giờ y chưa từng biết. Vọng cứ bồng bênh, bồng bênh

và trôi dạt mãi. Đến lúc y hồi tỉnh lại để hiểu ra điều gì đã đến với mình thì chỉ còn lại một mình y bên cạnh là bộ quần áo rách vá víu và chiếc tiêu nằm lăn lóc trong bóng chiều chạng vạng phủ tối lên mặt sông hiu quạnh. Tự nhiên, Vọng thấy cô đơn, cô đơn khủng khiếp, và y ứa nước mắt. Chẳng hiểu y khóc vì khổ đau hay sung sướng? Hay vì cả hai? Tối ấy, mọi người không thấy Vọng về. Cũng không ai quan tâm lắm ngoài cô Vy. Cô nấu nước lá thơm, gội đầu tắm tấp. Thấy vợ ba điệu bộ, thân thể quyến rũ lạ thường, cụ Nguyễn không nén nổi lòng ham muốn. Phá bỏ lệ thường đợi sau gà gáy thứ nhất như mỗi lần trước đây, cụ xếp gọn bàn thư vào với vợ ba từ lúc chập tối. Lần đầu, cụ thấy vợ ba nồng nàn thế và cụ như mê đi lạc lối vào cõi ảo. Cô Vy nằm bên chồng thổn thức, không biết nên vui hay nên buồn. Ngoài trời, vàng trăng mùa hè tỏa ánh sáng đùng đục và trong không gian bí nồng ấy, tiếng tiêu bồi hồi như hàm ơn, như ai oán từ bờ sông vọng về. Cô Vy lắng nghe...

Rồi cô Vy mang thai. Đủ tháng đủ ngày, cô sinh ra một đứa bé trai kháu khỉnh. Ngắm kỹ đứa trẻ, tuy không mấy giống mình song cụ Nguyễn an tâm lắm. Không giống cha thì giống ông bà bên ngoài, thiếu gì người để giống. Không con cụ thì con ai. Thằng khóa Huy chết từ tám hoánh rồi còn đâu, ai vào đây được nữa, há giờ ?!

Thằng bé càng lớn càng kháu khỉnh, có vẻ dĩnh ngộ. Song người làng bắt đầu đàm tiếu rằng nó hao hao giống Vọng. Chuyện đến tai cụ Nguyễn, cụ giật mình, ngắm thằng con thật kỹ lưỡng. Quả là nó giống thằng Vọng, kể ở đợ của cụ trước đây. Sao thế được nhỉ? Cụ vất tay lên trán nghĩ nát óc mà không ra.

Thằng Vọng cũng chết rồi mà. Nó chết đuối chềnh ềnh trên sông dạo nào. Ngày ấy, người ta đồn, do nó làm lụng vất vả nên đang tắm bị cảm lạnh đột ngột.

Cụ cũng tin là thế. Cụ còn làm phúc bỏ tiền ma chay chôn cất tử tế. Mỗi khi nhà giỗ tết, cụ đều bảo bà ba thắp hương trên mộ nó nữa kia. Ai ngờ. Nhớ lại, thôi đúng rồi thằng Vọng chết vào cái đêm bà vợ ba của cụ bỗng nhiên nùng nàn, quỵến rũ. Một linh cảm mơ hồ bỗng nhiên xuất hiện trong cụ và cụ Nguyễn hiểu rằng, thằng con trai kháu khỉnh mà cô Vy sinh hạ với cụ chính là con của Vọng. Mặc dầu, cố ngụy biện, cá vào ao ai người ấy được, song thâm tâm vẫn cay cú vì mình chỉ là kẻ đi đổ vờ cho thằng ở đợ nhà mình. Cụ Nguyễn đau đớn âm thầm, ít xuất hiện ở nơi đình đám giỗ chạp đông người. Hai năm sau, cụ Nguyễn qua đời, cô Vy cũng chỉ sống đến lúc đưa con trai lên mười tuổi.

Có ai biết đâu, cái đêm xa xưa ấy, sau khi cô Vy bỏ mặc y ra về, Vọng cứ ngẩn ngơ mãi ở bờ sông. Y không muốn về, y sung sướng rồi y buồn. Vớ lấy chiếc tiêu, y thổi, thổi mãi, trút hết nỗi buồn vui của cả kiếp người vào tiếng tiêu. Đầu y vầng vất, tai y ù đi và mắt y mờ mịt khói sương, ngực thì thất lại trong niềm hoan lạc, rồi y tung chiếc tiêu lên trời, nhảy xuống sông, bơi đi mãi cho đến lúc y cảm thấy hụt hẫng, đuối đi. Y lơ mơ cảm thấy một cái gì sẽ đến với y. Y chìm dần, song ở một nơi nào đó sâu kín trong tiềm thức mách bảo rằng y vẫn còn lại đưa con gửi trên trần thế, và sức lực như trở lại với y. Y cố ngoi lên, ngoi lên, nhô hẳn đầu lên trên mặt nước, vươn hai tay cầu một câu gì đấy. Liệu đất trời có thấu hiểu cho y hay không? Chỉ biết rằng sau đấy, y chìm hẳn, chỉ còn để lại trên mặt nước dăm ba cái bong bóng nước nhỏ, và bị vỡ tan ngay sau khi nó vừa sủi kên trong sóng nước rì

rằm.

Ngày xưa là thế. Làng Giải Oan này là một làng lớn với hàng ngàn nóc nhà. Ba chi họ Nguyễn tồn tại song song nhau. Hằng năm có một ngày giỗ tổ chung, chính là ngày giỗ cụ Nguyễn mà tôi kể trên đây. Trong bữa rượu thè nào cũng có chuyện lời ra tiếng vào về nguồn gốc tổ tiên của mình, dẫn đến sự to tiếng, thậm chí cãi vã hoặc động chân động tay.

Theo dòng chảy của thời gian, chẳng biết từ đâu, chàng ở đợ tên Vọng lại được suy tôn làm Thành Hoàng của làng Giải Oan, và được thờ cúng ở đình hản hoi. Cụ Nguyễn thì có công gây dựng làng bởi từ cụ mà làng được như bây giờ. Làng vinh hạnh có một người đỗ đạt, đó là tiến sĩ thuộc chi Nguyễn Huy thời Hậu Lê, đời thứ bao nhiêu của đứa trẻ ngày xưa. Chi Nguyễn Huy vẫn tồn tại trong nỗi nhớ nhói của cả họ.

Không hiểu rồi, người làng Giải Oan sẽ còn truyền nhau câu chuyện này đến tận bao giờ?

Mỗi khi nghĩ đến chuyện ấy, tôi lại bâng khuâng, không biết nên vui hay nên buồn?

Nhưng chắc chắn là, làng Giải Oan quê tôi cùng với ba chi họ Nguyễn sẽ tồn tại mãi mãi, mặc sự buồn vui của người đời!

Nguyễn Chu Nhạc

Đánh máy: tamvanvov
Nguồn: Tác giả/ VNthuquan - Thư viện Online
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 10 tháng 9 năm 2009